

Số: 57/2014/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT BẢNG GIÁ ĐẤT GIAI ĐOẠN NĂM 2015 – 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII kỳ họp thứ 11, Thông qua Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 554/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2014 về việc đề nghị phê duyệt Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Công văn số 2743/STC-QLG ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Sở Tài chính về việc thẩm định Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

(Có Quy định giá các loại đất và các Phụ lục chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo).

Điều 2. Bảng giá đất được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

- a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;
- b) Tính thuế sử dụng đất;
- c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;
- d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;
- e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện. Trong thời gian thực hiện Bảng giá đất, khi Chính phủ điều chỉnh khung giá đất hoặc giá đất phổ biến trên thị trường có biến động thì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Bảng giá đất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Tổng cục QLĐĐ;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT BCĐ GPMB tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN, NC, QHXD, VX, TCD.
(nghiavd/T12/69/60b)

Nhữ Văn Tâm

QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ ĐẤT

GIAI ĐOẠN 2015 - 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số: 57/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. BẢNG GIÁ ĐẤT

I. GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÓ THỜI HẠN SỬ DỤNG 50 NĂM

1. Bảng giá đất trồng lúa:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	MỨC GIÁ		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1. Thành phố Thái Nguyên			
Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung, Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành	100	97	94
Các xã: Quyết Thắng, Đồng Bầm, Lương Sơn	80	77	74
Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Triu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	65	62	59
2. Thị xã Sông Công			
Các phường: Thắng Lợi, Cải Đan, Mỏ Chè, Lương Châu, Bách Quang, Phố Cò	74	71	68
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	67	64	61
Xã: Bình Sơn	62	59	56
3. Huyện Phổ Yên			
Thị trấn: Ba Hàng, Bãi Bông	67	64	61
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đồng Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	67	64	61
Thị trấn: Bắc Sơn	62	59	56
Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận	62	59	56
Các xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	61	58	55

4. Huyện Phú Bình			
Thị trấn: Hương Sơn	67	64	61
Các xã: Thượng Đình, Diêm Thụy, Nhả Lộng, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu, Xuân Phương, Kha Sơn	67	64	61
Các xã: Thanh Ninh, Lương Phú, Dương Thành, Bảo Lý, Đào Xá	66	63	60
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức	62	59	56
Xã: Tân Khánh	61	58	55
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân Kim, Tân Thành	58	55	52
5. Huyện Đồng Hỷ			
Thị trấn: Chùa Hang	65	62	59
Thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau Xã: Hóa Thượng	62	59	56
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	58	55	52
Các xã: Văn Hán, Văn Lăng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	54	51	48
6. Huyện Đại Từ			
Thị trấn: Hùng Sơn, Quân Chu	65	62	59
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	62	59	56
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lăng	58	55	52
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	54	51	48
7. Huyện Phú Lương			
Thị trấn: Đu, Giang Tiên	65	62	59
Xã: Sơn Cẩm	65	62	59
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phần Mễ	62	59	56
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Tức Tranh, Yên Đỗ	58	55	52
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phú Lý, Yên Lạc	54	51	48
8. Huyện Võ Nhai			
Thị trấn: Đình Cả	56	53	50
Các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Tràng Xá, Dân Tiến	52	49	46
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	46	43	40
9. Huyện Định Hoá			
Thị trấn: Chợ Chu	56	53	50
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phượng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	52	49	46
Các xã: Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diêm Mạc, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quý Kỳ, Lam Vỹ, Kim Sơn, Phượng Tiến	46	43	40

2. Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	MỨC GIÁ		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1. Thành phố Thái Nguyên			
Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung, Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành	100	97	94
Các xã: Quyết Thắng, Đồng Bẩm, Lương Sơn	80	77	74
Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Triu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	65	62	59
2. Thị xã Sông Công			
Các phường: Thắng Lợi, Cải Đan, Mỏ Chè, Lương Châu, Bách Quang, Phố Cò	68	65	62
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	61	58	55
Xã: Bình Sơn	56	53	50
3. Huyện Phổ Yên			
Thị trấn: Ba Hàng, Bãi Bông	61	58	55
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đồng Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	61	58	55
Thị trấn: Bắc Sơn Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận	56	53	50
Các xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	54	51	48
4. Huyện Phú Bình			
Thị trấn: Hương Sơn	61	58	55
Các xã: Thượng Đình, Diềm Thuy, Nhả Lộng, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu, Xuân Phương, Kha Sơn	61	58	55
Các xã: Thanh Ninh, Lương Phú, Dương Thành, Bảo Lý, Đào Xá	60	57	54
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức	56	53	50
Xã: Tân Khánh	54	51	48
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân Kim, Tân Thành	52	49	46
5. Huyện Đồng Hỷ			
Thị trấn: Chùa Hang	56	53	50
Thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau Xã: Hóa Thượng	53	50	47
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	49	46	43
Các xã: Văn Hán, Văn Lãng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	44	41	38

6. Huyện Đại Từ			
Thị trấn: Hùng Sơn, Quân Chu	56	53	50
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	53	50	47
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phúc Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng	49	46	43
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	44	41	38
7. Huyện Phú Lương			
Thị trấn: Đu, Giang Tiên	56	53	50
Xã: Sơn Cẩm	56	53	50
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	53	50	47
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Túc Tranh, Yên Đổ	49	46	43
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phủ Lý, Yên Lạc	44	41	38
8. Huyện Võ Nhai			
Thị trấn: Đình Cả	53	50	47
Các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Trảng Xá, Dân Tiến	49	46	43
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	44	41	38
9. Huyện Định Hoá			
Thị trấn: Chợ Chu	53	50	47
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phụng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	49	46	43
Các xã: Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diềm Mạc, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Kim Sơn, Phượng Tiến	44	41	38

3. Bảng giá đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	MỨC GIÁ		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1. Thành phố Thái Nguyên			
Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung, Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành	90	87	84
Các xã: Quyết Thắng, Đồng Bẩm, Lương Sơn	70	67	64
Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	65	62	59

2. Thị xã Sông Công			
Các phường: Thắng Lợi, Cải Đan, Mỏ Chè, Lương Châu, Bách Quang, Phố Cò	64	61	58
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	58	55	52
Xã: Bình Sơn	53	50	47
3. Huyện Phổ Yên			
Thị trấn: Ba Hàng, Bãi Bông	58	55	52
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đồng Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	58	55	52
Thị trấn: Bắc Sơn Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận	53	50	47
Các xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	52	49	46
4. Huyện Phú Bình			
Thị trấn: Hương Sơn	58	55	52
Các xã: Thượng Đình, Diềm Thuy, Nhả Lộng, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu, Xuân Phương, Kha Sơn	58	55	52
Các xã: Thanh Ninh, Lương Phú, Dương Thành, Bảo Lý, Đào Xá	57	54	51
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức	53	50	47
Xã: Tân Khánh	51	48	45
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân Kim, Tân Thành	49	46	43
5. Huyện Đông Hỷ			
Thị trấn: Chùa Hang	53	50	47
Thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau Xã: Hóa Thượng	50	47	44
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	46	43	40
Các xã: Văn Hán, Văn Lãng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	41	38	35
6. Huyện Đại Từ			
Thị Trấn: Hùng Sơn, Quân Chu	53	50	47
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	50	47	44
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng	46	43	40
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	41	38	35
7. Huyện Phú Lương			
Thị trấn: Đu, Giang Tiên	53	50	47
Xã: Sơn Cẩm	53	50	47

Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	50	47	44
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Tức Tranh, Yên Đổ	46	43	40
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phủ Lý, Yên Lạc	41	38	35
8. Huyện Võ Nhai			
Thị trấn: Đình Cả	50	47	44
Các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Tràng Xá, Dân Tiến	46	43	40
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	41	38	35
9. Huyện Định Hoá			
Thị trấn: Chợ Chu	50	47	44
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phượng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	46	43	40
Các xã: Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diềm Mạc, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Kim Sơn, Phượng Tiến	41	38	35

4. Bảng giá đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	MỨC GIÁ		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1. Thành phố Thái Nguyên			
Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung, Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành	33	30	27
Các xã: Quyết Thắng, Đồng Bẩm, Lương Sơn	27	24	21
Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	23	20	17
2. Thị xã Sông Công			
Các phường: Thắng Lợi, Cải Đan, Mỏ Chè, Lương Châu, Bách Quang, Phố Cò	26	23	20
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	23	20	17
Xã: Bình Sơn	21	18	15
3. Huyện Phổ Yên			
Thị trấn: Ba Hàng, Bãi Bông	26	23	20
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đồng Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	26	23	20
Thị trấn: Bắc Sơn Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận	21	18	15
Các xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	18	15	12

4. Huyện Phú Bình			
Thị trấn: Hương Sơn	26	23	20
Các xã: Thượng Đình, Diêm Thụy, Nhả Lộng, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu, Xuân Phương, Kha Sơn	26	23	20
Các xã: Thanh Ninh, Lương Phú, Dương Thành, Bảo Lý, Đào Xá	25	22	19
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức	22	19	16
Xã: Tân Khánh	20	17	14
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân Kim, Tân Thành	17	14	11
5. Huyện Đồng Hỷ			
Thị trấn: Chùa Hang	22	19	16
Thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau Xã: Hóa Thượng	16	13	10
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	13	11	9
Các xã: Văn Hán, Văn Lãng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	11	9	8
6. Huyện Đại Từ			
Thị trấn: Hùng Sơn, Quân Chu	22	19	16
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	16	13	10
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng	13	11	9
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	11	9	8
7. Huyện Phú Lương			
Thị trấn: Đu, Giang Tiên	22	19	16
Xã: Sơn Cẩm	22	19	16
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	16	13	10
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Tức Tranh, Yên Đổ	13	11	9
Các xã: Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phú Lý	11	9	8
Các xã: Yên Ninh, Yên Lạc	11	9	6,5
8. Huyện Võ Nhai			
Thị trấn: Đình Cả	20	17	14
Các xã: Lâu Thượng, La Hiên, Tràng Xá, Dân Tiến	13	11	9
Các xã: Liên Minh, Cúc Đường, Thượng Nung, Vũ Chấn	11	9	8
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Phú Thượng.	11	9	7
Các xã: Thần Sa, Sảng Mộc, Nghinh Tường	11	9	6,5
9. Huyện Định Hoá			
Thị trấn: Chợ Chu	20	17	14

Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phượng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	13	11	9
Các xã: Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diềm Mạc, Phú Đình, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Kim Sơn, Phượng Tiến	11	9	8
Các xã: Linh Thông, Tân Thịnh, Bảo Linh, Quy Kỳ, Lam Vỹ	11	9	6,5

5. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	MỨC GIÁ		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1. Thành phố Thái Nguyên			
Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung, Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành	70	67	64
Các xã: Quyết Thắng, Đồng Bẩm, Lương Sơn	58	55	52
Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	52	49	46
2. Thị xã Sông Công			
Các phường: Thắng Lợi, Cải Đan, Mỏ Chè, Lương Châu, Bách Quang, Phố Cò	54	51	48
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	49	46	43
Xã: Bình Sơn	45	42	39
3. Huyện Phổ Yên			
Thị trấn: Ba Hàng, Bãi Bông	49	46	43
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đồng Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	49	46	43
Thị trấn: Bắc Sơn Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận	46	43	40
Các xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	45	42	39
4. Huyện Phú Bình			
Thị trấn: Hương Sơn	49	46	43
Các xã: Thượng Đình, Diềm Thụy, Nhã Lộng, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu, Xuân Phương, Kha Sơn	49	46	43
Các xã: Thanh Ninh, Lương Phú, Dương Thành, Bảo Lý, Đào Xá	46	43	40
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức	45	42	39
Xã: Tân Khánh	44	41	38
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân Kim, Tân Thành	41	38	35
5. Huyện Đồng Hỷ			

Thị trấn: Chùa Hang	46	43	40
Thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau Xã: Hóa Thượng	45	42	39
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	41	38	35
Các xã: Văn Hán, Văn Lăng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	37	34	31
6. Huyện Đại Từ			
Thị trấn: Hùng Sơn, Quân Chu	46	43	40
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	45	42	39
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lăng	41	38	35
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	37	34	31
7. Huyện Phú Lương			
Thị trấn: Đu, Giang Tiên	46	43	40
Xã: Sơn Cẩm	46	43	40
Các xã: Cổ Lũng, Võ Tranh, Phấn Mễ	45	42	39
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Tức Tranh, Yên Đỗ	41	38	35
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phủ Lý, Yên Lạc	37	34	31
8. Huyện Võ Nhai			
Thị trấn: Đình Cả	45	42	39
Các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Tràng Xá, Dân Tiến	41	38	35
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	37	34	31
9. Huyện Định Hoá			
Thị trấn: Chợ Chu	45	42	39
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phượng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	41	38	35
Các xã: Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diềm Mạc, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Kim Sơn, Phượng Tiến	37	34	31

6. Bảng giá đất nông nghiệp khác (Bao gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh).

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	MỨC GIÁ		
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3

1. Thành phố Thái Nguyên			
Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung, Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành	100	97	94
Các xã: Quyết Thắng, Đồng Bẩm, Lương Sơn	80	77	74
Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Triu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	65	62	59
2. Thị xã Sông Công			
Các phường: Thắng Lợi, Cải Đan, Mỏ Chè, Lương Châu, Bách Quang, Phố Cò	68	65	62
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	61	58	55
Xã: Bình Sơn	56	53	50
3. Huyện Phổ Yên			
Thị trấn: Ba Hàng, Bãi Bông	61	58	55
Các xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đông Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	61	58	55
Thị trấn: Bắc Sơn Các xã: Minh Đức, Phúc Thuận	56	53	50
Các xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	54	51	48
4. Huyện Phú Bình			
Thị trấn: Hương Sơn	61	58	55
Các xã: Thượng Đình, Diềm Thuy, Nhả Lộng, Úc Kỳ, Nga My, Hà Châu, Xuân Phương, Kha Sơn	61	58	55
Các xã: Thanh Ninh, Lương Phú, Dương Thành, Bảo Lý, Đào Xá	60	57	54
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức	56	53	50
Xã: Tân Khánh	54	51	48
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân Kim, Tân Thành	52	49	46
5. Huyện Đồng Hỷ			
Thị trấn: Chùa Hang	56	53	50
Thị trấn: Sông Cầu, Trại Cau Xã: Hóa Thượng	53	50	47
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	49	46	43
Các xã: Văn Hán, Văn Lãng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	44	41	38
6. Huyện Đại Từ			
Thị trấn: Hùng Sơn, Quân Chu	56	53	50
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	53	50	47
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng	49	46	43
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	44	41	38

7. Huyện Phú Lương			
Thị trấn: Đu, Giang Tiên	56	53	50
Xã: Sơn Cẩm	56	53	50
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	53	50	47
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Tức Tranh, Yên Đỗ	49	46	43
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phủ Lý, Yên Lạc	44	41	38
8. Huyện Võ Nhai			
Thị trấn: Đình Cả	53	50	47
Các xã: Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, Tràng Xá, Dân Tiến	49	46	43
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	44	41	38
9. Huyện Định Hoá			
Thị trấn: Chợ Chu	53	50	47
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phượng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	49	46	43
Các xã: Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diềm Mạc, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Kim Sơn, Phượng Tiến	44	41	38

Ghi chú:

- Đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư thuộc địa giới hành chính xã, thị trấn: Giá đất nông nghiệp được tính bằng 1,1 lần so với mức giá vị trí 1 của cùng loại đất, cùng vùng, cùng khu vực trong bảng giá đất trên.

- Khu dân cư thuộc địa giới hành chính xã, thị trấn: Là khu vực đất có nhiều hộ dân cư sinh sống đã hình thành theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc lịch sử thừa nhận. Khu dân cư hình thành được lịch sử thừa nhận thì xác định theo ranh giới của thửa đất ở ngoài cùng của làng, bản, thôn, xóm... với điều kiện khu vực vùng cao phải có từ 05 hộ trở lên, khu vực miền núi phải có từ 10 hộ trở lên, khu vực trung du phải có từ 15 hộ trở lên, các thửa đất ở thuộc khu dân cư này liền kề nhau hoặc cách nhau bởi các thửa đất khác nhưng không quá 50m.

II. GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

1. Đất ở thời hạn sử dụng lâu dài

a) Giá đất ở tại nông thôn:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	VÙNG	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Trung du	260	7.000
2	Miền núi	70	6.000

Giá đất ở tại nông thôn trên địa bàn các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công được quy định cụ thể tại các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo.

b) Giá đất ở tại đô thị:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

TT	Loại đô thị	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1	Thành phố Thái Nguyên	500	30.000
2	Thị xã Sông Công	400	15.000

3	Thị trấn Ba Hàng, Phổ Yên	400	15.000
4	Thị trấn trung tâm các huyện	200	12.000
5	Các thị trấn không thuộc trung tâm huyện	150	5.000

(Ghi chú: Các thị trấn không thuộc trung tâm huyện, bao gồm: Thị trấn Quân Chu, thị trấn Bắc Sơn, thị trấn Bãi Bông, thị trấn Sông Cầu, thị trấn Trại Cau, thị trấn Giang Tiên).

Giá đất ở tại đô thị trên địa bàn các huyện, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công được quy định cụ thể tại các Phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo.

2. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

2.1. Đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn, tại đô thị có thời hạn sử dụng 50 năm: Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

2.2. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn, tại đô thị có thời hạn sử dụng 50 năm: Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

2.3. Đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh và đất xây dựng công trình sự nghiệp của tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính có thời hạn sử dụng 50 năm: Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

2.4. Đất trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp công lập của tổ chức sự nghiệp chưa tự chủ tài chính; đất cơ sở tôn giáo, đất tín ngưỡng có thời hạn sử dụng lâu dài: Giá đất được tính bằng giá đất ở tại vị trí đó.

2.5. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa có thời hạn sử dụng lâu dài: Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

2.6. Đất phi nông nghiệp khác có thời hạn sử dụng 50 năm: Giá đất được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

III. GIÁ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

Đối với đất chưa sử dụng, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để đưa vào sử dụng thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương pháp định giá đất và giá đất của loại đất cùng mục đích sử dụng đã được giao đất, cho thuê đất tại khu vực lân cận để quy định mức giá đất.

B. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG BẢNG GIÁ ĐẤT

I. NGUYÊN TẮC PHÂN VÙNG ĐẤT, XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ ĐẤT

1. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1.1. Phân vùng đất

- Vùng trung du: Bao gồm các xã, phường của thành phố Thái Nguyên; các xã, phường thuộc thị xã Sông Công; các xã, thị trấn thuộc huyện Phổ Yên và huyện Phú Bình (trừ các xã là xã miền núi theo quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc).

- Vùng miền núi: Bao gồm các xã, thị trấn miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban dân tộc.

1.2. Xác định vị trí đất nông nghiệp

a) Vị trí 1: Là đất nông nghiệp có địa hình bằng phẳng, có chất đất tốt nhất, có điều kiện tưới tiêu thuận tiện, thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới hành chính phường, trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

- Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được duyệt, thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư tập trung.

- Đất nông nghiệp tính từ mép trục đường giao thông là quốc lộ, tỉnh lộ, đường nối với quốc lộ, tỉnh lộ (đường nối cùng cấp đường tỉnh lộ), có chiều sâu vào $\leq 500\text{m}$; hoặc đất nông nghiệp cách ranh giới ngoài cùng của chợ nông thôn, khu dân cư tập trung $\leq 500\text{m}$.

b) Vị trí 2: Là đất nông nghiệp thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Đất nông nghiệp tiếp theo vị trí 1 nói trên + 500m
- Đất nông nghiệp tính từ mép trục đường giao thông liên huyện, liên xã (không phải là tỉnh lộ, quốc lộ) có chiều sâu vào $\leq 500m$, đường rộng $\geq 2,5m$

c) Vị trí 3: Là vị trí đất nông nghiệp không đủ các điều kiện là vị trí 2.

2. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

2.1. Đất ở tại nông thôn: Là đất ở tại các xã trên địa bàn tỉnh.

2.1.1. Phân vùng đất ở tại nông thôn: Được phân theo địa giới hành chính cấp xã của vùng trung du, miền núi như quy định tại tiết 1.1 điểm 1 mục I phần B.

2.1.2. Phân loại đất ở nông thôn áp dụng đối với thị xã Sông Công và các huyện (*Riêng phân loại đất ở nông thôn tại thành phố Thái Nguyên áp dụng theo mục 3 của Phụ lục số 01 kèm theo*).

Việc phân loại đất căn cứ vào các yếu tố: Khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $\geq 3,5m$.
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có mặt đường rộng $\geq 2,5m$.
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào $\geq 2m$.

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $< 3,5m$ nhưng $\geq 2,5m$.
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có (mặt) đường rộng $< 2,5m$, nhưng $\geq 2,0m$.
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào $< 2m$.
- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$.
- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào $\geq 2m$.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 500m đến 1.000m, có đường vào $\geq 2m$.
- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

2.2. Đất ở tại đô thị: Là đất ở tại các phường thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và thị trấn thuộc các huyện.

II. ÁP DỤNG BẢNG GIÁ ĐẤT

1. Giá đất nông nghiệp

1.1. Giá đất quy định trong bảng giá được áp dụng theo đơn vị hành chính cấp xã.

1.2. Trường hợp đất nông nghiệp (không bao gồm đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản) có một hoặc các điều kiện sau:

- Có địa hình không phẳng, độ dốc $\geq 5\%$;
- Có sỏi, đá trên bề mặt, ruộng sâu trũng, không thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

Mức giá đất được xác định bằng 95% giá đất nông nghiệp tại vị trí đó.

2. Giá đất ở

2.1. Giá đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông được thể hiện trong các phụ lục số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 áp dụng cho các khu dân cư hiện có. Mức giá đất quy định tại các phụ lục được áp dụng đối với đất ở cùng thửa bám trục đường giao thông, tính từ mép lộ

giới giao thông hiện tại (Quốc lộ, tỉnh lộ, đường phố trong đô thị) vào không quá 30m, có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại < 1,5m {mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00)}.

- Đối với đất ở tại nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định chi tiết, thì áp dụng theo bảng giá đất ở tại nông thôn. Giá đất trong trường hợp này được xác định theo loại đất ở nông thôn, không phân vị trí trong cùng thửa đất.

2.2. Trường hợp đất ở cùng thửa, bám trục đường giao thông, tính từ mép lộ giới trục đường giao thông hiện tại vào > 30m, thì giá đất được xác định cho từng vị trí như sau:

- Vị trí 1: Từ mép lộ giới trục đường giao thông hiện tại vào 30m, giá đất xác định bằng giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó;

- Vị trí 2: Tiếp theo vị trí 1 + 75m, giá đất xác định bằng 60% giá đất của vị trí 1;

- Vị trí 3: Tiếp theo vị trí 2 + 300m, giá đất xác định bằng 60% giá đất của vị trí 2;

- Vị trí 4: Tiếp theo vị trí 3 đến hết, giá đất xác định bằng 60% giá đất của vị trí 3.

Mức giá đất từ vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 xác định như trên, nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của đất ở quy định trong vùng.

2.3. Giá đất ở quy định tại các trục phụ trong bảng giá:

- Giá đất ở tại trục phụ được xác định tính từ sau vị trí 1 của đường chính.

- Giá đất ở thuộc đường nhánh của trục phụ được xác định từ sau vị trí 1 của trục phụ.

- Giá đất ở thuộc ngách của đường nhánh, được xác định từ sau vị trí 1 của đường nhánh.

2.4. Trường hợp các ô đất, thửa đất ở bám các trục đường giao thông đã có trong bảng giá, nhưng mức giá đất ở chưa thể hiện hết toàn tuyến, thì những đoạn còn lại cứ 250m tiếp theo được xác định như sau:

- Trường hợp đoạn đường có cơ sở hạ tầng tương đương với đoạn đã có giá quy định, thì mức giá được xác định bằng 95% mức giá của đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu đã quy định trong vùng.

- Trường hợp đoạn đường còn lại trên tuyến, có cơ sở hạ tầng và đường nhỏ hơn không quá 20% đoạn đường tiếp giáp đã quy định giá, thì mức giá xác định bằng 85% mức giá đoạn đường tiếp giáp, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.5. Trường hợp các ô đất, thửa đất ở bám các trục phụ chưa được nêu ở bảng giá thì giá đất ở được xác định giá như sau:

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi tương đương với trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, thì giá đất được xác định bằng giá đất đã quy định tại trục phụ tương đương gần nhất đó.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn không quá 20% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 85% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn từ trên 20% đến không quá 30% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 75% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Trường hợp trục phụ có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ gần nhất trong khu vực đã được quy định giá, có đường nhỏ hơn từ trên 30% đến không quá 50% trục phụ gần nhất đã quy định giá, thì giá đất được áp dụng tính bằng 60% mức giá so với trục phụ đó, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.6. Các trường hợp ô đất, thửa đất ở bám các đường nhánh của trục phụ, vào không quá 100m, giá đất được xác định như sau:

- Đường có cơ sở hạ tầng tương đương trục phụ thì giá đất được tính bằng 95% giá đất trục phụ.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trục phụ, đường nhỏ hơn không quá 20% trục phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 85% mức giá đất của trục phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trực phụ, có đường nhỏ hơn từ trên 20% đến không quá 30% trực phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 75% mức giá đất của trực phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

- Đường có cơ sở hạ tầng và khả năng sinh lợi kém trực phụ, có đường nhỏ hơn từ trên 30% đến không quá 50% trực phụ, thì giá đất được áp dụng tính bằng 60% mức giá đất của trực phụ, nhưng không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.7. Các trường hợp ô đất, thửa đất bám các đường ngách của các nhánh trực phụ, vào không quá 100m, giá đất được xác định như cách xác định giá đất tại tiết 2.6 điểm 2 mục II phần B này.

Mức giá xác định không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.8. Một số trường hợp cụ thể khác:

a) Các ô đất, thửa đất liền kề vị trí 1 của các trục đường giao thông đã quy định trong bảng giá:

- Trường hợp đường vào là ngõ chưa kể tên, vào không quá 100m, mức giá được xác định như sau:

+ Đường vào từ 2m đến < 3,5m: Giá đất xác định bằng 35% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

+ Đường vào < 2m: Giá đất được xác định bằng 30% so với giá đất của thửa đất mặt đường liền kề;

- Trường hợp vào vượt quá 100m, giá đất được xác định như cách xác định tại tiết 2.4, điểm 2.

b) Trường hợp thửa đất liền kề với vị trí 1 của các trục đường giao thông đã quy định trong bảng giá, nhưng không có đường vào, mức giá đất tính bằng 35% giá đất tại vị trí của thửa đất mặt đường liền kề.

Mức giá xác định tại tiết 2.8 này không được thấp hơn mức giá đất ở tối thiểu quy định trong vùng.

2.9. Đối với các thửa đất ở nằm bên kia đường sắt (bám theo đường sắt), đường sắt song song giáp với đường bộ, thì giá đất xác định như sau:

- Trường hợp vị trí đất ở giáp với lộ giới đường sắt, từ đường bộ vượt qua đường sắt vào thẳng đất ở, giá đất được xác định bằng 70% giá đất ở bám trục đường bộ theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp từ đường bộ vào đất ở phải đi theo đường gom, thì giá đất được xác định theo từng vị trí cụ thể.

2.10. Đối với các thửa đất ở phía sau đất nông nghiệp, tính từ mép đường giao thông hiện tại đến đất ở có chiều sâu vào không quá 30m, giá đất ở được xác định như sau:

- Trường hợp có đường vào $\geq 6m$ thì phần đất ở từ giáp đất nông nghiệp vào không quá 30m được tính bằng 70% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Trường hợp có đường vào < 6m nhưng $\geq 3,5m$, mức giá tính bằng 60% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

- Nếu có đường vào < 3,5m, mức giá tính bằng 50% giá đất ở bám trục đường giao thông theo quy định tại vị trí đó.

Chiều sâu đất ở quy định tại điểm này, tính từ đất nông nghiệp vào không quá 30m thì xác định như trên. Nếu chiều sâu đất ở tính từ đất nông nghiệp vào > 30m thì giá đất được xác định như quy định tiết 2.2 điểm 2 mục II phần B này.

2.11. Trường hợp đất nông nghiệp giáp lộ giới giao thông quy hoạch, khi được phép chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở mà có phần diện tích đất nông nghiệp bám trục đường giao thông nằm trong lộ giới hành lang an toàn giao thông chưa được thu hồi và không được chuyển mục đích sử dụng, thì giá đất ở để tính thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất nông nghiệp phía sau hành lang an toàn giao thông là giá đất ở tại vị trí 1, bám trục đường giao thông đã quy định tại vị trí đó.

2.12. Giá đất quy định trên các trục đường giao thông được xác định theo mặt bằng cốt đường hiện tại (cốt 00) làm chuẩn. Các vị trí đất có độ chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường < 1,5m, giá đất xác định bằng 100% mức giá đất đã được quy định tại vị trí đó. Trường hợp thửa đất có vị trí chênh lệch cao (hoặc thấp) hơn mặt đường hiện tại từ 1,5m trở lên, mức giá được xác định như sau:

a) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch cao hơn mặt đường hiện tại:

- Cao hơn từ 1,5m đến < 3m, giảm giá 5% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 75.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 3m đến < 4,5m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000 đồng/m².

- Cao hơn từ 4,5m trở lên, giảm giá 13% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 150.000 đồng/m².

b) Trường hợp đất có vị trí chênh lệch thấp hơn mặt đường:

- Thấp hơn từ 1,5m đến < 3m, giảm giá 10% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 100.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 3m đến < 5,5m, giảm giá 15% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 180.000 đồng/m².

- Thấp hơn từ 5,5m trở lên, giảm giá 20% so với giá quy định tại vị trí, nhưng mức giảm tuyệt đối tối đa không được quá 250.000 đồng/m².

2.13. Trường hợp đất ở có vị trí bám 2 mặt đường:

- Trường hợp trục đường giao thông $\geq 3,5$ m được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá tại vị trí đường phố có mức giá cao hơn.

- Trường hợp có trục đường giao thông chính và 1 đường phụ > 2m nhưng < 3,5m, được tính hệ số đa là 1,05 lần so với giá đất tại vị trí trục đường giao thông chính có mức giá cao hơn.

- Trường hợp ô đất, thửa đất ở bám trục đường giao thông và giáp một bên là đất công cộng có không gian thoáng đãng, được tính hệ số tối đa 1,1 lần so với giá đất tại vị trí của trục đường giao thông đó.

2.14. Trường hợp các ô đất (thửa đất) ở vị trí có trùng 2 mức giá trở lên, thì xác định giá theo mức giá cao nhất.

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
I	ĐƯỜNG ĐỘI CÁN (Từ đảo tròn Trung tâm qua Quảng trường Võ Nguyên Giáp đến đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	30.000
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh Nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào 100m	7.000
II	ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ (Từ đảo tròn Trung tâm đến đường sắt Hà Thái)	
1	Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã tư phố Nguyễn Đình Chiểu và đường Chu Văn An	30.000
2	Từ ngã tư phố Nguyễn Đình Chiểu và đường Chu Văn An đến đảo tròn Đồng Quang	27.000
3	Từ đảo tròn Đồng Quang đến đường sắt Hà Thái	17.000
	Trục phụ	

1	Ngõ số 2: Rẽ theo Khách sạn Thái Nguyên gặp đường Phủ Liễn (cạnh Viettel Thái Nguyên)	9.000
2	Rẽ ngõ số 60: Rẽ cạnh Trường Mầm non 19/5 đi gặp ngõ số 2 cạnh Viettel Thái Nguyên	8.500
3	Ngõ số 62: Rẽ cạnh UBND phường Hoàng Văn Thụ (cũ) gặp đường Phủ Liễn	9.000
4	Ngõ số 13: Rẽ theo hàng rào cạnh Điện lực Thái Nguyên	
4.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ vào 100m	7.500
4.2	Qua 100m đến 200m	5.500
5	Các đường trong KDC Phủ Liễn II thuộc tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ	7.500
6	Ngõ rẽ vào đến trạm T12 (cạnh đường sắt Hà Thái)	3.500
7	Rẽ vào cạnh Sở Giao thông Vận tải gặp đường Ga Thái Nguyên	5.500
III	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (Từ đảo tròn Trung tâm đến đảo tròn Gang Thép)	
1	Từ đảo tròn Trung tâm đến Chi nhánh điện thành phố Thái Nguyên	20.000
2	Từ Chi nhánh điện thành phố Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng	18.000
3	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất Ban Chỉ huy quân sự thành phố (gặp ngõ số 226)	15.000
4	Từ hết đất Ban Chỉ huy quân sự thành phố đến ngã 4 rẽ phố Xương Rồng	12.000
5	Từ ngã 4 rẽ phố Xương Rồng đến ngã ba Gia Sàng (gặp đường Bắc Nam)	10.000
6	Từ ngã ba Gia Sàng (Gặp đường Bắc Nam) đến ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu	9.000
7	Từ ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu đến ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A	7.000
8	Từ ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A đến cầu Loàng	6.000
9	Từ Cầu Loàng đến đường sắt vào kho 3 mái Gang thép	5.500
10	Từ đường sắt vào kho 3 mái Gang thép đến đường sắt đi Kép	5.000
11	Từ đường sắt đi Kép đến đảo tròn Gang Thép	10.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 2: Rẽ theo hàng rào Sở Công Thương đến chân đồi Kô Kê	

1.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	5.000
1.2	Qua 100m đến 200m về 2 phía	4.500
1.3	Qua 200m đến 400m (có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$)	3.000
2	Rẽ phố Đầm Xanh: Theo hàng rào Bưu điện tỉnh Thái Nguyên đến gặp đường Minh Cầu	
2.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng	4.000
2.2	Từ hết khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng đến đường Minh Cầu	3.000
2.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ vào 150m	2.500
3	Ngõ số 38: Rẽ đối diện Công an tỉnh Thái Nguyên	
3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.500
3.2	Qua 100m đến 250m	3.000
4	Ngõ số 70: Vào 150m	3.000
5	Ngõ số 90: Đối diện đường Nguyễn Du vào 150m	3.500
6	Ngõ số 132: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 2 phía 100m	3.000
7	Ngõ số 136: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
8	Rẽ cạnh số nhà 109 vào 100m (tổ 21, phường Trưng Vương)	3.000
9	Ngõ số 226: Rẽ cạnh Thành đội vào hết đất Thư viện thành phố	3.500
10	Ngõ số 197: Rẽ đến cổng Trường Tiểu học Nha Trang	3.500
11	Ngõ số 242: Rẽ KDC Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cũ vào 100m	3.500
12	Ngõ số 248: Rẽ Ban kiến thiết Sở Thương mại cũ vào 100m	3.500
13	Ngõ số 235: Rẽ theo hàng rào Trung tâm bồi dưỡng Chính trị thành phố Thái Nguyên vào 100m	3.500
14	Ngõ số 300: (Rẽ KDC Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị) vào 150m	3.500
15	Ngõ số 309: Rẽ từ Trạm xăng dầu số 10 vào 100m	3.500
16	Rẽ vào Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên (Phố Xương Rồng kéo dài)	

16.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	6.000
*	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 16.1) có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$, vào 150m	3.000
16.2	Từ ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến cổng Công ty Xây dựng số 2	5.000
*	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 16.2) có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$, vào 150m	2.500
16.3	Từ cổng Công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên	4.000
*	Các nhánh rẽ (thuộc đoạn 16.3) có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$, vào 150m	2.500
17	Ngõ số 428: Rẽ vào Đền Xương Rồng	
17.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3 rẽ cổng Đền Xương Rồng	3.500
17.2	Từ ngã 3 rẽ cổng Đền Xương Rồng đi KDC vào 100m	3.000
18	Ngõ số 451 và ngõ rẽ cạnh số nhà 429	
18.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
18.2	Qua 100 đến 250m	2.500
19	Ngõ số 479: Rẽ vào xóm Xưởng đậu cũ, phường Gia Sàng	
19.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã ba	3.200
19.2	Từ ngã ba + 200m về 2 phía	2.800
20	Ngõ số 536:	
20.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.200
20.2	Từ qua 100m đến 300m	2.200
21	Ngõ số 728: Rẽ theo hàng rào Chợ Gia Sàng	
21.1	Trục chính vào 100m	3.200
21.2	Qua 100m đến 250m	2.200
22	Ngõ số 882: Rẽ KDC số 1, phường Gia Sàng	
22.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.500

22.2	Qua 100m đến hết đất KDC quy hoạch số 1, phường Gia Sàng	3.500
22.3	Các đường nhánh trong KDC số 1, phường Gia Sàng đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
22.3.1	Đường rộng $\geq 9\text{m}$	2.800
22.3.2	Đường rộng $\geq 3,5\text{m}$, nhưng $< 9\text{m}$	2.200
23	Ngõ số 604: Rẽ vào tổ nhân dân số 16, phường Gia Sàng (Dốc Chọi Trâu)	
23.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.800
23.2	Qua 100m đến ngã ba rẽ Trường THCS Gia Sàng	2.000
23.3	Ngã ba rẽ Trường THCS Gia Sàng đến gặp đường Thanh niên xung phong, có mặt đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$	1.500
24	Ngõ 673: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 4, phường Gia Sàng	
24.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.000
24.2	Qua 100m đến 300m	1.600
25	Rẽ KDC số 9, phường Gia Sàng	
25.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 450m (trục chính)	5.000
25.2	Các đường quy hoạch còn lại đã xong cơ sở hạ tầng	4.000
26	Ngõ số 728: Rẽ vào Trường THCS Gia Sàng	
26.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.200
26.2	Qua 100m đến gặp trục phụ rẽ từ ngõ số 604 (Dốc Chọi Trâu)	1.800
27	Ngõ số 756: Rẽ vào khu tập thể cán A	
27.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến cổng Khách sạn Hải Âu	3.000
27.2	Từ cổng Khách sạn Hải Âu vào 100m tiếp theo	2.200
27.3	Các trục ngang trong khu tập thể cán A có mặt đường rộng $\geq 5\text{m}$	1.800
28	Ngõ đi Trại Bầu (đối diện ngõ số 756):	
28.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.200

28.2	Qua 100m đến 300m	1.800
29	Ngõ số 800: Vào 100m, có mặt đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$	2.000
30	Ngõ số 837: Rẽ khu tập thể Xí nghiệp Bê tông cũ	
30.1	Vào 100m	1.800
30.2	Qua 100m đến 250m	1.500
31	Ngõ số 933: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp tư nhân Hoa Thiết (Cam Giá) vào 100m	1.800
32	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ nhân dân số 4, phường Cam Giá vào 100m	2.200
33	Ngõ số 997: Rẽ đi tổ nhân dân số 1, phường Cam Giá vào 100m	1.800
34	Ngõ số 71: Rẽ đi tổ nhân dân số 2, phường Cam Giá vào 100m	1.500
35	Đường đê Cam Giá đi Cầu BẠDA	
35.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	2.500
35.2	Qua 100m đến 200m	1.800
35.3	Qua 200m đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng	1.300
36	Ngõ số 950: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 1, phường Phú Xá	
36.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
36.2	Qua 100m đến 250m	1.200
37	Đoạn đường Cách mạng tháng Tám cũ (qua dốc nguy hiểm) gặp đường Cách mạng tháng Tám mới	
37.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám mới đến đường sắt vào kho 3 mái cũ	2.500
37.2	Từ đường sắt vào kho 3 mái cũ qua dốc Nguy hiểm đến gặp đường Cách mạng tháng Tám (mới)	2.000
37.3	Ngõ rẽ vào Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4)	
37.3.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám (cũ) đến cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4)	1.500
37.3.2	Từ cổng Nhà máy tấm lợp Amiăng Thái Nguyên (Cơ sở 4) đến hết KDC	1.000
38	Ngõ số 88/1: Rẽ khu tập thể đường sắt (phường Phú Xá)	

38.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 150m	1.200
38.2	Qua 150m đến hết khu tập thể đường sắt	1.000
39	Ngõ số 236/1: Đối diện trạm cân Công ty gang thép (phường Phú Xá)	
39.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	1.500
39.2	Qua 100m đến gặp đường sắt đi Kép	1.000
40	Ngõ rẽ cạnh Công ty Thái Hà vào tổ dân phố số 4, phường Cam Giá vào 150m	2.000
41	Rẽ đến cổng Văn phòng Công ty cổ phần Gang thép	4.000
42	Ngõ số 266/1: Rẽ từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt đi Kép	1.500
43	Ngõ số 209/1: Rẽ vào đồi bia (cũ)	
43.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã ba thứ 2	2.000
43.2	Từ ngã ba thứ 2 đi 2 hướng + 200m	1.200
44	Rẽ vào xóm cửa hàng rau cũ (qua đường Phố Hương), từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3	3.000
45	Rẽ sau Liên đoàn địa chất Đông Bắc đến gặp đường Phố Hương	3.000
46	Ngõ số 474/1: Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng phụ Chợ Dốc Hạnh	4.000
47	Ngõ số 566/1:	
47.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
47.2	Qua 100m đến gặp đường Phố Hương	3.000
48	Ngõ số 210: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến cổng Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất công nghiệp	3.500
49	Ngõ rẽ từ số nhà 621/1 (phòng khám số 3 cũ)	
49.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
49.2	Qua 100m gặp sân vận động	2.500
50	Ngõ số 628/1: Rẽ cạnh Liên đoàn Địa chất Đông Bắc đến hết đường	3.500
51	Ngõ số 648/1: Rẽ cạnh kiốt xăng số 7 đến sân vận động Gang thép	

51.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	4.000
51.2	Qua 100m đến sân vận động Gang thép	2.800
52	Ngõ số 457/1: Rẽ vào KDC Nhà máy Cơ khí (phường Hương Sơn)	
52.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
52.2	Qua 100m đến 200m	2.000
52.3	Qua 200m đến 500m và các nhánh khác trong KDC có mặt đường bê tông $\geq 2m$	1.200
53	Ngõ số 593/1: Rẽ vào KDC Nhà máy FERRO (phường Hương Sơn)	
53.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
53.2	Qua 100m đến 200m	2.000
53.3	Đoạn còn lại và các nhánh khác trong KDC nhà máy FERRO (phường Hương Sơn) có mặt đường bê tông $\geq 2m$	1.200
54	Ngõ số 639/1:	
54.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
54.2	Qua 100m đến 200m	2.000
55	Ngõ số 655/1: Rẽ giáp đất Nhà văn hoá Gang thép	
55.1	Từ đường Cách mạng tháng Tám vào 100m	3.000
55.2	Qua 100m đến 200m	2.000
IV	ĐƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngã 3 Bắc Nam đường Bắc Nam)	
1	Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo	18.000
2	Từ ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo đến giáp đất Bến xe khách Thái Nguyên	15.000
3	Từ đất Bến xe khách Thái Nguyên đến ngã ba rẽ phố Trần Đăng Ninh	20.000
4	Từ ngã ba rẽ phố Trần Đăng Ninh đến đường Phan Đình Phùng	17.000
5	Từ đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Bắc Nam (ngã 3 Bắc Nam)	14.000
	Trục phụ	

1	Ngõ số 53: Rẽ vào KDC Xây lắp nội thương cũ đến hết đất thư viện Đại học Sư phạm Thái Nguyên	4.000
2	Ngõ số 105: Từ trục chính gặp trục qua cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	7.500
3	Ngõ số 185: Rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo đến cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên	7.500
4	Ngõ số 231: Qua Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (cũ) gặp đường đi Trung tâm Giáo dục thường xuyên	7.000
5	Trục đường nối 3 ngõ số: 105; 185; 231 qua cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên	6.000
6	Rẽ các ngõ số: 60; 78; 110; 140; 166:	
6.1	Trục chính vào 150m	5.500
6.2	Qua 150m đến 250m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$	4.000
7	Ngõ số 92: (Vào KDC quy hoạch phường Quang Trung)vào 100m	4.000
8	Ngõ số 220: Rẽ vào KDC Ngân hàng tỉnh cũ vào 100m	4.000
9	Ngõ số 297: Rẽ cạnh Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ	3.000
10	Ngõ số 108: Rẽ vào KDC Lâm sản đi gặp ngõ số 274	4.000
11	Ngõ số 274: Rẽ đi gặp ngõ 256 và 108 từ Bến xe khách Thái Nguyên vào Trường Tiểu học Thống Nhất	6.000
12	Ngõ số 357 đến gặp đường Chu Văn An (đối diện Bến xe khách Thái Nguyên)	3.000
13	Ngõ số 256: Rẽ cạnh Chợ Đồng Quang và Bến xe khách Thái Nguyên	
13.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến vào đến hết đất Bến xe	6.000
13.2	Từ giáp đất Bến xe khách qua ngã 3 rẽ đến cổng Trường Tiểu học Thống Nhất	4.000
13.3	Từ cổng Trường Tiểu học Thống Nhất qua 150m	3.000
13.4	Từ ngã 3 rẽ Trường Tiểu học Thống Nhất (13.2) rẽ trái đến gặp ngã 3 rẽ KDC số 2, phường Quang Trung	3.000
*	Các nhánh rẽ thuộc đoạn (13.4) có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$, vào 100m	2.000
14	Ngõ số 310: Rẽ đối diện Công ty cổ phần Dược và Vật tư Y tế vào 50m	5.000
15	Ngõ số 346 vào 50m	4.000
16	Ngõ số 499: Rẽ theo Bệnh viện Đa khoa trung tâm vào đến 80m	5.000

17	Ngõ số 511: Vào đến phố Đoàn Thị Điểm	5.000
18	Ngõ số 488 rẽ đến cổng Trường Tiểu học Đồng Quang	5.000
19	Ngõ số 556 vào 50m	3.500
20	Ngõ số 566: Rẽ vào Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	
20.1	Từ trục chính đến hết đất Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	5.000
20.2	Từ giáp đất Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão đến 100m tiếp theo	4.500
20.3	Đường ngang nối từ ngõ số 566 với phố Văn Cao (nối từ số nhà 6 ngõ 566 đến số nhà 18, phố Văn Cao)	3.500
21	Ngõ số 603: Đi gặp phố Nguyễn Đình Chiểu	
21.1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 đầu tiên	4.000
21.2	Từ ngã 3 đầu tiên đến gặp phố Nguyễn Đình Chiểu	3.500
22	Ngõ số 627 vào 100m (nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên)	3.500
23	Từ đường Lương Ngọc Quyến (rẽ cạnh Chi cục Bảo vệ thực vật) đến cổng Nhà nghỉ Hải Yến	2.800
24	Ngõ số 723: Rẽ cạnh Hạt kiểm lâm thành phố vào 150m	3.500
25	Ngõ số 735: Rẽ vào 50m	3.500
V	ĐƯỜNG BẾN TƯỢNG (Từ đề Sông Cầu qua cổng Bảo tàng tỉnh gặp đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Từ đề sông Cầu đến giáp đất Chợ Thái	10.000
2	Từ đất Chợ Thái đến gặp đường Phùng Chí Kiên	15.000
3	Từ đường Phùng Chí Kiên đến ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng	13.000
4	Từ ngã 6 đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Cách mạng tháng Tám	11.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp (cũ)	
1.1	Từ đường Bến Tượng vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m	3.500

2	Ngõ số 01: Rẽ vào KDC tập thể Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp cũ	4.000
3	Ngõ số 19: Vào 100m về 2 phía (giáp Chợ Thái)	5.000
4	Ngõ số 2 rẽ phía sau nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào hết đất KDC tổ 23	4.000
5	Ngõ số 29: Vào KDC Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên (đến hết hàng rào Bảo tàng tỉnh)	7.500
6	Rẽ vào nhà thờ	
6.1	Từ đường Bến Tượng vào 150m	7.500
6.2	Qua 150m rẽ đi 2 phía đến 250m	5.500
7	Đường trong KDC quy hoạch tổ 15, tổ 16, phường Trưng Vương	5.500
8	Ngõ số 101; 111; 129: Từ đường Bến Tượng vào 200m	6.000
9	Ngõ số 159 rẽ KDC lô 2 Tỉnh uỷ đến gặp phố Nhị Quý	5.500
10	Ngõ số 253, rẽ vào tổ 16, phường Túc Duyên (giáp cầu Bóng tối) vào 100m	4.500
VI	PHỐ 19/8 (Từ đường Bến Tượng gặp đường Nguyễn Du)	
1	Toàn tuyến	5.000
VII	PHỐ QUYẾT TIẾN (Từ UBND Phường Trưng Vương đến gặp đường Nguyễn Du)	
1	Toàn tuyến	10.000
VIII	PHỐ CỘT CỜ (Từ đường Bến Oánh đến đường Phùng Chí Kiên)	
1	Toàn tuyến	10.000
	Trục phụ	
1	Rẽ các ngõ 47; 70 từ phố Cột Cờ vào 50m	6.000
IX	PHỐ NHỊ QUÝ (Từ đường Phùng Chí Kiên đến đường Bến Tượng)	
1	Từ Đường Phùng Chí Kiên đến đất Tỉnh uỷ	5.000
2	Từ đất Tỉnh uỷ đến chân dốc Tỉnh uỷ (cổng cũ)	4.500
3	Từ Chân dốc Tỉnh uỷ (cổng cũ) đến đường Bến Tượng	6.000

	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ trục chính vào 100m có đường $\geq 2,5\text{m}$	2.800
X	PHỐ ĐỘI GIÁ (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến Trụ sở khối sự nghiệp UBND thành phố Thái Nguyên)	
1	Toàn tuyến	4.000
XI	PHỐ PHAN BỘI CHÂU (Từ đường Cách Mạng tháng Tám qua Kho bạc Nhà nước tỉnh đến đường Minh Cầu)	
1	Từ đường Cách Mạng tháng Tám đến giáp đất Kho bạc Nhà nước tỉnh (đoạn đã xong cơ sở hạ tầng)	9.000
2	Từ giáp Kho bạc Nhà nước tỉnh đến đường Minh Cầu	10.000
	Trục phụ	
1	Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 19,5\text{m}$	8.000
2	Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 14,5\text{m}$, nhưng $< 19,5\text{m}$	7.000
3	Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 14,5\text{m}$	6.000
XII	PHỐ HOÀNG HOA THÁM (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua đường rẽ cổng Trường THPT Lương Ngọc Quyến đến đường Lương Ngọc Quyến)	
1	Toàn tuyến	15.000
XIII	PHỐ LƯƠNG ĐÌNH CỬA (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến đường Chu Văn An)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.000
2	Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến gặp đường Chu Văn An	3.000
	Trục phụ	
1	Nhánh rẽ phải thứ nhất vào 100m	3.000
2	Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rẽ phải (nhánh rẽ phải thứ 2) vào 150m	2.500
XIV	PHỐ TRẦN ĐĂNG NINH (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến Cổng tỉnh đội)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã ba rẽ vào phố Nguyễn Công Hoan	6.000

2	Từ ngã ba rẽ vào phố Nguyễn Công Hoan đến cổng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	5.000
	Trục Phụ	
1	Ngõ rẽ từ số nhà 11, đường Trần Đăng Ninh đến số nhà 26 của ngõ 488, đường Lương Ngọc Quyến	4.000
2	Các nhánh rẽ còn lại từ trục chính vào 50m, có đường bê tông $\geq 3\text{m}$	3.000
XV	PHỐ NGUYỄN CÔNG HOAN (Từ phố Trần Đăng Ninh đến đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ phố Trần Đăng Ninh đến cách đường Phan Đình Phùng 300m (đoạn đường bê tông)	3.500
2	Từ cách đường Phan Đình Phùng 300m đến đường Phan Đình Phùng (đoạn đã xong cơ sở hạ tầng)	5.000
	Trục phụ	
1	Ngõ 57, 96A từ trục chính vào 100m	3.000
XVI	PHỐ VĂN CAO (Từ Đường Lương Ngọc Quyến đến tuyến số 7, khu dân cư số 1, 3, 4, 5, phường Đồng Quang)	
1	Toàn tuyến (đoạn đã xong cơ sở hạ tầng)	5.000
XVII	PHỐ ĐẶNG VĂN NGŨ (Từ phố Nguyễn Đình Chiểu đến đường Lương Ngọc Quyến)	
1	Toàn tuyến	4.500
XVIII	PHỐ NGÔ THỊ SỸ (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến phố Nguyễn Đình Chiểu)	
1	Toàn tuyến (đoạn đã xong cơ sở hạ tầng)	5.000
	Trục phụ	
1	Các đường quy hoạch trong KDC số 8, phường Phan Đình Phùng đã xong cơ sở hạ tầng	
1.1	Đường quy hoạch rộng $\geq 9\text{m}$	5.000
1.2	Đường quy hoạch rộng $< 9\text{m}$	4.000
XIX	PHỐ ĐOÀN THỊ ĐIỂM (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến phố Đặng Văn Ngũ)	
1	Toàn tuyến	5.000
XX	ĐƯỜNG NGUYỄN DU (Từ đường Đội Cấn qua cổng trụ sở UBND thành phố Thái Nguyên gặp đường Cách mạng tháng Tám)	

1	Từ đường Đội cấn đến gặp đường Nha Trang	16.000
2	Từ đường Nha trang đến gặp đường Cách Mạng tháng Tám	13.000
XXI	ĐƯỜNG NHA TRANG (Từ đường Cách Mạng tháng Tám đến gặp đường Bến Tượng qua công trụ sở UBND tỉnh)	
1	Toàn tuyến	16.000
XXII	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG (Từ Quảng trường Võ Nguyên Giáp qua rạp chiếu bóng đến gặp đường Bến Tượng)	
1	Toàn tuyến	15.000
	Trục phụ	
1	Các ngõ số: 6; 8; 12: Từ đường Hùng Vương rẽ vào 200m đầu có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	4.500
2	Ngõ số 40: Vào Nhà văn hoá tổ 20, phường Trưng Vương	4.500
XXIII	ĐƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN (Từ đường Hùng Vương gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Hùng Vương đến gặp đường Bến Tượng	12.000
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp phố Cột Cờ	11.000
3	Từ phố Cột Cờ đến gặp đường Phan Đình Phùng	7.000
	Trục phụ	
1	Đoạn nối từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Nha Trang (Đối diện Trường THCS Trưng Vương)	10.000
2	Ngõ số 1, ngõ số 45 vào 100m đầu	3.000
3	Ngõ số 63: Rẽ vào đến hết đất Chùa Đồng Mỗ	4.000
XXIV	PHỐ NGUYỄN TRUNG TRỰC (Từ đường Túc Duyên qua Cơ quan Thi hành án thành phố Thái Nguyên đến phố Vương Thừa Vũ)	
1	Từ đường Túc Duyên đến giáp đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên	5.500
2	Từ giáp đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên đến phố Vương Thừa Vũ	5.000
XXV	PHỐ NGUYỄN THÁI HỌC (Từ đường Túc Duyên đi qua Trường Tiểu học Túc Duyên đến phố Vương Thừa Vũ)	

1	Toàn tuyến	4.500
XXVI	PHỐ VƯƠNG THỪA VŨ (Từ phố Nguyễn Thái Học đến phố Đồng Mỗ)	
1	Toàn tuyến	4.000
XXVII	PHỐ NGUYỄN TRI PHƯƠNG (Từ phố Nguyễn Thái Học đến đường vào Chùa Đồng Mỗ)	
1	Toàn tuyến	4.500
XXVIII	PHỐ ĐỒNG MỖ (Từ đường Phùng Chí Kiên đến phố Vương Thừa Vũ)	
1	Toàn tuyến	5.000
XXIX	ĐƯỜNG BẮC KẠN (Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã ba Mỏ Bạch)	
1	Từ đảo tròn Trung tâm đến hết đất Ki ốt xăng dầu Gia Bảy	16.000
2	Qua đất Ki ốt xăng dầu Gia Bảy đến hết đất Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên	14.000
3	Từ đất Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên đến ngã 3 Mỏ Bạch	13.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 678: Rẽ theo hàng rào Đội cảnh sát bảo vệ tỉnh đi gặp đường Phủ Liễn (toàn tuyến)	5.000
2	Ngõ số 612 rẽ vào KDC đôi Két nước (cũ) (2 ngõ) đường $\geq 3,5m$	5.000
3	Ngõ số 432: Rẽ vào KDC cạnh Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên (vào 100m)	4.000
4	Ngõ rẽ vào cổng Đền Mẫu Thoải	4.000
5	Ngõ số 366: Vào tổ văn hoá số 13	
5.1	Từ đường Bắc Kạn vào 50m	4.500
5.2	Qua 50m đến 100m	3.000
6	Ngõ số 332: Vào tổ văn hoá số 10	
6.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.000
6.2	Qua 100m đến 250m	4.000

7	Ngõ số 330: Rẽ KDC Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên vào 100m	5.000
8	Ngõ số 290: Từ đường Bắc Kạn vào 200m đầu	4.000
9	Ngõ số 238: Đường rẽ KDC cạnh Trường Trung học Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin Miền Núi	
9.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.000
9.2	Qua 100m đến 250m	4.000
10	Ngõ số 236: Rẽ KDC Kho bạc và Xây lắp Nội thương 4	
10.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	5.500
10.2	Qua 100m vào KDC đến 250m	5.000
10.3	Các đoạn còn lại trong KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 2,5m$	4.000
11	Ngõ số 1: Rẽ khu tập thể Sở Xây dựng (theo hàng rào Công ty CP Vận tải số 10) gặp đường goòng cũ	4.000
12	Ngõ số 997: Rẽ KDC Chi nhánh Điện thành phố	
12.1	Từ đường Bắc Kạn vào 100m	4.500
12.2	Qua 100m vào hết KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 3,5m$	3.500
XXX	ĐƯỜNG PHỦ LIỄN (Từ đảo tròn Trung tâm đến Hợp tác xã Bắc Hà)	
1	Toàn tuyến	12.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 54B: (Ngã tư rẽ đi nhà hàng Cây xanh)	
1.1	Từ đường Phủ Liễn vào 100m	4.000
1.2	Qua 100m đến 250m có đường rộng $\geq 3,5m$	3.000
2	Ngõ số 54A: Đi qua Trường THCS Nguyễn Du đến gặp đường quy hoạch khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ	
2.1	Từ đường Phủ Liễn đến hết đất Trường THCS Nguyễn Du	4.000
2.2	Từ giáp đất Trường THCS Nguyễn Du đến gặp đường quy hoạch khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ	3.000
2.3	Các ngách rẽ trên ngõ số 54A	

2.3.1	Ngách rẽ vào KDC Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vào 100m	2.500
2.3.2	Ngách rẽ theo hàng rào Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên vào 200m	2.500
2.3.3	Ngách rẽ theo hàng rào Trường THCS Nguyễn Du vào 300m	2.500
2.3.4	Ngách rẽ vào cột phát sóng Truyền hình tỉnh Thái Nguyên vào 100m	2.500
3	Ngõ rẽ KDC Phủ Liễn 1 gặp đường đi ngõ 2 và ngõ 60, đường Hoàng Văn Thụ	6.500
4	Ngõ số 100: Rẽ đi gặp đường ngõ số 54A	2.500
5	Ngã ba HTX Bắc Hà đến gặp đường quy hoạch khu dân cư khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ	
5.1	Ngã ba cạnh HTX Bắc Hà đến hết đất Trường Tiểu học Đội Cấn	4.000
5.2	Từ hết đất Trường Tiểu học Đội Cấn đến gặp đường quy hoạch khu dân cư khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ	3.500
6	Các đường quy hoạch trong KDC số 1 phường Hoàng Văn Thụ đã xong cơ sở hạ tầng	
6.1	Đường quy hoạch rộng $\geq 14,5m$	5.000
6.2	Đường quy hoạch rộng $< 14,5m$	4.000
XXXI	ĐƯỜNG CHU VĂN AN (Từ đường Hoàng Văn Thụ đi qua Đoàn Ca múa nhạc Dân gian Việt Bắc đến phố Lương Đình Cửa)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến ngã ba ngõ số 21 sang Trường THPT Lương Ngọc Quyến	7.000
2	Ngã ba ngõ số 21 đến cổng Đoàn Ca múa nhạc Dân gian Việt Bắc	5.000
3	Từ cổng Đoàn Ca múa nhạc Dân gian Việt Bắc đến ngã ba gặp phố Lương Đình Cửa	3.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 3 rẽ vào KDC tổ 31	4.500
2	Ngõ số 21: Rẽ đến cổng Trường THPT Lương Ngọc Quyến	4.500
*	Ngách rẽ KDC Phát hành sách: Vào 100m	3.000
3	Ngõ rẽ theo hàng rào Trung tâm Nước sạch nông thôn vào 100m	4.500
4	Rẽ vào KDC Trại dưỡng lão (cũ): Vào 100m	4.000
5	Ngõ số 39: Vào làng Giáo viên Lương Ngọc Quyến vào 150m	3.500

6	Ngõ số 14: Rẽ theo hàng rào Trường Tiểu học Đội Cấn gặp trục phụ đường Phủ Liễn	4.500
7	Ngõ số 26: Rẽ đến cổng Trung tâm Hướng nghiệp	3.000
8	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch Đoàn ca múa dân gian Việt Bắc (giáp sân thể dục Trường Chu Văn An)	3.000
9	Ngõ số 70: Từ Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc gặp trục phụ đường Phủ Liễn	3.000
XXXII	ĐƯỜNG MINH CẦU (Nối đường Phủ Liễn gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Toàn tuyến	14.000
	Trục phụ	
1	Hai ngõ rẽ từ đường Minh Cầu vào hết KDC quy hoạch tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ	6.500
2	Ngõ số 01: Rẽ theo hàng rào Công ty Lương thực vào 100m	5.500
3	Ngõ số 02 và 04: Rẽ theo hàng rào Chợ Minh Cầu vào KDC sau Chợ Minh Cầu, đường đã xây dựng cơ sở hạ tầng	7.000
4	Ngõ số 62: Rẽ chân đồi pháo vào sân kho HTX Quyết Tâm	
4.1	Từ đường Minh Cầu vào 100m	3.500
4.2	Qua 100m đến hết đất sân kho	2.500
5	Ngõ số 92: Rẽ đến Trạm xá Công an tỉnh (theo đường cũ)	3.500
6	Ngõ số 100: Vào trạm xá Công an tỉnh (đường mới) vào 100m	6.000
7	Ngõ số 146: Theo hàng rào Trung tâm giáo dục trẻ em thiệt thòi vào tổ 19, phường Phan Đình Phùng	
7.1	Từ đường Minh Cầu vào 200m	5.000
7.2	Qua 200m đến gặp đường Nguyễn Đình Chiểu	3.000
8	Ngõ số 153: Rẽ KDC đối diện Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên (Bia Vicoba)	
8.1	Từ đường Minh Cầu vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch KDC có đường rộng $\geq 9m$	6.000
8.2	Trục còn lại trong KDC quy hoạch có đường rộng $\geq 9m$	5.500
9	Ngõ số 160: Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên vào 150m	3.500
10	Ngõ số 206: Rẽ vào KDC Công ty cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên (đối diện Khách sạn Thái Hà) vào 150m	3.500

XXXIII	ĐƯỜNG HOÀNG NGÂN (Nối ngã tư đường Minh Cầu và đường Phan Đình Phùng đến đường Cách mạng tháng Tám)	
1	Toàn tuyến	12.000
	Trục Phụ	
1	Ngõ rẽ vào Trụ sở Công an phường Phan Đình Phùng (mới)	
1.1	Có đường rộng $\geq 10\text{m}$	7.000
1.2	Có đường rộng $< 10\text{m}$	5.000
2	Rẽ theo Trạm biến áp Việt Xô đến gặp phố Xương Rồng	2.500
XXXIV	PHỐ NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua Trường Tiểu học Nguyễn Huệ gặp đường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	6.500
2	Từ giáp đất bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng	5.000
	Trục phụ	
1	Các đường trong KDC quy hoạch A1, A2 có mặt đường rộng $\geq 9\text{m}$	
1.1	KDC lô 2 + lô 3	6.000
1.2	KDC lô 4 + lô 5	5.000
1.3	KDC lô 6 + lô 7	4.500
2	Các trục phụ còn lại (rẽ trên phố Nguyễn Đình Chiểu) có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$, vào 100m	3.000
XXXV	ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG (Đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Thống nhất)	
1	Từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Bến Tượng	10.000
2	Từ đường Bến Tượng đến gặp đường Lương Ngọc Quyến	12.000
3	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường Thống nhất	8.500
	Trục phụ	
1	Rẽ cạnh số nhà 18, đường Phan Đình Phùng đến gặp phố Nhị Quý	5.000
*	Các đường trong khu quy hoạch dân cư số 1, phường Trưng Vương (cạnh Đảng ủy khối các cơ quan)	4.000

2	Rẽ vào KDC sau UBND phường Túc Duyên (Đoạn trục phụ vuông góc với đường Phan Đình Phùng)	4.500
3	Ngõ số 167: Rẽ vào tổ 14,15, phường Túc Duyên	
3.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	3.500
3.2	Qua 100m đến 250m	2.500
4	Ngõ số 168: Lối rẽ đối diện Tỉnh uỷ vào tổ 14, phường Túc Duyên đi gặp ngõ tổ 14, 15, phường Túc Duyên	2.500
5	Ngõ số 35: Rẽ vào tổ 13, 14, phường Túc Duyên	
5.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 200m	2.800
5.2	Qua 200m đến 500m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.000
6	Ngõ 85: Rẽ theo hàng rào Tỉnh uỷ gặp phố Nhị Quý (cổng Tỉnh uỷ cũ)	4.500
7	Ngõ rẽ từ Công an phường Phan Đình Phùng (cũ) vào 100m	5.000
8	Ngõ số 281: Vào 100m	3.500
9	Ngõ số 158: Rẽ vào Trường THPT Dân lập Nguyễn Trãi	
9.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào 100m	3.500
9.2	Sau 100m đến gặp đất khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng	3.000
9.3	Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 22,5m$ (đã xong cơ sở hạ tầng)	6.000
9.4	Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 12m$, nhưng $< 22,5m$ (đã xong cơ sở hạ tầng)	5.500
9.5	Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $< 12,5m$ (đã xong cơ sở hạ tầng)	5.000
10	Ngõ số 198:	
10.1	Từ đường Phan Đình Phùng vào đến ngã 3 đầu tiên	4.000
10.2	Từ ngã 3 đầu tiên đi về hai phía 100m	3.000
11	Rẽ cạnh số nhà 321 vào 100m (tổ 27, phường Phan Đình Phùng)	3.000
12	Ngõ số 377: Rẽ sau Công ty thức ăn gia súc gặp phố Xương Rồng	3.000
13	Ngõ số 366: Rẽ vào tập thể Công ty thức ăn gia súc cũ	
13.1	Vào 50m	3.500

13.2	Sau 50m đến 150m	2.500
14	Ngõ số 392: Rẽ gặp phố Nguyễn Đình Chiểu	2.500
15	Ngõ số 446 và 466: Rẽ KDC Hồng Hà vào 150m có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	5.000
16	Các trục đường trong KDC số 3 + 4, phường Đồng Quang đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
16.1	Đường rộng $\geq 14,5m$	5.000
16.2	Đường rộng $\geq 9m$ và $< 14,5m$	4.000
XXXVI	PHỐ TÔ NGỌC VÂN (Từ đường Phan Đình Phùng đến phố Nguyễn Bính)	
1	Toàn tuyến	5.000
XXXVII	PHỐ NGUYỄN BÌNH (Từ phố Văn Cao qua đường Phan Đình Phùng đến gặp tuyến số 19, khu dân cư số 1, 3, 4, 5 phường Đồng Quang)	
1	Toàn tuyến	5.000
XXXVIII	PHỐ XƯƠNG RỒNG (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng Trường THCS Nha Trang đến gặp phường Phan Đình Phùng)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất Trường THCS Nha Trang	5.500
2	Từ giáp đất Trường THCS Nha Trang đến gặp đường Phan Đình Phùng	4.500
	Trục phụ	
1	Rẽ vào chùa Ông vào 100m	2.500
2	Ngõ 54: Vào 100m	2.500
*	Ngách rẽ KCD Đoàn nghệ thuật Thái Nguyên vào 50m	2.000
3	Rẽ theo hàng rào cạnh Trường THCS Nha Trang vào 100m	2.500
4	Từ Trạm biến áp vào 50m	2.500
XXXIX	ĐƯỜNG BẾN OÁNH (Từ đường Bến Tượng đến cầu treo Bến Oánh)	
1	Từ đường Bến Tượng đến ngã 3 phố Cột Cờ	16.000
2	Từ ngã 3 phố Cột Cờ đến rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	13.000

3	Từ rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên đến rẽ bến phà Soi	10.000
4	Từ rẽ bến phà Soi đến cống xiphông qua đường	6.000
5	Từ cống xiphông đến cầu treo Bến Oánh	4.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 315: Rẽ KDC Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp (Nông sản thực phẩm cũ) đi gặp phố Cột Cờ	8.000
2	Ngõ số 230: Rẽ KDC Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	
2.1	Trục chính vào hết đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	5.000
2.2	Qua đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh đến hết KDC có đường rộng $\geq 3,5m$	4.000
3	Ngõ số 224: Rẽ đến cống Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	5.500
4	Ngõ số: 155; 222; 165; 201:	
4.1	Mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5m$, vào 100m	4.000
4.2	Đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, nhưng $< 3,5m$, vào 100m	3.500
5	Ngõ số 182: Rẽ xóm phà Soi đến đường đê Sông Cầu	
5.1	Trục chính vào đến khu tái định cư kè Sông Cầu	4.000
5.2	Từ khu tái định cư kè Sông Cầu đến gặp đường Thanh niên	3.500
5.3	Các đường ngang trong khu quy hoạch tái định cư	3.200
6	Rẽ cạnh số nhà 160 vào tổ 5, phường Túc Duyên	
6.1	Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.800
6.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
7	Ngõ số 140; 114 và 57:	
7.1	Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.800
7.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.200
8	Rẽ KDC số 4 phường Túc Duyên (Khu Detech)	

8.1	Từ đường Bến Oánh đến đê Sông Cầu	4.000
8.2	Các đường còn lại trong khu quy hoạch	3.500
9	Ngõ số 68; 16 và 5:	
9.1	Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.500
9.2	Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.000
10	Ngõ số 1, đi bến đò Oánh vào 100m	3.500
XL	ĐƯỜNG TÚC DUYÊN (Từ đường Phan Đình Phùng qua cổng trụ sở UBND phường Túc Duyên đi Huống)	
1	Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất UBND phường Túc Duyên	6.000
2	Từ giáp đất UBND phường Túc Duyên đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên	5.000
3	Từ giáp đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên đến lối rẽ đi cầu phao Huống Trung	4.000
4	Từ lối rẽ đi cầu phao Huống Trung đến cầu treo Huống	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào UBND phường Túc Duyên vào 100m	3.700
2	Rẽ KDC số 7A, 7B, phường Túc Duyên vào 100m	3.500
3	Ngõ 139; 215; 239 rẽ đi tổ 18, 19 vào 100m	2.200
4	Ngõ 249; 265; 267; 287; 295 vào 100m	2.200
5	Ngõ 210: Rẽ tổ 23 vào 100m	2.000
6	Ngõ rẽ tổ 22 vào 100m	2.200
XLI	ĐƯỜNG BẮC NAM (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba Bắc Nam gặp đường Thống Nhất)	
1	Toàn tuyến	9.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 46: Rẽ KDC số 4 phường Phan Đình Phùng vào 50m	2.800
2	Ngõ số 50: Rẽ đi hết KDC số 4 phường Phan Đình Phùng gặp ngõ 46 (đã xong cơ sở hạ tầng)	3.800

3	Ngõ số 67: Rẽ đi tổ 18, phường Gia Sàng	
3.1	Vào 100m	2.800
3.2	Qua 100m đến 200m	2.200
4	Ngõ số 105: Rẽ đi tổ 19, phường Gia Sàng (sân kho HTX cũ) vào 100m	3.500
5	Ngõ số 141: Đi gặp ngõ số 536 đường Cách mạng tháng Tám vào 50m	2.800
6	Ngõ số 92: Rẽ đến cổng HTX cơ khí Bắc Nam	3.800
7	Ngõ rẽ cạnh số nhà 126 vào 70m	3.500
8	Ngõ số 157; 177: Rẽ đi tổ 19 và 22, phường Gia Sàng vào 100m	3.200
9	Ngõ số 247: Rẽ đi tổ 23, phường Gia Sàng vào 100m	2.800
XLII	ĐƯỜNG TÂN QUANG (Từ đường Bắc Nam đến đường Thanh niên Xung phong)	
1	Từ đường Bắc Nam đến hết đất Trường Lê Quý Đôn	3.200
2	Giáp đất Trường Lê Quý Đôn đến hết đất Nhà văn hoá phố 7, phường Gia Sàng	2.800
3	Từ Nhà văn hoá phố 7, phường Gia Sàng đến đường sắt	1.800
4	Từ đường sắt đến gặp đường Thanh niên xung phong	1.300
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ đối diện Trường Lê Quý Đôn vào 100m	2.000
2	Các nhánh rẽ trên đường Tân Quang có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$, vào 100m (thuộc đoạn từ đường Bắc Nam đến đường sắt)	1.300
XLIII	ĐƯỜNG GIA SÀNG (Từ đường Cách Mạng tháng Tám qua cổng UBND phường Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét)	
1	Từ đường Cách Mạng tháng Tám đến cổng UBND phường Gia Sàng	3.800
2	Từ cổng UBND phường Gia Sàng đến ngã 3 cổng Trường Tiểu học Gia Sàng	3.000
3	Từ cổng Trường Tiểu học Gia Sàng đến ngã 3 đi KDC số 1 Gia Sàng	2.500
4	Từ ngã ba đi KDC số 1 Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Công an phường Gia Sàng gặp đường rẽ đi xưởng đậu cũ vào 150m	2.800

2	Rẽ vào đến cổng Trường Tiểu học Gia Sàng	1.800
3	Rẽ Trạm nghiên cứu sét đến giáp đất KDC bệnh xá Ban chỉ huy Quân sự	1.500
4	Rẽ đến hết trại chăn nuôi HTX Gia Sàng cũ	1.500
5	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Trạm xử lý nước thải	2.000
XLIV	ĐƯỜNG THANH NIÊN XUNG PHONG (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến gặp đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất xưởng bia Công ty Việt Bắc Quân khu I	3.800
2	Từ giáp đất xưởng bia Công ty Việt Bắc đến đường sắt Hà Thái	2.500
3	Từ đường sắt Hà Thái đến hết suối Loàng	1.800
4	Từ suối Loàng cách 300m đến đường 3/2	3.000
5	Từ cách 300m đến gặp đường 3/2	4.000
	Trục phụ	
1	Các đường rẽ từ đường Thanh niên xung phong vào khu tập thể Cán A, vào 100m	2.000
2	Rẽ dài tường niệm Thanh niên xung phong vào 100m	2.000
3	Rẽ song song theo đường sắt đến xưởng cán Công ty cổ phần kim khí Gia Sàng	1.500
4	Rẽ từ Bờ Hồ đến Nhà văn hoá tổ 7, phường Tân Lập	2.500
XLV	ĐƯỜNG GA THÁI NGUYÊN (Nối đường Lương Ngọc Quyến qua Ga Thái Nguyên gặp đường Quang Trung)	
1	Từ ngã tư đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà Thái	9.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường Quang Trung	7.000
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ từ số nhà 208 theo hàng rào sau Chợ Đồng Quang gặp ngõ số 108 đường Lương Ngọc Quyến (giáp Bến xe khách Thái Nguyên)	4.000
2	Ngõ số 216: Rẽ vào Công ty cổ phần In Thái Nguyên	
2.1	Từ trục chính đến cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên	4.000
2.2	Từ cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên vào hai phía 150m	3.000

3	Ngõ số 260: Rẽ vào KDC Ao dân quân	
3.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 150m	4.500
3.2	Qua 150m đến hết đất Trường Mầm non Quang Trung	4.000
4	Ngõ số 215: Vào 100m (KDC bãi sân ga)	3.500
5	Ngõ số 312: Rẽ UBND phường Quang Trung vào 100m	4.000
6	Ngõ số 334: Rẽ vào đến cổng Trường THCS Quang Trung	3.000
7	Ngõ số 157: Vào 100m	2.500
8	Ngõ số 378: Rẽ Trung tâm Bảo trợ Xã hội	
8.1	Từ đường Ga Thái Nguyên vào 200m	3.000
8.2	Qua 200m đến cổng Trung tâm Bảo trợ Xã hội	2.200
9	Ngõ số 404: Rẽ đến cầu sắt sau Z159	
9.1	Từ đường Ga Thái Nguyên đến hết đất Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	3.000
9.2	Từ hết đất Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân đến cầu sắt sau Z159	2.500
XLVI	ĐƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN (Từ đường Lương Ngọc Quyến gặp đường Lương Thế Vinh)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường rẽ cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên	10.000
2	Từ đường rẽ vào cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên đến gặp đường Lương Thế Vinh	8.000
	Trục phụ	
1	Các đường trong khu quy hoạch KDC Nam Đại học Sư phạm Thái Nguyên, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng, có mặt đường rộng $\geq 7m$	6.500
XLVII	ĐƯỜNG LƯƠNG THẾ VINH (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua cổng Công ty cổ phần Xây dựng số 1 đến đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 rẽ KDC số 2 phường Quang Trung	5.000
2	Từ ngã 3 rẽ KDC số 2 phường Quang Trung đến gặp đường Lê Quý Đôn	5.500
3	Từ đường Lê Quý Đôn gặp đường Mỏ Bạch (đê Mỏ Bạch)	6.000
	Trục phụ	

1	Các ngõ số 7; 22; 24; 26; 43; 60 và 80: Vào 100m đầu	3.000
2	KDC số 2 Quang Trung (đã xong cơ sở hạ tầng)	
2.1	Đường rộng $\geq 9m$	3.500
2.2	Đường rộng $\geq 6m$, nhưng $< 9m$	3.000
2.3	Đường rộng $< 6m$	2.500
3	Ngõ số 125: Vào 250m	2.000
4	Ngõ số 96A; 96B; 147; 165 và ngõ rẽ từ số nhà 169: Vào 100m	2.500
XLVIII	ĐƯỜNG MỎ BẠCH (Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến đường sắt Hà Thái	4.000
2	Từ đường sắt Hà Thái đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	5.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 21: Rẽ cạnh nhà văn hóa Mỏ Bạch vào 100m	3.000
2	Rẽ từ số nhà 01 vào 100m xuống chân đê đường Mỏ Bạch	2.000
3	Đường rẽ song song đường sắt vào 100m	2.500
4	Đường quy hoạch trong KDC Đại học Nông lâm Thái Nguyên	
4.1	Đường rộng $\geq 6m$	4.500
4.2	Đường rộng $\geq 3,5m$, nhưng $< 6m$	3.500
IL	PHỐ ĐỒNG QUANG (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua khu dân cư Tỉnh đội đi gặp đường Lương Ngọc Quyến)	
1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến giáp đất Khách sạn Đông Á II	5.500
2	Từ giáp đất Khách sạn Đông Á II đi gặp đường Lương Ngọc Quyến	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà hàng ASEAN vào 150m	3.800
2	Rẽ KDC đôi C25 cũ vào 150m	3.800

3	Rẽ vào KDC số 2 Đồng Quang gặp đường Đồng Quang	4.200
4	Rẽ vào KDC tỉnh đội vào 150m	3.500
L	ĐƯỜNG VIỆT BẮC (Từ đường Thống Nhất qua Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc gặp đường Mỏ Bạch)	
1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc	3.700
2	Từ cổng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc đến gặp đường Quang Trung	4.500
3	Từ đường Quang Trung đến đường rẽ Ga Đồng Quang	4.200
4	Từ đường rẽ Ga Đồng Quang đến đường rẽ ra Bến Xe khách Thái Nguyên	4.000
5	Từ đường rẽ Bến Xe khách Thái Nguyên đến Làng Sinh Viên	3.800
6	Từ Làng Sinh viên đến đường Mỏ Bạch	4.000
	Trục phụ	
1	Các trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	2.500
LI	ĐƯỜNG QUANG TRUNG (Từ đường sắt Hà Thái đến ngã 3 gặp đường Thịnh Đức và đường Tân Cương)	
1	Đường sắt Hà Thái đến ngã ba gặp đường Z115	11.000
2	Từ ngã ba đường Z115 đến ngã 3 Đán đi Núi Cốc + 100m (đến đất Chợ Đán)	11.500
4	Từ ngã 3 Đán đi Núi Cốc + 100m đến ngã 3 rẽ phố Lê Hữu Trác	7.500
5	Từ ngã ba rẽ phố Lê Hữu Trác đến gặp đường Thịnh Đức (rẽ Dốc Lim)	5.500
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC Z159:	
1.1	Từ trục chính vào đến cổng Z159	5.000
1.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC Z159 có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	2.500
2	Ngõ số 155: Rẽ KDC X79	
2.1	Vào 100m:	3.500

2.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC quy hoạch X79 có đường rộng $\geq 5\text{m}$	3.000
3	Ngõ số 233: Rẽ vào X79 và Trường Cao đẳng Nghề số 1 Bộ Quốc phòng	
3.1	Vào 150m	4.200
3.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC X79 có đường rộng $\geq 5\text{m}$	3.200
4	Ngõ số 243: Vào 100m	2.800
5	Ngõ số 245: Rẽ tiểu đoàn 2 vào 150m	3.200
6	Rẽ KDC số 3 phường Tân Thịnh	
6.1	Từ đường Quang Trung vào 100m	5.000
6.2	Các đường quy hoạch trong KDC có đường rộng $\geq 5\text{m}$, nhưng $< 9\text{m}$	4.000
7	Rẽ từ đường Quang Trung vào đến hết đất UBND phường Tân Thịnh	3.200
8	Rẽ vào khu tập thể Công ty tư vấn Xây dựng giao thông	
8.1	Từ đường Quang Trung vào 150m	2.800
8.2	Các đoạn còn lại trong khu tập thể Xí nghiệp khảo sát thiết kế giao thông có đường rộng $\geq 5\text{m}$	2.200
9	Rẽ đi Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến (cũ) vào 100m	3.200
10	Ngõ số 365: Rẽ tổ nhân dân số 18, phường Thịnh Đán (cạnh kiốt xăng) vào 100m	3.200
11	Ngõ số 340: Rẽ tổ nhân dân số 19, phường Thịnh Đán vào 100m	3.200
12	Ngõ số 407: Vào 150m	3.200
13	Rẽ vào cổng cũ Trường Cao đẳng Sư phạm đến giáp đất Trường Cao đẳng Sư phạm	3.800
14	Ngõ số 417: Rẽ vào tổ nhân dân số 20 đối diện cổng Trường Cao đẳng Sư phạm vào 100m	3.700
15	Ngõ số 429: Vào 100m	3.200
16	Ngõ số 443: Rẽ cạnh Công an phường Thịnh Đán vào 100m	3.200
17	Ngõ số 470: Rẽ cạnh Bệnh viện phụ sản vào KDC số 2 Thịnh Đán	
17.1	Từ đường Quang Trung đến hết KDC có đường rộng $\geq 12\text{m}$	6.000

17.2	Rẽ vào lô 2 + 3 đã xong cơ sở hạ tầng có đường rộng $\geq 6\text{m}$, nhưng $< 12\text{m}$	5.000
18	Ngõ số 463: Rẽ cạnh Báo Nông nghiệp Việt Nam vào 150m	4.000
19	Ngõ số 541: Vào 100m	2.500
20	Ngõ số 573: Rẽ cạnh Chợ Đán vào 100m	3.200
21	Rẽ vào Đội Thuế phường Thịnh Đán vào 100m	2.000
22	Ngõ số 613: Vào 100m	1.800
23	Ngõ số 621: Đối diện cổng Trường Ngô Quyền vào 100m	1.800
24	Ngõ cạnh Trường Ngô Quyền vào 150m	1.800
25	Ngõ số 675: Vào 100m	1.500
26	Ngõ số 689; 691: Vào 100m	1.300
27	Ngõ số 648: Vào 200m	1.300
28	Ngõ rẽ vào đến Chùa Đán	1.800
29	Ngõ số 721: Rẽ cạnh kênh Núi Cốc đến sau Trung tâm GDĐXH tỉnh Thái Nguyên vào 150m	1.500
30	Rẽ Trung tâm 05, 06 tỉnh Thái Nguyên vào 200m	1.800
LII	ĐƯỜNG LÊ HỮU TRÁC (Từ đường Quang Trung qua Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyền đến hết đất Bệnh viện Tâm thần)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyền	4.000
2	Từ hết đất Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyền đến hết đất Bệnh viện Tâm thần	3.500
	Trục phụ	
1	Ngõ rẽ đi nhà văn hoá tổ 14, phường Thịnh Đán vào 100m	2.000
LIII	ĐƯỜNG PHÚ THÁI (Từ đường Quang Trung qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải gặp đường Thống Nhất)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất KDC số 1 phường Tân Thịnh	3.500
2	Từ giáp đất KDC số 1 phường Tân Thịnh đến ngã 3 rẽ đi qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	3.000

3	Từ ngã 3 rẽ đi Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	2.500
4	Từ cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến rẽ Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông số 1	3.000
5	Từ rẽ Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông số 1 đến gặp đường Thống Nhất	3.500
	Trục phụ	
1	Rẽ KDC số 1 phường Tân Thịnh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
1.1	Có đường rộng $\geq 14,5\text{m}$	3.000
1.2	Có đường $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 14,5\text{m}$	2.500
2	Từ giáp đất KDC số 5 phường Tân Thịnh đến gặp ngã ba cổng Bệnh viện Lao ra đường Thống nhất	
2.1	Đường mới	3.500
2.2	Đường cũ	2.500
3	Ngõ số 109; 107; 100; 97: Vào 100m	2.000
4	Ngõ số 65: Rẽ KDC Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải (đã xong cơ sở hạ tầng)	2.200
5	Ngõ số 46: Vào Nhà văn hoá tổ 19, phường Tân Thịnh	
5.1	Vào đến hết Nhà văn hoá tổ 19	2.200
5.2	Các đường nhánh còn lại có đường rộng $\geq 5\text{m}$	1.700
6	Ngõ số 44: Rẽ KDC Công ty cổ phần Xây dựng phát triển Nông thôn vào 150m	2.200
7	Ngõ số 31: Vào 100m	1.800
8	Ngõ số 32: Rẽ Nhà văn hoá tổ 18, phường Tân Thịnh vào 150m	2.200
LIV	ĐƯỜNG TÂN THỊNH (Từ đường Quang Trung qua Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính gặp đường 3-2)	
1	Từ đường Quang Trung vào 150m	3.500
2	Qua 150m đến cổng Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	2.200
3	Từ cổng Trường Cao đẳng kinh tế Kỹ thuật đến giáp đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	3.200
4	Từ đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến gặp đường 3-2	4.500

	Trục Phụ	
1	Ngõ số 45: Rẽ cạnh Nhà văn hoá tổ 22, phường Thịnh Đán vào 100m	1.800
2	Ngõ số 75; 58; 68; và 84: Vào 100m	1.800
3	Ngõ số 101: Vào 200m	1.800
4	Ngõ số 137:	
4.1	Vào 150m	2.000
4.2	Qua 150m đến 400m	1.800
5	Ngõ số 191: Vào 100m	1.800
LV	ĐƯỜNG Z115 (Từ đường Quang Trung đến gặp đường Tố Hữu)	
1	Từ đường Quang Trung đến hết đất Ký túc xá sinh viên	7.000
2	Từ hết đất Ký túc xá sinh viên đến cầu vượt Sơn Tiến	3.500
3	Từ cầu vượt Sơn Tiến đến gặp đường Tố Hữu	3.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 5: Rẽ đến cổng phụ UBND phường Tân Thịnh	3.000
2	Ngõ số 16; 30: Rẽ Nhà văn hoá tổ 7, phường Tân Thịnh vào 100m	3.000
3	Ngõ số 25: Vào 100m	3.000
4	Ngõ số 43: Vào 100m	3.000
5	Rẽ vào KDC tổ 10, phường Tân Thịnh	
5.1	Từ đường Z115 vào 150m	3.000
5.2	Qua 150m đến 250m	2.500
6	Ngõ số 75: Vào 100m	2.500
7	Ngõ rẽ vào KDC quy hoạch Trường Thiếu sinh quân thuộc tổ 7, phường Tân Thịnh	
7.1	Vào 100m	2.500

7.2	Qua 100m đến 250m	2.200
8	Ngõ số 109: Rẽ vào Toà án quân sự Quân khu I	
8.1	Từ đường Z115 đến cổng Toà án quân sự Quân khu I	3.500
8.2	Từ cổng Toà án quân sự Quân khu I đến Nhà văn hóa tổ 6, phường Tân Thịnh	2.500
8.3	Đoạn còn lại có mặt đường bê tông $\geq 3\text{m}$	2.000
9	Rẽ đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên	
9.1	Từ đường Z115 đến rẽ cổng Văn phòng Đại học Thái Nguyên, có đường rộng $\geq 19\text{m}$	6.000
9.2	Các đường trong KDC quy hoạch Nam Đại học Thái Nguyên đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng	
9.2.1	Đường rộng $\geq 14\text{m}$, nhưng $< 19\text{m}$	4.500
9.2.2	Đường rộng $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 14\text{m}$	3.500
9.3	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Z115 đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên vào tổ 2 và tổ 3, phường Tân Thịnh	
9.3.1	Từ trục phụ vào 200m	2.000
9.3.2	Qua 200m đến 500m	1.500
9.4	Nhánh rẽ từ trục phụ đối diện Văn phòng Đại học Thái Nguyên đi đến cầu sắt sau Z159	2.000
10	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ 5, phường Tân Thịnh vào 150m	2.200
11	Ngõ rẽ cạnh Trường THPT vùng cao Việt Bắc vào đến cầu vượt tuyến tránh quốc lộ 3	2.200
12	Ngõ rẽ cạnh Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên vào 100m	2.200
13	Ngõ rẽ đi Nhà văn hoá tổ 3, Tiến Ninh (2 đường), từ đường Z115 vào 100m	2.000
14	Rẽ từ cổng Z115 đến đất KDC xóm Nước Hai	
14.1	Từ cổng Z115 đi KDC xóm Nước Hai vào 100m	1.500
14.2	Rẽ KDC xóm Nước Hai và các đường trong KDC quy hoạch Tái định cư xóm Nước Hai vào 100m	1.300
15	Rẽ KDC xóm Thái Sơn và các đường trong KDC quy hoạch Thái Sơn vào 100m	1.500
16	Ngõ rẽ cạnh Nhà văn hóa Z115 vào 100m	1.500

17	Các ngõ rẽ còn lại vào 100m đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.200
LVI	ĐƯỜNG TỔ HỮU (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Quyết Thắng đến hết đất thành phố)	
1	Từ đường Quang Trung đến cổng Công ty Việt Bắc	5.000
2	Từ cổng Công ty Việt Bắc đến ngã 3 gặp đường Z115	3.000
3	Từ ngã ba gặp đường Z115 đến ngã tư xóm Cây Xanh	2.500
4	Từ ngã tư xóm Cây Xanh đến rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân	2.000
5	Từ rẽ cổng UBND xã Phúc Xuân đến đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân	2.500
6	Từ đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân đến ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc	2.000
7	Từ ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Khuôn Năm	1.500
8	Từ đầu cầu Khuôn Năm + 500m	1.000
9	Đoạn còn lại đến hết đất thành phố	600
	Trục phụ	
1	Ngõ số 15; 22; 27; 33: Vào 100m	1.800
2	Ngõ số 36: Vào 50m	1.800
3	Ngõ số 45; 51: Vào 150m	1.800
4	Ngõ số 38: Vào 100m	1.800
5	Ngõ số 70 đi xóm Gò Móc vào 150m	1.000
6	Ngõ số 80; 100 rẽ đi Chùa Cả vào 500m	900
7	Rẽ đi Sơn Tiến gặp đường Z115, có mặt đường bê tông $\geq 3\text{m}$	1.500
8	Rẽ xóm Cây Xanh (đối diện X84) vào 100m	700
9	Rẽ đến quán 300	600
*	Các đường rẽ trên tuyến là đường bê tông liên xã $\geq 2,5\text{m}$ vào 200m	500
10	Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hoá Núi Nền, nhà văn hoá Đồng Kiệm, Nhà văn hoá Nhà thờ	

10.1	Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hoá Núi Nền	800
10.2	Nhà văn hoá Núi Nền đến Nhà văn hóa Nhà thờ	600
10.3	Nhà văn hoá Núi Nền đến nhà văn hoá Đồng Kiệm	600
11	Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 2	800
12	Nhà văn hoá xóm Giữa 2 vào đến Nhà văn hoá xóm Giữa 1	600
13	Rẽ từ đường Tổ Hữu theo 2 đường	
13.1	Từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà văn hóa xóm Cây Thị	800
13.2	Từ nhà văn hóa xóm Cây Thị đến Nhà văn hóa xóm Đèo Đá	500
14	Rẽ đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân	
14.1	Từ đường Tổ Hữu vào đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân	1.000
14.2	Từ Trạm Y tế xã xã Phúc Xuân đến Nhà văn hóa xóm Xuân Hòa	700
15	Rẽ từ đường Tổ Hữu đến Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh	600
16	Từ Nhà văn hóa xóm Đồng Lạnh đến đập tràn xã Phúc Trìu	800
17	Rẽ vào đến Nhà văn hoá xóm Cây Si	500
18	Rẽ vào đến Nhà văn hoá xóm Xuân Hoà	800
19	Rẽ vào đến ngã 3 Khuôn Năm Dộc Lầy	
19.1	Rẽ vào đến Nhà văn hóa xóm Dộc Lầy	800
19.2	Rẽ vào đến Nhà văn hóa xóm Dộc Lầy đến Nhà văn hóa xóm Khuôn Năm	450
20	Rẽ vào xưởng nông cụ 1 cũ vào 100m	500
21	Từ ngã ba đi đập Nam Hồ Núi Cốc đến đỉnh đèo Cao Trắng	1.200
22	Từ đường Phúc Xuân đến xóm rừng Chùa xã Phúc Trìu	800
23	Từ đường Tổ Hữu đến hết khách sạn Đông Á III	1.000
LVII	ĐƯỜNG TÂN CƯƠNG (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc)	

1	Từ đường Quang Trung đến Nhà văn hoá tổ 7, phường Thịnh Đán	3.500
2	Từ Nhà văn hoá tổ 7, phường Thịnh Đán đến ngã ba quán 300	2.500
3	Từ ngã ba quán 300 đến ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương	1.800
4	Từ đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương đến đường rẽ đi bãi rác	1.500
5	Từ đường rẽ đi bãi rác đến gặp đường nam Hồ Núi Cốc (đập chính Hồ Núi Cốc)	1.200
	Trục phụ	
1	Từ đường Tân Cương đến rẽ cổng chính xóm Chợ đi qua xóm Soi Mít gặp đường Tân Cương, từ hai đầu đường vào 300m	800
1.1	Đoạn còn lại trong tuyến	700
1.2	Từ đường Tân Cương vào xóm Soi Mít	500
2	Rẽ Chùa Yna vào 500m	1.000
3	Rẽ đi Núi Guộc vào 500m	1.000
4	Rẽ Trường Mầm non xã Tân Cương vào hết đất Trạm Y tế xã	1.000
*	Từ hết đất Trạm Y tế + 200m	800
5	Rẽ đến cổng Trường THCS Tân Cương	500
6	Rẽ đi Khu xử lý rác thải rắn đến ngầm Hồng Thái	500
7	Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq$ 2,5m vào 200m	500
LVIII	ĐƯỜNG THỊNH ĐỨC (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Thịnh Đức đến hết đất thành phố)	
1	Từ đường Quang Trung đến giáp đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	1.500
2	Từ đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên đến cổng Trường THCS Thịnh Đức	1.200
3	Từ cổng Trường THCS Thịnh Đức đến đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382	1.200
4	Từ đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382 đến ngã 3 đi Sông Công	1.000
5	Từ ngã 3 đi Sông Công đến hết đất thành phố	500
	Trục phụ	
1	Từ ngã 3 đi Sông Công đến Trại ngựa Bá Vân (hết đất xã Thịnh Đức)	450

2	Các trục liên xóm, liên xã, là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$, vào 200m	450
LIX	ĐƯỜNG PHÚC XUÂN (Từ đường Tổ Hữu đến gặp đường Phúc Triu)	
1	Toàn tuyến	1.000
	Trục phụ	
1	Từ đường Phúc Xuân rẽ theo 2 đường đến Nhà văn hóa xóm Long Giang	500
LX	ĐƯỜNG PHÚC TRIU (Từ đường Tân Cương - Dọc theo kênh Núi Cốc đến đường Nam Núi Cốc)	
1	Toàn tuyến	800
LXI	ĐƯỜNG NAM NÚI CỐC (Từ đường Phúc Triu nối đến đường Tổ Hữu)	
1	Toàn tuyến	1.000
LXII	ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến Km số 6 Quốc lộ 3)	
1	Từ ngã ba Mỏ Bạch đến gặp đường đê Mỏ Bạch	16.000
2	Từ đê Mỏ Bạch đến Cầu Mỏ Bạch	11.000
3	Từ cầu Mỏ Bạch đến đến cổng Z127	5.000
4	Từ cổng Z127 đến cầu Tân Long	5.500
5	Từ cầu Tân Long đến ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3	5.000
6	Từ ngã 4 tuyến tránh Quốc lộ 3 đến Km số 6 (giáp đất Phú Lương)	4.200
	Trục phụ	
1	Đường rẽ vào cổng Nhà máy xay Mỏ Bạch đến KDC Sở Xây dựng	
1.1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Nhà máy xay	5.000
1.2	Từ cổng Nhà máy xay đến KDC Sở Xây dựng có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$	4.000
1.3	Từ Nhà máy xay rẽ trái vào 100m	3.000
2	Ngõ số 20/1: Rẽ vào Khu tập thể Cầu đường vào 150m	2.500
3	Ngõ số 885: Vào đến đất Doanh nghiệp may Tháng Tám	3.000

4	Ngõ số 962: Rẽ vào Chợ Quang Vinh mới	
4.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 200m rẽ về 2 phía	1.800
4.3	Tiếp theo 2 phía có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$, nhưng $< 3,5\text{m}$	1.500
5	Ngõ số 882: Rẽ vào xóm Thần Vi	
5.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
5.2	Qua 100m đến 200m	1.800
5.3	Qua 200m tiếp theo đến ngã ba đi Nghĩa trang Thần Vi	1.500
5.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$, vào 100m	1.200
6	Ngõ số 865 và ngõ rẽ cạnh UBND phường Quang Vinh, vào đến nhà văn hoá tổ 8, phường Quang Vinh	2.500
7	Ngõ số 845: Rẽ vào cổng phụ Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
7.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	3.500
7.2	Qua 100m đến Nhà văn hóa Điện lực	3.000
7.3	Từ Nhà văn hóa Điện lực đến hết Trường Mầm non Điện lực	2.500
7.4	Các đường rẽ trong KDC quanh sân bóng có mặt đường bê tông rộng $\geq 3\text{m}$	2.000
8	Ngõ số 719: Rẽ vào cổng chính Công ty nhiệt điện Cao Ngạn	
8.1	Từ đường Dương Tự Minh đến ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	3.500
8.2	Từ ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất Hợp tác xã Cộng Lực	2.500
9	Ngõ số 740: Vào tổ nhân dân Tân Thành (đối diện Ngõ số 719 vào Công ty nhiệt điện Cao Ngạn)	
9.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	2.500
9.2	Qua 100m đến 200m	2.000
9.3	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$, vào 100m	1.500
10	Ngõ số 675b: Vào hết đường dân sinh	2.500

11	Rẽ cổng nhà máy Z127 đến khu tập thể Z127	
11.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Z127	3.500
11.2	Từ cổng Z127 rẽ theo hàng rào Z127 đến nhà công vụ Z127	3.000
12	Ngõ rẽ từ đường Dương Tự Minh vào đến nhà công vụ Z127	4.000
12.1	Từ nhà công vụ Z127 đến gặp Chợ Quan Triều	1.800
12.2	Các nhánh rẽ trên đường từ nhà công vụ Z127 đến hết khu tập thể Z127 gặp Chợ Quan Triều vào 100m có đường bê tông $\geq 2m$	1.000
13	Ngõ số 615; 647 và 673:	
13.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.800
13.2	Qua 100m đến 200m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.200
14	Ngõ số 616; 618: Rẽ KDC Cửa hàng ăn Quan Triều đến Thư viện Z127	2.000
15	Ngõ số 575: Rẽ vào Ban Quản lý dự án Công ty nhiệt điện Cao Ngạn (ngõ Đá)	
15.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Ban quản lý dự án	2.500
15.2	Từ cổng Ban quản lý dự án đi KDC Xây lắp cũ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
16	Ngõ số 527: Rẽ theo hàng rào Bưu điện Quan Triều vào đến ngã 3	2.500
17	Ngõ số 511: Rẽ theo đường sắt cũ	
17.1	Từ Đường Dương Tự Minh vào 100m	2.000
17.2	Từ qua 100m đến 300m	1.500
17.3	Nhánh đường sắt cũ rẽ sang hội Trường đồ gặp khu tái định cư bằng tải than	1.500
18	Rẽ vào đến cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	3.000
18.1	Từ cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ rẽ dọc theo hàng rào nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ đến gặp đường goòng cũ	1.500
18.2	Nhánh rẽ vào khu tái định cư tuyến bằng tải than đi gặp Ngõ số 511	2.000
18.3	Nhánh rẽ theo hàng rào sân vận động Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ có đường rộng $\geq 3,5m$	2.000
19	Ngõ số 451; 698; 714; 641; 636: Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.800

20	Rẽ vào đường goòng 2 bên	
20.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
20.2	Qua 100m đến 250m	1.000
21	Các ngõ rẽ chưa kể tên từ đường Dương Tự Minh vào 100m	1.500
22	Ngõ số 335: Rẽ vào KDC tổ 6, phường Tân Long, vào 100m	1.000
23	Ngõ rẽ từ số nhà 370; 404, vào 100m	1.000
24	Rẽ theo hàng rào Cơ khí 3/2	
24.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 200m	1.200
24.2	Đường trục ngang trong KDC 3/2 có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
25	Rẽ vào xưởng 100	
25.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.200
25.2	Đường ngang trong KDC có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
26	Ngõ số 236: Rẽ vào Trại giam Công an TP cũ vào 100m	1.200
27	Rẽ vào KDC tổ 9, phường Tân Long	
27.1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	1.200
27.2	Qua 150m đến 250m tiếp theo	1.000
28	Ngõ số 146: Rẽ đến Nhà văn hóa tổ 11, phường Tân Long (Công ty cổ phần Vận tải ô tô số 10)	1.200
29	Ngõ số 163: Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ vào 200m	1.200
30	Ngõ số 139: Vào UBND phường Tân Long	
30.1	Từ đường Dương Tự Minh qua cổng UBND phường Tân Long đến ngã ba cổng Trường THCS Tân Long	2.000
30.2	Từ cổng Trường THCS Tân Long đến cổng Trường Tiểu học Tân Long	1.500
30.3	Nhánh rẽ từ trục phụ vào KDC số 2 phường Tân Long	1.500
31	Ngõ số 128: Rẽ vào tổ 20, phường Tân Long	

31.1	Từ đường Dương Tự Minh vào đến ngã ba (hết đất Trường Mầm Non phường Tân Long)	1.500
31.2	Từ ngã ba rẽ theo về 2 phía đến cổng chui tuyến tránh Quốc lộ 3	1.200
31.3	KDC tái định cư phường Tân Long:	
31.3.1	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 16,5\text{m}$	1.500
31.3.2	Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 9\text{m}$, nhưng $< 16,5\text{m}$	1.200
32	Ngõ số 77: Rẽ KDC tổ 15 vào 100m	1.200
33	Ngõ số 45: Rẽ KDC tổ 16 vào 100m	1.200
34	Đường rẽ vào đồi PAM tổ 16 vào 100m	1.500
LXIII	ĐƯỜNG QUANG VINH (Từ đường Dương Tự Minh qua Trường THCS Quang Vinh đi gặp đường Bắc Kạn)	
1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Mầm non Quang Vinh	4.700
2	Từ cổng Trường Mầm non Quang Vinh đến cổng Trường THCS Quang Vinh	4.000
3	Từ cổng Trường THCS Quang Vinh đến đất Trường Tiểu học Quang Vinh, đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng có đường $\geq 19,5\text{m}$	4.500
4	Từ đất Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hoá xóm Soi Dầu	3.500
5	Từ Nhà văn hoá xóm Soi Dầu đến Nhà văn hóa Quyết Tiến I, II.	2.000
6	Từ Nhà văn hoá xóm Quyết Tiến I, II ra gặp đường Bắc Kạn	2.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào KDC quy hoạch Nhà máy xay Mỏ Bạch (Rẽ sau Công an phường Quang Vinh) vào 100m	2.000
2	Rẽ xóm Rừng Vầu vào 200m	2.000
3	Rẽ tổ Quang Vinh 1; Quang Vinh 2 vào 150m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	2.000
4	Đường còn lại trong KDC số 1 Quang Vinh đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng: Đường rộng $\geq 9\text{m}$	4.000
5	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hóa tổ Soi Dầu) vào 150m	2.500
6	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Nhà văn hóa tổ Soi Dầu đến đường Bắc Kạn) vào 150m	1.000
LXIV	ĐƯỜNG QUAN TRIỀU (Từ đường Dương Tự Minh vào ga Quan Triều)	

1	Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên	4.000
2	Từ cổng Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên đến Ga Quan Triều	3.700
	Trục Phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Chợ Quan Triều vào 50m	1.800
2	Rẽ từ đường Quan Triều vào KDC Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, vào 100m	1.500
3	Các đường trong khu dân cư số 3, phường Quan Triều đã xong cơ sở hạ tầng	
3.1	Đường rộng $\geq 16,5\text{m}$ đến $19,5\text{m}$	3.200
3.2	Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$ nhưng $< 16,5\text{m}$	3.100
3.3	Đường rộng $\geq 12,5\text{m}$ nhưng $< 14,5\text{m}$	2.800
4	Rẽ từ đường Quan Triều đi tổ nhân dân 15 (đối diện đường vào cầu chui cũ)	
4.1	Vào 100m	1.800
4.2	Từ 100m đến 300m	1.200
5	Rẽ từ Ga Quan Triều theo đường sắt vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$	1.200
6	Các nhánh khác rẽ từ đường Quan Triều vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.200
LXV	ĐƯỜNG PHÚC HÀ (Từ đường Dương Tự Minh đến gặp đường Tố Hữu)	
1	Từ đường Dương Tự Minh vào 150m	2.000
2	Qua 150m đến ngã 3 rẽ Trường THCS Hoàng Văn Thụ	1.500
3	Từ ngã 3 rẽ Trường THCS Hoàng Văn Thụ đến ngã 3 cổng cân	1.000
4	Từ ngã ba cổng cân đến đường sắt đi Ga B Núi Hồng	500
5	Từ đường sắt đi Ga B Núi Hồng đến cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3	750
6	Từ cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3 đến UBND xã Phúc Hà	500
7	Từ UBND xã Phúc Hà (cũ) đến hết đất xã Phúc Hà	450
8	Từ hết đất xã Phúc Hà đến gặp đường Tố Hữu	500
	Trục phụ	

1	Rẽ KDC tổ 17, phường Quan Triều, vào 150m	1.800
2	Từ ngã 3 rẽ đi gặp Trường Mầm non Quan Triều	1.200
3	Từ cổng Trường Mầm non Quan Triều đến hết đất Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	2.000
4	Từ trạm cân đến cổng trạm bảo vệ số 1 Mỏ than Khánh Hoà	500
5	Từ khu tái định cư số 2 Phúc Hà đến khu trung tâm hành chính xã Phúc Hà	450
6	Rẽ đến Đài tưởng niệm xã Phúc Hà	450
7	Từ cổng Đồng Quan đến cổng Nhà máy xi măng Quan Triều	450
8	Các trục phụ khác liên xóm, liên xã có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 200m	450
LXVI	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (Từ đường Bắc Nam đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi gặp đường 3/2)	
1	Từ ngã 3 Bắc Nam đến đường sắt Hà Thái	8.500
2	Đường sắt Hà Thái đến hết đất Xí nghiệp may Việt Thái	7.000
3	Giáp đất xí nghiệp may Việt Thái đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	6.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 160: Rẽ đi tổ 12, phường Đồng Quang	
1.1	Từ đường Thống Nhất vào đến cổng Khách sạn Hải Yến	3.000
1.2	Từ cổng Khách sạn Hải Yến rẽ 2 phía đến 100m	2.500
2	Ngõ số 279: Rẽ theo hàng rào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến hết đất Ngân hàng	3.000
3	Ngõ số 301: Đi tổ 24, phường Gia Sàng gặp đường Tân Quang	
3.1	Vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến gặp đường Tân Quang	2.000
4	Ngõ số 321: Rẽ KDC Bách hoá	
4.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 250m	1.800

5	Ngõ số 339: Rẽ cạnh ki ốt xăng	
5.1	Từ đường Thống Nhất vào đến ngã ba đầu tiên	3.000
5.2	Từ ngã ba đầu tiên rẽ đi 2 phía	2.500
6	Ngõ số 350: Rẽ tổ 13, phường Đồng Quang, vào 150m	2.000
7	Ngõ số 369: Rẽ theo đường sắt Hà Thái	
7.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	2.000
7.2	Qua 100m đến 250m	1.800
8	Ngõ số 1: Rẽ vào Nhà văn hoá tổ 1A, 1B, vào 100m (song song đường sắt Hà Thái)	1.800
9	Ngõ số 77; 89: Vào hết KDC số 3 Tân Lập đã xong cơ sở hạ tầng	2.500
10	Ngõ số 294:	
10.1	Từ đường Thống Nhất đến cổng Công ty cổ phần Vận tải ô tô	2.500
10.2	Cổng Công ty cổ phần Vận tải ô tô qua cổng Trường Lê Văn Tám đến Nhà văn hóa tổ 17	1.800
11	Ngõ số 151: Rẽ Công ty Kim khí Thái Nguyên và Trạm đăng kiểm giao thông	
11.1	Từ đường Thống Nhất vào 100m	3.000
11.2	Qua 100m đến cổng Công ty Kim khí Thái Nguyên, Trạm đăng kiểm giao thông	2.500
12	Ngõ số 153: Rẽ KDC xưởng đậu và Chợ Chè Hương vào 100m	2.000
13	Ngõ số 209; 231: Rẽ cạnh Xí nghiệp may Việt Thái	
13.1	Vào 150m	1.800
13.2	Qua 150m đến Nhà văn hoá tổ 2, phường Tân Lập	1.500
14	Ngõ số 478 rẽ KDC tập thể Trường Cao đẳng Thương Mại Trung ương 4, vào 150m	2.500
15	Ngõ số 287: Rẽ đối diện đường Phú Thái vào 150m	2.000
16	Ngõ số 289: Rẽ theo hàng rào Xí nghiệp quản lý giao thông đến hết khu tập thể có đường bê tông $\geq 2,5m$	2.200
17	Ngõ số 556 vào đến Nhà văn hóa tổ 18, phường Tân Thịnh	2.500

18	Ngõ rẽ khu tập thể Bệnh viện Lao và bệnh Phổi vào 100m	2.500
19	Ngõ số 260: Từ đường Thống Nhất vào 100m	3.000
LXVII	PHỐ HỒ ĐẮC DI (Từ đường Thống nhất đến đường Phú Thái)	
1	Từ đường Thống Nhất đến hết đoạn đã xong cơ sở hạ tầng	3.500
2	Đoạn còn lại đến đường Phú Thái (đường bê tông)	2.500
	Trục phụ	
1	Các đường còn lại trong KDC số 5, phường Tân Thịnh có đường rộng $\geq$ 5m	2.500
LXVIII	ĐƯỜNG 3/2 (Từ đường Thống Nhất đến ngã ba rẽ đường Phố Hương gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Thống Nhất (ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi) đến ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính	5.000
2	Từ ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến rẽ Cụm công nghiệp số II Tân Lập	4.500
3	Từ đường rẽ Cụm công nghiệp số II Tân Lập đến hết đất Trường Tiểu học Tân Lập	4.500
4	Từ hết đất Trường Tiểu học Tân Lập đến đường rẽ vào Ga Lưu Xá	5.000
5	Từ đường rẽ vào Ga Lưu Xá đến rẽ đường Phú Xá	7.000
6	Từ rẽ đường Phú Xá đến Trường THCS Tích Lương	5.000
7	Từ Trường THCS Tích Lương đến ngã 3 Phố Hương	4.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Quốc lộ 3 (tuyến tránh TP) vào 250m	3.500
2	Ngõ số 401: Rẽ đối diện Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính, vào 150m	2.000
3	Ngõ rẽ đến cổng XN 19/5	2.500
4	Ngõ số 118: Rẽ đối diện đường vào Xí nghiệp 19/5 vào 150m	1.500
5	Ngõ số 146: Rẽ cạnh Công an phường Tân Lập vào 150m	1.800
6	Ngõ số 168: Rẽ KDC số 1 Tân Lập	
6.1	Vào 150m	3.000

6.2	Qua 150m và các đường quy hoạch rộng $\geq 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	2.500
6.3	Các đường quy hoạch rộng $\geq 5m$, nhưng $< 9m$, đã xong cơ sở hạ tầng	2.000
7	Ngõ số 547: Rẽ hết cụm công nghiệp số 2 Tân Lập	3.000
8	Ngõ số 226: Vào 150m	2.000
9	Rẽ từ cạnh số nhà 631 vào đến hết KDC xưởng thực nghiệm	2.000
10	Ngõ số 272: Vào nhà khách Kim Loại màu	
10.1	Từ đường 3/2 vào 100m	2.500
10.2	Qua 100m đến sân bóng	2.000
11	Ngõ số 709: Rẽ vào đến cổng Công ty 472	2.200
12	Ngõ số 360: Vào 100m (Đối diện đường vào Công ty 472)	2.000
13	Ngõ số 775: Vào 100m (Đối diện Ki ốt xăng dầu Hùng Hà)	1.500
14	Ngõ số 801: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp Hà Thanh vào 200m	1.500
15	Ngõ rẽ cạnh cây xăng Mạnh Hùng	
15.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.000
15.2	Qua 200m đến 450m	1.500
16	Ngõ rẽ vào xóm Ba Nhất đến sân vận động Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	
16.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.500
16.2	Qua 200m đến sân vận động	2.000
17	Rẽ vào ga Lưu xá	
17.1	Từ đường 3/2 đến cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu	3.500
17.2	Cổng văn phòng Công ty Kim loại màu đến cổng xưởng sản xuất của Công ty Kim loại màu	2.000
17.3	Từ cổng Xưởng sản xuất Công ty Kim loại màu đến Ga Lưu Xá	1.500
18	Rẽ KDC quy hoạch đường Ga Lưu Xá	

18.1	Từ đường Ga Lưu Xá vào 150m	2.500
18.2	Đoạn còn lại và các đường khác trong KDC quy hoạch	2.000
19	Ngõ rẽ cạnh Bưu điện Phú Xá vào KDC tổ 11 vào 100m	2.000
20	Từ đường 3/2 rẽ Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (cũ)	
20.1	Từ đường 3/2 vào 200m	3.500
20.2	Qua 200m đến nhà văn hóa xóm Bắc Lương	2.000
20.3	Từ nhà văn hóa xóm Bắc Lương đến nghĩa trang xã Tích Lương	1.000
21	Rẽ xóm Cầu Thông	
21.1	Từ đường 3/2 vào 200m	1.500
21.2	Qua 200m tiếp theo đến đập giếng Cỏi	1.500
22	Ngõ số 1307 rẽ vào KDC tổ 27, 28, phường Phú Xá: Từ đường 3/2 vào 150m	2.200
23	Ngõ số 1431 rẽ vào KDC tổ 29, phường Phú Xá: Từ đường 3/2 vào 150m	2.000
24	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Hào Thọ	
24.1	Từ đường 3/2 vào 200m	2.500
24.2	Tiếp theo đến ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương	1.500
24.3	Từ ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương Tiếp theo đi 2 phía + 250m	1.200
25	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 1) vào 200m	2.500
26	Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 2) vào 200m	1.800
27	Rẽ xóm Trung Lương đến Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim	
27.1	Từ đường 3/2 vào 200m	1.800
27.2	Qua 200m đến 450m	1.200
27.3	Qua 450m đến đất Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim	900
28	Rẽ nhà văn hóa xóm Trung Lương vào 200m	1.500

29	Rẽ đối diện Ki ốt xăng dầu số 2 Tích Lương đến gặp đường sắt Hà Thái	
29.1	Từ đường 3/2 vào 100m	2.300
29.2	Qua 100m đến đường sắt Hà Thái	1.500
LXIX	ĐƯỜNG PHÚ XÁ (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường 3/2)	
1	Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt Hà Thái	3.500
2	Từ đường sắt Hà Thái đến đường rẽ Nghĩa trang phường Phú Xá	3.000
3	Từ đường rẽ Nghĩa trang phường Phú Xá đến gặp đường 3/2	4.000
	Trục phụ	
1	Ngõ số 83: Rẽ vào UBND phường Phú Xá đến Khu tập thể đường sắt	2.000
2	Ngõ số 101: Vào 100m	1.500
3	Ngõ rẽ vào nghĩa trang phường Phú Xá	1.500
4	Các Ngõ số 47, 56 vào 100m	1.500
LXX	ĐƯỜNG 30/4 (Từ ngã ba rẽ đường Phố Hương đến hết đất thành phố)	
1	Từ ngã ba Phố Hương đến cầu Ba Cống	3.200
2	Từ cầu Ba cống đến bưu điện Tân Thành	4.000
3	Từ Bưu điện Tân Thành đến hết đất thành phố	4.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện kim	
1.1	Từ đường 30/4 vào 200m	1.800
1.2	Qua 200m đến cổng Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Luyện Kim	1.500
1.3	Các nhánh rẽ trên trục phụ có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 100m	900
2	Rẽ cạnh Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Trung Thành, có đường bê tông $\geq 2,5m$	
2.1	Từ đường 30/4 vào 100m	1.200

2.2	Qua 100m đến 350m	1.000
3	Rẽ khu tái định cư Quốc lộ 3 mới	
3.1	Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$ đến $< 16,5\text{m}$	1.500
3.2	Các đường còn lại trong khu quy hoạch có đường rộng $< 14,5\text{m}$	1.200
4	Rẽ ngõ cạnh Hợp tác xã công nghiệp Toàn Diện, có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$, vào 100m	1.200
5	Rẽ vào xóm Trước	
5.1	Từ đường 30/4 vào 200m	800
5.2	Qua 200m đến 400m	600
6	Rẽ vào đến cổng Trường Văn hoá 1 Bộ Công an	800
7	Rẽ vào đến Ga Lương Sơn	700
8	Rẽ theo bờ kênh Núi Cốc đi gặp đường sắt Hà Thái, vào 200m	500
9	Rẽ xóm La Hoàng vào 100m	700
LXXI	ĐƯỜNG TÍCH LƯƠNG (Từ đường 3/2 đến Lữ đoàn 210 Quân khu I)	
1	Từ đường 3/2 vào hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	5.000
2	Từ hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên + 300m	4.000
3	Qua 300m đến cầu hết đất Lữ đoàn 210 Quân khu I	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ nhà văn hoá xóm Cầu Thông vào 200m	1.000
2	Rẽ nhà văn hoá xóm Tung vào 200m	1.000
3	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Quốc lộ 3 mới (Xóm Núi Dài)	1.500
4	Rẽ KDC Nam Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	
4.1	Đường rộng từ $19,5\text{m}$ đến $< 27\text{m}$	3.000
4.2	Đường rộng từ $14,5\text{m}$ đến $< 19,5\text{m}$	2.500

4.3	Các đường còn lại trong khu quy hoạch	2.000
LXXII	ĐƯỜNG PHỐ HƯƠNG (Từ đường sắt đi Kép đến gặp đường 3/2)	
1	Đường sắt đi Kép đến gặp đường Gang Thép	4.500
2	Từ đường Gang Thép đến giáp đất phân hiệu 2 Trường Cao đẳng Cơ khí Luyện kim	5.500
3	Từ giáp đất phân hiệu 2 Trường cao đẳng Cơ khí Luyện kim đến ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành (gặp đường Lưu Nhân Chú)	4.000
4	Từ ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành đến hết KDC	5.500
5	Từ hết KDC số 1 phường Trung Thành đến gặp đường 3/2	3.000
	Trục phụ	
1	Các đường còn lại trong KDC số 1 phường Trung Thành, đã xong hạ tầng	3.000
2	2 ngõ rẽ theo hàng rào Nhà trẻ 1/5 đến hết đất Nhà trẻ	2.000
3	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 25 và 37: Vào 100m	2.000
4	Các ngõ rẽ trên đường Phố Hương đoạn từ Chợ Dốc Hanh đến ngã 4 đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	2.200
5	Từ đường Phố Hương rẽ theo 2 đường vào KDC tập thể Phố Hương	
5.1	Rẽ vào 300m	2.200
5.2	Qua 300m đến 500m đường $\geq 3,5m$	1.800
5.3	Các đường nhánh khác trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LXXIII	ĐƯỜNG GANG THÉP (Từ đường 3/2 qua UBND phường Trung Thành đến gặp đường Lưu Nhân Chú)	
1	Từ đường 3/2 đến rẽ Trường Tiểu học Trung Thành	4.500
2	Từ rẽ Trường Tiểu học Trung Thành đến rẽ Trường Độc Lập	7.500
3	Từ rẽ Trường Độc lập đến đường Cách Mạng tháng Tám	10.000
4	Từ đường Cách Mạng tháng Tám (bách hoá Gang Thép) vào 100m	4.000
5	Qua 100m đến 250m	3.000
6	Qua 250m đến cách đường Lưu Nhân Chú 100m	2.300

7	Từ cách đường Lưu Nhân Chú 100m đến gặp đường Lưu Nhân Chú	3.000
	Trục phụ	
1	Rẽ từ cạnh số nhà 299 đến Nhà văn hoá số 3 phường Trung Thành, vào 100m	1.500
2	Rẽ từ cạnh số nhà 196 đi tổ nhân dân số 19, phường Trung Thành, vào 100m	1.500
3	Rẽ từ cạnh số nhà 227 theo hàng rào Trung tâm hướng nghiệp thành phố Thái Nguyên	
3.1	Rẽ từ cạnh số nhà 227 đến Nhà văn hoá tổ 2, phường Trung Thành	1.500
3.2	Nhà văn hoá tổ 2, phường Trung Thành vào 300m	1.000
4	Rẽ cạnh Doanh nghiệp tư nhân Hải Long đi tổ nhân dân số 14, vào 100m	1.500
5	Rẽ cạnh Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Trung Thành vào 100m	2.000
6	Rẽ từ cạnh số nhà 102 vào Trường Tiểu học Trung Thành	
6.1	Từ đường Gang Thép đến ngã ba thứ 2	2.500
6.2	Qua ngã ba thứ 2 + 250m	1.500
7	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 153: Rẽ vào Nhà văn hóa đôi Độc Lập	
7.1	Từ đường Gang Thép đến cổng Nhà văn hóa đôi Độc Lập	2.500
7.2	Các đường nhánh trong KDC đôi Độc Lập, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
8	Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 88 (cạnh Kho bạc Lưu Xá cũ) vào đến ngã ba thứ 2	2.500
9	Rẽ vào Trường Tiểu học Độc lập	
9.1	Từ đường Gang Thép đến hết đất Trường Tiểu học Độc Lập	4.500
9.2	Từ giáp đất Trường Tiểu học Độc lập đến hết đất Trường THCS Độc lập	3.500
9.3	Các đường nhánh trong KDC đôi Độc Lập có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
10	Rẽ KDC sau Bách hóa Dốc Hanh vào 150m	2.000
11	Từ đường Gang Thép vào đến KDC xí nghiệp năng lượng	1.500
12	Các nhánh rẽ khác từ bách hoá Gang Thép đến đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200

LXXIV	ĐƯỜNG LƯU NHÂN CHÚ (Từ đường Phố Hương qua đảo tròn Gang thép đến cổng phụ Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên thuộc phường Cam Giá)	
1	Từ ngã tư KDC số 1 phường Trung Thành đến cổng sân vận động Gang thép	5.000
2	Từ cổng sân vận động Gang Thép đến đảo tròn Gang Thép	6.500
3	Từ đảo tròn Gang Thép đến gặp đường Hương Sơn	4.000
4	Từ đường Hương Sơn đến gặp ngõ số 261	3.500
5	Từ ngõ số 261 đến gặp đường sắt đi Kép	4.500
6	Từ đường sắt đi Kép đến rẽ đập Suối Cốc (UBND phường Cam Giá cũ)	2.000
7	Từ rẽ đập Suối Cốc đến cổng phụ Gang thép	1.500
	Trục phụ	
1	Ngõ số 537: vào 50m	2.000
2	Ngõ số 499; 530: Rẽ KDC lắp máy điện	
2.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 100m	2.000
2.2	Qua 100m đến 300m có đường rộng $\geq 3,5m$	1.800
2.3	Các nhánh khác còn lại trong KDC có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
3	Ngõ số 513: Đi gặp đường quy hoạch KDC cán 650	3.000
*	Các nhánh rẽ khác thuộc đoạn trên có mặt đường rộng $\geq 4,5m$, vào 100m	1.200
4	Ngõ số 501: Rẽ KDC Cán 650 (đường chính)	
4.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	3.500
4.2	Qua 200m đến 400m	2.500
4.3	Qua 400m đến 700m	1.800
4.4	Các nhánh rẽ trên trục phụ trong KDC cán 650	1.200
5	Ngõ số 423; 465: Rẽ đến Nhà văn hoá thể thao Gang Thép vào 150m	3.800
6	Ngõ số 434: Rẽ sau Ngân hàng Lưu Xá vào 100m	2.800

7	Rẽ cạnh Nhà văn hoá tổ 27, phường Hương Sơn đi đồi Sỏi vào 100m	2.000
8	Rẽ sau đất Bưu điện Hương Sơn vào hết KDC quy hoạch đường Lưu Nhân Chú	2.000
9	Các đường quy hoạch trong KDC đường Lưu Nhân Chú	3.000
10	Rẽ đi tổ 3, phường Hương Sơn vào 200m	1.500
11	Rẽ vào xóm Bình Dân (đối diện Bưu điện Hương Sơn) vào 100m	2.000
12	Rẽ khu tập thể nhà máy Luyện Gang	
12.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	1.500
12.2	Các nhánh rẽ từ đường vào khu tập thể nhà máy Luyện Gang có đường $\geq 3,5m$ vào 100m	1.000
13	Ngõ số 261: Vào Trường THCS Hương Sơn	
13.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào hết đất Trường THCS Hương Sơn	2.000
13.2	Giáp đất Trường THCS Hương Sơn vào 200m	1.200
13.3	Rẽ từ đường Trường THCS Hương Sơn vào Trường Tiểu học Hương Sơn	1.200
13.4	Các nhánh từ đường vào Trường Tiểu học Hương Sơn có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 150m	1.000
14	Đường vào UBND phường Hương Sơn	
14.1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào đến cổng UBND phường Hương Sơn	2.500
14.2	Các nhánh rẽ vào khu tập thể Nhà máy Cốc Hoá có đường rộng $\geq 3,5m$, vào 150m	1.200
15	Rẽ theo đường sắt đi cầu Trần Quốc Bình: Vào 400m	800
16	Ngõ số 59 (đường trục phường Cam Giá)	
16.1	Vào 300m	1.200
16.2	Qua 300m đến ngã 3 đập Suối Cốc	1000
16.3	Từ ngã 3 đập Suối Cốc đến kho HTXNN Tân Hương	900
16.4	Kho HTXNN Tân Hương qua Chợ Cam Giá đến hết khu tập thể Nhà máy tấm lợp Amiăng	950
16.5	Giáp đất khu tập thể Nhà máy tấm lợp Amiăng gặp đê Cam giá	900

LXXV	PHỐ TRỊNH BÁ (Từ đường Lưu Nhân Chú đến đường Cách Mạng tháng Tám)	
1	Từ đường Lưu Nhân Chú đến đường rẽ Công ty cổ phần Vận tải Gang thép	1.500
2	Từ đường rẽ Công ty cổ phần vận tải Gang thép đến gặp đường Cách Mạng tháng Tám	2.500
	Trục phụ	
1	Ngách rẽ vào Văn phòng Công ty cổ phần vận tải Gang thép	1.500
2	Đường liên thôn, liên xóm tổ 26 và 27, phường Cam Giá (các nhánh rẽ trên phố Trịnh Bá vào 100m), có đường rộng $\geq 3,5m$	1.000
LXXVI	ĐƯỜNG HƯƠNG SƠN (Từ đường Lưu Nhân Chú đến Sông Cầu vào Soi Mít)	
1	Từ đường Lưu Nhân Chú vào 200m	2.500
2	Qua 200m đến hết đất Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên	1.800
3	Từ hết đất Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên đến cầu treo	1.000
	Trục phụ	
1	Rẽ từ đường Hương Sơn vào KDC đồi F vào 200m	1.000
2	Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Hương Sơn vào KDC đồi F có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ vào 150m	900
LXXVII	ĐƯỜNG VÓ NGỰA (Từ đảo tròn Gang Thép đi huyện Phú Bình)	
1	Từ đảo tròn Gang Thép đến rẽ cổng Trường THPT Gang Thép	6.000
2	Từ rẽ Trường THPT Gang Thép đến ngã 3 gặp đường Tân Thành	4.000
3	Từ ngã 3 gặp đường Tân Thành đến hết đất phường Tân Thành	3.000
4	Từ hết đất phường Tân Thành đến gặp đường Lương Sơn	2.000
5	Từ đường Lương Sơn đến hết đất thành phố Thái Nguyên	1.500
	Trục phụ	
1	Từ đảo tròn Gang Thép rẽ sau khách sạn 5 tầng vào xóm Bình Dân	
1.1	Từ trục chính vào 100m	2.300
1.2	Qua 100m đến 200m	1.500

2	Rẽ Trường THPT Gang Thép: Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.000
3	Rẽ vào khu tập thể 2 tầng Bệnh viện Gang Thép cũ	
3.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.500
3.2	Qua 100m đến hết đường bê tông $\geq 3m$	2.000
3.3	Các nhánh khác trong KDC có đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 150m	1.200
4	Rẽ vào khu B Trung tâm Giáo dục lao động xã hội thành phố Thái Nguyên	
4.1	Từ đường Vó Ngựa vào 100m	2.000
4.2	Qua 100m đến 250m đường bê tông $\geq 3m$	1.500
5	Các nhánh rẽ còn lại thuộc đoạn từ đảo tròn Gang Thép đến ngã ba đường Tân Thành vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	1.500
6	Ngõ vào KDC xóm II Ninh Hương (xã Lương Sơn) đến KDC phân viện Luyện kim đen (cũ) vào 200m	700
7	Rẽ đi khu miền Ninh Sơn (xã Lương Sơn) vào 200m	800
8	Rẽ đi xóm Cầu vào 200m (xã Lương Sơn)	600
LXXVIII	ĐƯỜNG TÂN THÀNH (Từ đường vó ngựa đến gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Vó Ngựa vào 150m (ngã 3 rẽ tổ 9,10, phường Tân Thành)	2.500
2	Cách đường Vó Ngựa 150m đến cổng Trường THCS Tân Thành	1.500
3	Từ cổng Trường THCS Tân Thành đến đường sắt Hà Thái	2.000
4	Từ đường sắt Hà Thái gặp đường 30/4	3.000
	Trục phụ	
1	Các nhánh rẽ từ đường Tân Thành, có đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	1.000
LXXIX	ĐƯỜNG LƯƠNG SƠN (Từ đường Vó Ngựa qua UBND xã Lương Sơn gặp đường 30/4)	
1	Từ đường Vó Ngựa đến ngã ba rẽ xóm Ngân	700
2	Từ ngã ba rẽ xóm Ngân đến đường sắt Hà Thái	1.500
3	Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường 30/4	2.000

	Trục phụ	
1	Rẽ xóm Pha vào 200m	500
2	Rẽ đối diện Trạm Y tế xã Lương Sơn đi xóm Pha, vào 200m	500
3	Rẽ xóm Tân Trung: Vào đến trại chăn nuôi Hùng Chi	500
4	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Ngân vào 200m	500
5	Rẽ đến cổng Trường Cao đẳng Luyện kim	2.000
6	Từ cổng Trường Cao đẳng Luyện kim đi Trường Quân sự Quân khu I	
6.1	Từ cổng Trường Cao đẳng Luyện kim đến kênh Núi Cốc	800
6.2	Từ kênh Núi Cốc đến cổng Trường Quân sự Quân khu I	700
7	Rẽ KDC xóm 5 Tân Sơn vào 200m	700
LXXX	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B (CŨ) (Từ cầu Gia Bảy đến hết đất Hợp tác xã Cờ Hồng)	
1	Từ cầu Gia Bảy đến kiốt xăng Doanh nghiệp Tiến Thịnh	6.000
2	Từ giáp đất kiốt xăng Doanh nghiệp Tiến Thịnh đến hết đất Hợp tác xã Cờ Hồng	5.000
	Trục phụ	
1	Rẽ vào Nhà văn hoá xóm Gia Bảy vào 100m	2.500
*	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
2	Rẽ vào Đình Đồng Tâm vào 100m	2.200
*	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	2.000
3	Rẽ vào xóm Đồng Tâm (đối diện đường đi cầu treo cũ) vào 100m	2.500
4	Rẽ đi cầu treo cũ vào 100m	2.500
5	Rẽ đến nhà văn hoá xóm Đồng Tâm	2.500
6	Rẽ xóm Đông (2 nhánh đối diện kiốt Công ty xăng dầu Bắc Thái) vào 100m	2.500
7	Rẽ đi Bến Tượng	

7.1	Vào đến Nhà văn hoá xóm Đông	2.500
7.2	Từ Nhà văn hoá xóm Đông đến Bến tượng	2.000
8	Rẽ vào xóm Văn Thánh vào 200m	
8.1	Từ đường Quốc lộ 1B vào đến ngã tư thứ nhất KDC quy hoạch xóm Văn Thánh	3.000
8.2	Đoạn còn lại đến hết khu quy hoạch	2.000
9	Rẽ theo hàng rào doanh nghiệp Việt Cường vào KDC Ao Voi vào 150m	2.000
10	Rẽ vào Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	
10.1	Từ Quốc lộ 1B đến Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm	2.000
10.2	Đoạn còn lại rẽ đi các nhánh có đường bê tông $\geq 2,5m$ vào 100m	1.800
11	Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần Lâm sản Thái Nguyên vào 150m	2.000
12	Rẽ theo hàng rào Công ty TNHH Thái Dương vào KDC Ao voi vào 150m	1.800
LXXXI	QUỐC LỘ 1B (MỚI) (Đoạn nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B qua địa phận xã Cao Ngạn)	
1	Từ cầu Cao Ngạn đến rẽ xóm Quyết Thắng	2.500
	Trục phụ	
1	Rẽ đi xóm Gốc Vối	
1.1	Từ đường nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B vào 150m	1.000
1.2	Qua 150m đến ngã 3 Gốc Vối	600
1.3	Từ ngã 3 Gốc Vối đến cầu cáp Cao Ngạn (hết đường bê tông)	500
1.4	Từ ngã 3 Gốc Vối đến hết đất Tiểu đoàn 23 Quân khu I	500
2	Rẽ qua xóm Thành Công gặp ngã tư đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	800
3	Các nhánh rẽ còn lại có đường rộng $\geq 2,5m$, vào 150m	500
LXXXII	ĐƯỜNG ĐỒNG BẦM (Từ đường Quốc lộ 1B (cũ) qua sân bay gặp đường 259)	
1	Từ trạm biến áp treo thị trấn Chùa Hang đến trạm y tế xã Đồng Bầm	2.500

2	Từ trạm y tế xã Đồng Bẩm đến ngã 4 Tân Thành 2	2.000
3	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến đến gặp đường 259 (đến hết đất Đồng Bẩm)	1.500
	Trục phụ	
1	Rẽ theo hàng rào Trường Mầm non Đồng Bẩm đến giáp đất thị trấn Chùa Hang	2.000
2	Các ngõ rẽ đi Nhà máy Nước Đồng Bẩm có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	1.500
*	Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$	1.200
3	Rẽ theo hàng rào Trạm Y tế xã Đồng Bẩm đi sân bay và đi thị trấn Chùa Hang vào 100m về 2 phía	1.500
4	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đi bến phà Văn Thánh vào 150m	1.500
5	Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến Nhà văn hoá Tân Thành 2	1.500
6	Các nhánh rẽ còn lại trên trục phụ (đoạn từ ngã tư Tân Thành 2 đến gặp đường 259) có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$, vào 100m	1.200
LXXXIII	TRỤC ĐƯỜNG: Đảo tròn Núi Voi đi Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	
1	Từ giáp đất thị trấn Chùa Hang đến cổng Tiểu đoàn 13 Quân khu I	1.800
2	Từ cổng Tiểu đoàn 13 Quân khu I đến hết cổng Công ty cổ phần Xi măng Cao Ngạn	1.200
	Trục phụ	
1	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Lộc vào 150m, có đường bê tông $\geq 2,5m$	800
2	Nhánh rẽ đi xóm Phúc Thành vào 150m (đường đất)	600
3	Rẽ đi UBND xã Cao Ngạn đến hết đất Trường Tiểu học Cao Ngạn	800
4	Từ hết đất Trường Tiểu học Cao Ngạn đến Nhà văn hóa xóm Cổ Rùa	600
5	Từ Nhà văn hóa xóm Cổ Rùa đến giáp đất thị trấn Chùa Hang	800

2. Trường hợp các vị trí đất ở tại đô thị thuộc thành phố Thái Nguyên chưa được kể trên, giá đất không áp dụng được theo hướng dẫn tại Điểm 2, Mục II, phần B Hướng dẫn áp dụng bảng giá đất, thì giá đất được áp dụng theo bảng sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Vị trí	Mức giá		
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
4A	1.600	1.300	900
4B	1.300	1.100	700

4C	1.100	1.000	500
----	-------	-------	-----

Nhóm 1: Gồm các phường Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung.

Nhóm 2: Gồm các phường Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán.

Nhóm 3: Gồm các phường còn lại.

*** Xác định vị trí đất ở tại đô thị thuộc thành phố Thái Nguyên:**

Vị trí đất ở tại đô thị thuộc thành phố Thái Nguyên được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khoảng cách so với trục đường giao thông. Các vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi:

a) Vị trí 1: Các ô, thửa đất có ít nhất một mặt bám theo mặt tiền của các trục đường giao thông, có chiều sâu tính từ mép lộ giới trục đường giao thông hiện tại vào không quá 30m.

b) Vị trí 2: Các ô, thửa đất thỏa mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1 + 150m;
- Các ô, thửa đất bám theo trục phụ có đường rộng $\geq 6m$.

c) Vị trí 3: Các ô, thửa đất thỏa mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp theo vị trí 2 + 250m, bám theo trục phụ của các đường chính có đường rộng $\geq 6m$;
- Các ô, thửa đất ở sau vị trí 1, có đường vào $< 6m$ nhưng $\geq 3,5m$, cách lộ giới đường chính không quá 150m;
- Nhánh của Vị trí 2, có đường vào $> 6m$, vào không quá 100m.

d) Vị trí 4: Các ô, thửa đất thỏa mãn 1 trong các điều kiện sau:

- Các ô, thửa đất ở tiếp sau vị trí 3 có ít nhất một mặt bám theo trục phụ của các đường chính có mặt đường $\geq 6m$;
- Các ô, thửa đất tiếp sau vị trí 1, từ đường chính vào có đường rộng $< 3,5m$ nhưng $> 2m$, cách lộ giới đường chính hiện tại không quá 100m;
- Nhánh của vị trí 2, đường vào $\geq 3,5m$ từ trục phụ vào không quá 100m;

Các vị trí kể trên, thuộc đô thị nếu gần đường, phố nào thì tính theo đường, phố đó.

đ) Vị trí 4A:

- Ở sau vị trí 4, có đường rộng $\geq 3,5m$;
- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng $\geq 3,5m$;
- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;
- Vị trí đất không liền kề vị trí 1 của đường, phố đã có tên trong bảng giá vào không quá 100m, có mặt đường từ 2,0m đến $< 3,5m$.

e) Vị trí 4B:

- Nhánh của vị trí 4A, có đường rộng từ 3,5m trở lên;
- Nhánh của vị trí 3, có đường rộng từ 2m đến 3,5m;
- Nhánh của vị trí 2, vào không quá 100m có mặt đường rộng từ 1,5m đến 2m.

g) Vị trí 4C: Là vị trí không đủ điều kiện như trên.

3. Trường hợp đất ở tại nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì được áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Lương Sơn, Quyết Thắng, Đồng Bầm	500	450	400	350

Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Triu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức	450	400	350	300
---	-----	-----	-----	-----

PHÂN LOẠI ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đất ở tại nông thôn thuộc thành phố Thái Nguyên: Là đất ở tại các xã trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Phân loại đất ở tại nông thôn: Căn cứ vào các yếu tố: khả năng sinh lợi, giá trị sử dụng, vị trí và giá đất thực tế ở địa phương. Tiêu chí phân loại cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $\geq 5m$;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) $\geq 3,0m$;
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào $\geq 2m$;

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $< 5,0m$, nhưng $\geq 4m$;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) $< 3,0m$, nhưng $\geq 2,5m$;
- Cách chợ, trung tâm xã, trường học, khu công nghiệp, quốc lộ, tỉnh lộ không quá 200m, có đường vào $< 2m$;
- Cách chợ, trung tâm xã, quốc lộ, tỉnh lộ qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$;
- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào $\geq 2m$.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $< 4m$ nhưng $\geq 3m$;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) $< 2,5m$ nhưng $\geq 2,0m$;
- Cách đường liên xã, đường liên thôn không quá 200m, có đường vào $< 2m$;
- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3.

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THỊ XÃ SÔNG CÔNG GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
	QUỐC LỘ 3	
A	Trục chính	
1	Từ Km45/H9+50m (Giáp đất Phổ Yên) đến Km46/H3-65m (Đường rẽ Nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	4.500
2	Từ Km46/H3-65m (Đường rẽ Nhà văn hoá Tổ dân phố 1) đến Km46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ)	5.000

3	Từ Km46/H5 (Đường rẽ vào tổng kho cũ) đến Km47+26m (Đường rẽ phía Bắc Tổ dân phố 2A)	5.400
4	Từ Km47+26m (Đường rẽ phía Bắc Tổ dân phố 2A) đến Km47/H2 (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công)	5.000
5	Từ Km47/H4+6m (Giáp đất cửa hàng lương thực Sông Công) đến Km48/H2-20m (Cầu Quyền)	4.500
6	Từ Km48/H2-20m (Cầu Quyền) đến Km48/H6-40m (Cầu Lu)	5.000
7	Từ Km48/H6-40m (Cầu Lu) đến Km49/H9-20m (Cầu Béo) đến Km51/H8+50m (Giáp đất Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên)	4.500
8	Từ Km54/H9-70m (Đối diện cổng nhà xưởng HTX Toàn Diện) đến Km55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành)	3.600
9	Từ Km55/H9-50m (Giáp đất bưu điện Tân Thành) đến Km56/H2 (Giáp đất thành phố Thái Nguyên)	4.000
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Phường Phố Cò	
1	Km46+30m (Đường rẽ vào đồi tên lửa) đến hết đất thị xã Sông Công (Giáp đất xã Đắc Sơn)	1.100
2	Km46/H3+65m (Đường rẽ vào Nhà văn hoá Tổ dân phố 1)	
2.1	Vào 50m	1.150
2.2	Từ sau 50m đến 150m	950
3	Km46/H7 (Đường rẽ vào tổng kho 3 cũ)	
3.1	Vào 100m	1.400
3.2	Từ sau 100m đến 170m	1.200
3.3	Từ sau 170m đến hết các đường quy hoạch mới của khu dân cư tổ dân phố 2B	1.000
4	Km46/H5 (Đường rẽ vào Nhà văn hoá Tổ dân phố 3)	
4.1	Vào 100m	1.200
4.2	Từ sau 100m đến cổng sau chợ Phố Cò	950
4.3	Từ sau 100m đến hết đất đền Thanh Lâm	850
4.4	Từ hết đất đền Thanh Lâm đến hết đất Trường Đảng cũ	900
5	Km46/H5 (Đường rẽ vào tổ dân phố 2B) - Giáp đất UBND phường Phố Cò	
5.1	Vào 180m	1.400
5.2	Từ sau 180m đi tiếp 150m	1.050
6	Km47+20m (Đường rẽ phía nam vào Nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất Nhà văn hoá	1.400
7	Km47+200m (Đường rẽ phía bắc vào Nhà văn hoá tổ dân phố 2A) đến giáp đất Nhà văn hoá	1.250
8	Đường rẽ vào Trường THCS Thắng Lợi đến hết đất Trường Mầm non số 2	1.400
*	Phường Cải Đan	
9	Km47/H5-10m (Đường rẽ Tổ dân phố Ao Ngo) đến 150m	1.150

10	Km47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon) đến kênh N12-10	1.300
11.a	Km47/H8 (Đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Quán) đến 100m	1.150
11.b	Km47/H8+50m (Đường rẽ vào tổ dân phố Nguyên Quán đi tổ dân phố Nguyên Bấy) đến 100m	1.000
12	Km48/H4 (Đường rẽ tổ dân phố Nguyên Bấy)	
12.1	Vào 150m	1.750
12.2	Từ sau 150m đến hết đất Nhà văn hoá	1.500
13	Km48/H6+40m (Đường rẽ vào phân hiệu Trường Dân lập Lương Thế Vinh)	
13.1	Vào 150m	2.500
13.1	Từ sau 150m đến 500m	1.000
14	Km48/H9-15m (Đường rẽ vào chùa Cải Đan) đến 150m	1.200
15	Km48/H7+40m (Đường rẽ nhà ông Canh) đến 100m	1.050
16	Km49-20m (Đường rẽ vào Nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới)	
16.1	Vào đến nhà văn hóa tổ dân phố Phố Mới	1.150
16.2	Từ sau Nhà văn hoá Tổ dân phố Phố Mới đến 100m	950
16.3	Từ sau 100m đến 200m	750
17	Km49/H6+30m (Đường rẽ tổ dân phố Nguyên Giả đến hết đất nhà máy Việt Trung)	1.300
18	Đường rẽ cạnh Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Đại Minh đến hết đất của Nhà máy	1.500
19	Km49/H5 (đường rẽ vào lô 2 sau khu dân cư Khuynh Thạch) đến 100m	950
20	Km49/H7 (Đường Tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Long Tiến) đến 100m	1.050
21	Km50/H1-20m (Đường rẽ tổ dân phố Khuynh Thạch cạnh nhà ông Bộ) đến 100m	1.050
*	Phường Bách Quang	
22	Km50/H1+50m (Đường Dọc Dài - Cầu Gáo - Mỏ Chè)	
22.1	Vào 50m	950
22.2	Từ sau 50m đến 150m	850
22.3	Từ sau 150m đến 250m	750
23	Km50/H3+80m (Đường rẽ Nhà văn hoá Tân Dương - nhánh vào nhà ông Châu)	
23.1	Vào 50m	900
23.2	Từ sau 50m đến 150m	800
23.3	Từ sau 150m đến 300m	700
24	Km50/H4+60m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương cạnh nhà bà Năm)	
24.1	Vào 50m	850
24.2	Từ sau 50m đến 100m	700

25	Km51/H2+20m (Đường đi xóm Măn Chiêm cạnh nhà bà Thìn đến hết khu dân cư quy hoạch mới) vào 100m	900
26	Km51/H3+10m (Đường rẽ khu dân cư Tân Dương 2 - cạnh nhà bà Tuyên)	
26.1	Vào 100m	900
26.2	Từ sau 100m đến 200m	700
*	Xã Tân Quang	
27	Km54/H8+50m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Sơn vào bờ kênh)	
27.1	Vào 50m	750
27.2	Từ sau 50m đến 150m	600
28	Km55+30m (Đường Tân Thành 1 từ nhà ông Muôn vào bờ kênh)	
28.1	Vào 50m	750
28.2	Từ sau 50m đến 150m	600
29	Km55/H1+40m (Đường bê tông Tân Thành 2 cạnh nhà ông Hùng đến hết đường bê tông)	
29.1	Vào 50m	750
29.2	Từ sau 50m đến hết đường bê tông	600
30	Km55/H2+20m (đường bê tông cạnh nhà ông Hưng đến hết đường bê tông)	
30.1	Vào 50m	700
30.2	Từ sau 50m đến hết đường bê tông	600
31	Km55/H4 (Đường Tân Thành 2 từ Quốc lộ 3 vào nhà ông Diễm)	
31.1	Vào 50m	800
31.2	Từ sau 50m đến hết đường bê tông	650
32	Km55/H5+60m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Khanh vào nhà ông Vinh)	
32.1	Vào 50m	800
32.2	Từ sau 50m đến 150m	700
32.3	Từ sau 150m đến 220m	600
33	Km55/H7+80m (Đường Tân Thành 3 từ nhà ông Xuân vào nhà bà Hồng)	
33.1	Vào 50m	800
33.2	Từ sau 50m đến 150m	650
34	Km55/H9+80m (Đường Quốc lộ 3 vào xóm Tân Tiến)	
34.1	Vào 50m	1.750
34.2	Từ sau 50m đến mương thoát nước	1.400
34.3	Từ sau mương thoát nước đến hết đất khu TĐC Tân Tiến	1.200
34.4	Từ hết đất khu TĐC Tân Tiến đến đường gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	750
II	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8	
A	Trục chính	
1	Từ ngã ba Phố Cò đến đường rẽ Xây lắp 3	6.000

2	Từ đường rẽ Xây lắp 3 đến đường rẽ Tổ dân phố Tân Huyện	5.000
3	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon	4.500
4	Từ đường rẽ Tổ dân phố Nguyên Gon đến đường rẽ Trường Tiểu học Phố Cò	4.300
5	Từ đường rẽ Trường Tiểu học Phố Cò đến đường rẽ khu dân cư 3,5 ha	6.000
6	Từ đường rẽ khu dân cư 3,5 ha đến cầu Ghênh	5.500
7	Từ cầu Ghênh đến đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã)	6.000
8	Từ đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (đối diện Đài tượng niệm thị xã) đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Lập	7.000
9	Từ đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập đến tường rào phía nam Bưu điện	9.000
10	Từ tường rào phía nam Bưu điện đến ngã ba Mỏ Chè	11.000
11	Từ ngã ba Mỏ Chè đến tường rào phía nam Trường Hướng nghiệp dạy nghề	15.000
12	Từ tường rào phía nam Trường Hướng nghiệp dạy nghề đến hết đất Ngân hàng chính sách	10.000
13	Từ giáp đất Ngân hàng chính sách đến ngã ba Bãi Đổ	8.000
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ Tổ dân phố 2 (cạnh nhà ông Thêm) đến 100m - Ngõ số 4	2.650
2	Đường rẽ Tổ dân phố 3 (cạnh nhà ông Hoàn) đến 100m - Ngõ số 6	2.450
3	Đường rẽ Tổ dân phố 3 đối diện Ngân hàng chính sách (đường rẽ cạnh nhà Chính Loan) đến 150m - Ngõ số 8	2.550
4	Đường rẽ vào Trường Mầm non tư thục (đường rẽ cạnh nhà bà Bính) đến 100m - Ngõ số 10	2.750
5	Đường rẽ đối diện Trường Hướng nghiệp dạy nghề (Đường rẽ cạnh nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Hưng Vân) – Ngõ số 12	2.750
6	Đường rẽ từ chợ Mỏ Chè đi Trường Tiểu học Mỏ Chè (từ đường Cách mạng tháng Tám đến Trường Tiểu học Mỏ Chè) - Ngõ số 14	
6.1	Từ sau lô 1 đến hết đất khu dân cư quy hoạch tổ 4, 5	3.500
6.2	Các đường phân lô khác thuộc quy hoạch khu dân cư tổ 4, 5 (lô 2)	2.000
6.3	Từ hết đất khu dân cư tổ 4, 5 đến 200m	2.500
6.4	Từ sau 200m giáp Nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp lô 1 đường Gốc Đa	2.200
*	Các đường nhánh quy hoạch mới của đoạn từ Nhà văn hoá An Châu 2 đến giáp đất lô 1 đường Gốc Đa	1.700
7	Ngõ phía bắc Ngân hàng Công thương - Ngõ số 18	4.500
8	Ngõ phía bắc chợ Trung tâm (từ đất nhà ông Thận đến hết đất nhà ông Kỳ) - Ngõ số 7	2.650
9	Đường rẽ đi Nhà văn hoá xóm Đồi đến đường Thanh Niên - Ngõ số 3	2.000
10	Các đường phân khu còn lại của khu tập thể XN xây lắp 3 cũ (Tổ dân phố 4)	1.700
11	Đường rẽ vào khu dân cư tổ dân phố 1 (đường rẽ phía nam Ngân hàng chính sách) đến hết đất nhà văn hóa - Ngõ số 5	2.250

*	Bên phường Thắng Lợi	
12	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Lập - Ngõ số 22	
12.1	Vào 100m	2.250
12.2	Từ sau 100m đến 300m	1.800
13	Đường rẽ vào khu Văn hoá thể thao (Đối diện Đài tưởng niệm thị xã) - Ngõ số 24	
13.1	Vào đến đường rẽ sân vận động	4.000
13.1a	Từ đường rẽ sân vận động đến đường 30-4	3.500
13.2	Từ đường 30 - 4 đi tiếp 300m	2.500
13.3	Từ sau 300m đến Nhà văn hóa Tổ dân phố Du Tán	1.000
13.3a	Đường 30 - 4: Đoạn từ tường rào phía bắc khu Văn hóa thể thao đến ngã ba thứ nhất (hết đất ông Thiện)	2.500
13.3b	Từ ngã ba thứ nhất (hết đất ông Thiện) đến ngã ba thứ hai (đất ông Sinh)	1.000
14	Đường rẽ vào trụ sở Thị ủy, UBND thị xã Sông Công đến khu văn hóa thể thao thị xã	4.000
15	Đường rẽ phía bắc nhà văn hóa Tổ dân phố 12 (Đường vào nhà ông Sinh) - Ngõ số 26	
15.1	Vào 100m	1.350
15.2	Từ sau 100m đến 200m	1.050
16	Đường rẽ vào tổ dân phố 12 (Đối diện Nhà văn hoá Xuân Miếu 2) - Ngõ số 28	
16.1	Vào 100m	1.350
16.2	Từ sau 100m đến 200m	1.050
17	Đường rẽ vào Tổ dân phố 12 (phía bắc) - Ngõ số 30	
17.1	Vào 100m	1.350
17.2	Từ sau 100m đến 200m	1.050
18	Đường rẽ vào khu 3,5 ha - Ngõ số 36	
18.1	Vào 180m	2.700
18.2	Từ sau 180m đến 380m	2.250
18.3a	Từ sau 380m đến cách tường rào phía đông Trường Cao đẳng Việt Đức 40m	1.900
18.3b	Từ sau 380m đến hết đất khu dân cư tổ 13	1.350
19	Đường rẽ tổ dân phố 10 (giáp Thị đội Sông Công) đến hết đất Thị đội Sông Công - Ngõ số 17	1.150
20	Đường rẽ vào xóm Mỏ Chè (Giáp Chi cục thuế cũ) - Ngõ số 9	
20.1	Đến hết đất Bưu điện cũ	3.000
20.2	Từ giáp đất Bưu điện cũ đến đường rẽ cạnh Toà án thị xã (giáp đất lô 1 đường CMT8)	2.500
21	Các đường phân lô theo quy hoạch khu dân cư Tân Lập (tổ 10)	2.750
*	Bên phường Cải Đan	
22	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (đối diện đường vào UBND thị xã) -	

	Ngõ số 21	
22.1	Vào 100m	1.700
22.2	Từ sau 100m đến 250m	1.350
23	Đường rẽ vào Nhà ông Quyền đến 100m - Ngõ 23	1.250
24	Đường rẽ cạnh Nhà văn hoá Xuân Miếu 2 - Ngõ số 25 vào 150m	1.350
25	Đường rẽ vào Nhà văn hoá Xuân Miếu 1 đến hết đất Nhà văn hoá - Ngõ số 27	1.350
26	Đường rẽ tổ dân phố Xuân Miếu 1 (Đường rẽ vào nhà ông Đồng) - Ngõ số 29	
26.1	Vào 100m	1.350
26.2	Sau 100m đến 200m	1.150
27	Đường rẽ cạnh nhà ông Nho Tản (Đối diện đường vào khu 3,5ha) - Ngõ số 31 vào 150m	1.000
28	Đường rẽ cạnh Nhà văn hoá Xuân Thành đến 100m - Ngõ số 39	1.550
29	Đường rẽ vào tổ dân phố Nguyên Gon - Ngõ số 41	
29.1	Vào 100m	1.250
29.2	Từ sau 100m đến 150m	1.150
30	Đường rẽ cạnh nhà ông Thắng đến 100m - Ngõ số 43	1.000
31	Đường bờ mương Núi Cốc vào 150m - Ngõ số 45	900
*	Bên phường Phố Cò	
32	Từ đường rẽ cạnh nhà Hương Tài đến hết đường bê tông - Ngõ số 38	
32.1	Vào 100m	1.450
32.2	Từ sau 100m đến hết đường bê tông	1.000
33	Đường rẽ cạnh Trạm y tế Phường Phố Cò cũ đến hết đất nhà ông Lợi Vượng - Ngõ số 40	
33.1	Vào 100m	1.350
33.2	Từ sau 100m đến nhà ông Lợi	950
34	Đường rẽ tổ dân phố Thanh Xuân 1 đến hết đất Trường Tiểu học Phố Cò - Ngõ số 42	
34.1	Vào 100m	1.550
34.2	Từ sau 100m đến hết đất Trường Tiểu học Phố Cò	1.250
35	Đường rẽ vào trại chăn nuôi Thắng Lợi đến cổng trại- Ngõ số 46	1.150
36	Đường rẽ vào nhà văn hóa Tổ dân phố Thanh Xuân 2 đến hết đất nhà văn hóa - Ngõ số 48	900
37	Đường bờ kênh Núi Cốc- Ngõ số 50	
37.1	Vào 150m	900
37.2	Từ sau 150m đi tiếp 250m	750
38	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện - Ngõ số 52	
38.1	Đường rẽ tổ dân phố Tân Huyện đến mương núi Cốc	1.350
38.2	Từ mương Núi Cốc đến đường rẽ Nhà văn hóa Tân Huyện	800
38.3	Từ đường rẽ Nhà văn hóa Tân Huyện vào 500m	700

39	Đường vào Nhà văn hoá tổ dân phố 4A đến 100m - Ngõ số 54	1.150
40	Đường bê tông đi vào Xí nghiệp 1/5 (Công ty CP kết cấu thép Hà Nội) - Ngõ số 56	
40.1	Từ đường đường cách mạng tháng 8 đến ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3	1.900
40.2	Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến nương núi Cốc	1.250
40.3	Từ nương Núi Cốc đến hết đất Nhà văn hóa tổ dân phố 5	800
41	Từ cổng Xí nghiệp 1/5 (Công ty CP kết cấu thép Hà Nội) đến cổng sau chợ Phố Cò	1.150
42	Từ ngã ba vào Xí nghiệp xây lắp 3 đến hết đất nhà bà Phượng (Tổ dân phố 4A)	1.000
43	Đường rẽ vào Trường THCS Thăng Lợi - Ngõ số 47	
43.1	Vào đến 100m	1.250
43.2	Qua 100m đến Trường Mầm non số 2	1.150
III	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 10	
A	Trục chính	
1	Đoạn từ Cầu vượt Sông Công đến kênh thoát nước An Châu	3.000
2	Từ kênh thoát nước An Châu đến đường rẽ 262	3.500
3	Từ đường rẽ 262 đến đường Thanh Niên	4.250
4	Từ đường Thanh Niên đến đường Quốc lộ 3	3.550
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	<i>Bên phường Lương Châu</i>	
1	Đường rẽ từ Cổng Nhà máy nước đến đường K0	1.350
2	Đường rẽ tường rào phía Tây nhà máy Diesel đến hết tường rào	1.150
3	Đường phía Đông hàng rào nhà máy Diesel đến kênh dẫn nước	1.150
4	Đường vào khu dân cư Ban kiến thiết đến kênh núi Cốc	1.350
*	<i>Bên phường Mỏ Chè</i>	
5	Đường rẽ khu dân cư Làng May - Tổ dân phố 6	
5.1	Vào đến 100m	1.500
5.2	Các đường còn lại của KDC Làng May	900
6	Đường rẽ chợ Bãi Đổ đi Đài tưởng niệm Mỏ Chè đến 200m	2.100
*	<i>Bên phường Bách Quang</i>	
7	Đường Thanh Niên- Ngõ số 25	
7.1	Vào 100m	1.350
7.2	Từ sau 100m đến Nhà văn hoá tổ dân phố Đồi	900
8	Đường rẽ vào nhà văn hóa tổ dân phố Làng Sắn (vào đến nhà văn hóa)	900
9	Đường rẽ tổ dân phố Đồi (phía nam) dọc kênh N12 - 56 - Ngõ số 21	
9.1	Vào 50m	900
9.2	Từ sau 50m đến nhà văn hóa tổ dân phố Đồi	700
10	Đường rẽ tổ dân phố Đồi (phía bắc) dọc kênh N12 - 56 (đi Làng Sắn) - Ngõ số 22	

10.1	Vào 50m	1.150
10.2	Từ sau 50m đến 150m	800
10.3	Từ sau 150m đến 250m	700
11	Đường vào tổ dân phố La Đình về 2 phía (Nam - Bắc) - (Ngõ số 17-18)	
11.1	Vào 50m	1.250
11.2	Sau 50m đến 150m	900
12	Đường vào nhà văn hóa tổ dân phố La Đình (Khu dân cư Tái định cư La Đình) - Ngõ số 15	
12.1	Từ đường CMT10 rẽ vào hết khu dân cư (Trục dọc)	1.550
12.2	Song song với đường CMT10 (Trục ngang)	1.350
13	Đường vào Nhà văn hoá tổ dân phố Cầu Gáo -Ngõ số 7	
13.1	Vào 50m	950
13.2	Từ sau 50m đến 100m	850
13.3	Từ sau 100m đến 300m	700
14	Đường bê tông đi tổ dân phố Cầu Gáo (giáp khu công nghiệp Sông Công 1) - Ngõ số 5	
14.1	Vào 50m	950
14.2	Từ sau 50m đến 100m	850
14.3	Từ sau 100m đến 300m	700
15	Đường vào tổ dân phố Làng Mới (Cạnh nhà ông Sen)	
15.1	Vào 50m	900
15.2	Từ sau 50m đến 150m	800
15.3	Từ sau 150m đến 300m	650
16	Đường vào tổ dân phố Dọc Dài (cạnh Công ty May) - Ngõ số 3	
16.1	Vào 50m	900
16.2	Từ sau 50m đến 100m	850
16.3	Từ sau 100m đến 300m	750
17	Đường Làng Mới - Chương Lương - Quang Minh - Khu Yên	
17.1	Vào 50m	900
17.2	Từ sau 50m đến 100m	850
17.3	Từ sau 100m đến 300m	750
18	Đường rẽ cạnh nhà ông Tráng đi Nhà văn hoá tổ dân phố Chương Lương	
18.1	Vào 50m	900
18.2	Từ sau 50m đến 100m	850
18.3	Từ sau 100m đến 300m	750
18.4	Từ sau 300m đến 500m	600
19	Đường liên xã Bách Quang - Tân Quang	
*	<i>Địa phận Phường Bách Quang:</i>	

19.1	Từ đường CMT10 đến đường rẽ vào UBND phường Bách Quang	3.500
19.2	Từ đường rẽ vào UBND phường Bách Quang đến đường rẽ Trường THCS Bách Quang	2.000
19.3	Từ đường rẽ Trường THCS Bách Quang đến Trạm biến áp Bách Quang 2 (hết đất Tổ dân phố Khu Yên)	1.500
*	Địa phận xã Tân Quang:	
19.4	Từ hết đất Tổ dân phố Khu Yên đến ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên)	1.500
19.5	Từ ngã ba Chùa Đổ (Đình Tân Yên) đến đường Gom cạnh nhà ông Lập Sỹ	900
19.6	Từ nhà ông Lập Sỹ đến cầu Đá Rùa	600
19.7	Từ cầu Đá Rùa đến giáp đất Bãi Rác	500
IV	ĐƯỜNG THẮNG LỢI	
A	Trục chính	
1	Từ ngã ba Mỏ Chè đến hết đất UBND phường Mỏ Chè	10.000
2	Từ hết đất UBND phường Mỏ Chè đến đường rẽ Tổ dân phố An Châu	6.000
3	Từ đường rẽ tổ dân phố An Châu đến hết đất nhà tầng số 8	5.000
4	Từ giáp đất nhà tầng số 8 đến đường rẽ Công ty cổ phần Mêinfra	5.550
5	Từ đường rẽ Công ty cổ phần Mêinfra đến ngã ba đường rẽ K0	3.350
6	Từ ngã ba đường rẽ K0 đến đầu cầu treo Sông Công	2.000
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Thắng Lợi	
1	Đường rẽ từ ngã ba Mỏ Chè vào Trường THPT Lý Tự Trọng - Ngõ số 20	
1.1	Vào 150m	2.450
1.2	Từ sau 150m đến hết đất Nhà văn hoá khối phố 3 cũ	2.000
1.3	Từ giáp đất Nhà văn hoá khối phố 3 cũ đến giáp đường rẽ phía đông Trường THPT Lý Tự Trọng đi bến Vượng	2.100
1.4	Từ ngã ba (đường rẽ đối diện nhà ông Đình) đến đường rẽ vào khu Văn hóa Thể thao	1.450
2	Đường rẽ vào tổ dân phố 8, 9 đến đường đi Nhà văn hóa Khối phố 3 cũ - Ngõ số 5	1.700
3	Đường rẽ cạnh Trường THPT đi bến Vượng - Ngõ số 7	
3.1	Từ sau lô 1 đến ngã ba (cạnh nhà ông Long)	2.250
3.2a	Từ ngã ba (cạnh nhà ông Long) rẽ đi Tổ dân phố bến Vượng đến hết đất nhà ông Trung Phúc	1.700
3.3a	Từ hết đất nhà ông Trung Phúc đến phía đông Đập Vai Xanh	1.150
3.2b	Từ ngã ba (cạnh nhà ông Long) rẽ đi Tổ dân phố Du Tán vào đến hết đất nhà ông Trung Thêu	1.350
3.3b	Từ giáp đất nhà ông Trung Thêu đến Ngã ba đường đi Nhà văn hóa Tổ dân phố Du Tán	1.000
4	Đường rẽ khu dân cư đồi Yên ngựa (phía đông trụ sở phường Thắng Lợi cũ) - Ngõ số 15	
4.1	Vào đến 200m	2.250

5	Đường rẽ cạnh Trụ sở Công An phường Thắng Lợi (Đường vào Nhà văn hoá tổ dân phố 4) - Ngõ số 17	
5.1	Vào 100m	2.250
5.2	Từ sau 100m đến 200m	1.700
5.3	Từ sau 200m đến hết đường bê tông	1.350
6	Đường rẽ phía Tây chợ phường Thắng Lợi - Ngõ số 25	
6.1	Vào đến hết chợ Thắng Lợi	3.350
6.2	Từ sau chợ Thắng Lợi rẽ về 2 đường nhánh đến 100m	2.450
7	Đường rẽ phía tây của nhà văn hóa khối phố 1 cũ vào 100m - Ngõ số 27	1.450
8	Đường rẽ phía Đông chợ Thắng Lợi (cạnh nhà Mai Minh) vào 100m	2.500
9	Đường rẽ vào tổ dân phố Vượng - Ngõ số 35	
9.1	Vào 100m	2.250
9.2	Từ sau 100m đến 300m	1.700
10	Đường đi núi Tảo vào đến 200m - Ngõ số 43	1.500
11	Đường rẽ vào ngõ số 45, vào 100m	1.300
12	Đường rẽ vào ngõ số 49, vào 100m	1.200
*	Bên phường Mỏ Chè	
13	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 1 đến 100m (Cạnh nhà ông Hòa Huấn) - Ngõ số 10	1.350
14	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 2 đến 150m (Cạnh nhà bà Bích) - Ngõ số 12	1.350
15	Đường rẽ vào tổ dân phố An Châu nhánh 3 đến 200m (Cạnh nhà ông Lâm) - Ngõ số 14	1.350
16	Đường gốc đa (từ đường Thắng Lợi đến giáp lô 1 đường CMT10) - Ngõ số 16	2.000
17	Đường rẽ tổ dân phố 7 (Từ đường rẽ nhà ông Hào đến hết đất nhà bà Biên Ước) - Ngõ số 18	1.700
18	Đường rẽ vào Trường Mầm non số 1 đến hết đất Trường Mầm non số 1 - Ngõ số 20	1.700
19	Đường rẽ phía tây nhà tầng số 8 đến 200m - Ngõ số 22	1.700
20	Đường rẽ theo tường rào phía tây Công ty MANI - Ngõ số 28	
20.1	Vào 100m	1.550
20.2	Từ sau 100m đến 200m	1.250
V	ĐƯỜNG 3/2 (TOÀN TUYẾN)	
A	Trục chính - toàn tuyến	4.250
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
1	Đường rẽ phía bắc nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	1.350
2	Đường rẽ phía nam nhà tầng 3B tổ dân phố 8 đến 100m	1.450
3	Đường rẽ phía nam nhà ông Thắng (Thanh) đến 100m	1.250
4	Đường rẽ cạnh nhà ông Lưu (Tăng) đến 100m	1.150
VI	ĐƯỜNG K0	
A	Trục chính	

1	Từ đường Thắng Lợi đến đường CMT10	2.000
2	Từ đường CMT10 đến giáp đất Bá Xuyên	1.600
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
	Bên phường Mỏ Chè	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 1 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Đắc) đến 130m	1.000
2	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 2 (Đường rẽ phía Nam nhà ông Ngô Trí Nguyễn) đến 60m	1.000
3	Đường rẽ vào tổ dân phố 10 nhánh 3 (Đường rẽ phía Nam nhà bà Lý Khôi) đến 130m	1.000
4	Đường đi bến Bùn đến bờ sông	1.000
VII	ĐƯỜNG 262 ĐI THỊNH ĐỨC	
A	Trục chính:	
1	Từ Km11/H2 + 35 (Chợ Gốc tre) đến hết đất UBND phường Lương Châu	2.750
2	Từ hết đất UBND phường Lương Châu đến Km8 + H9 (Cầu Khoang)	1.700
3	Từ Km8 + H9 (Cầu Khoang) đến Km9 + 90 (Kênh N12 -56)	1.300
4	Từ Km8 + H9 (kênh N12-56) đến Km7 + 400 (cầu La Giang)	1.000
5	Từ Km7 + 400 (Cầu La Giang) đến Km5 + H5 (giáp đất Thịnh Đức)	800
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Phường Lương Châu	
1.1	Trạm y tế phường Lương Châu đến ngã tư Tổ dân phố 4	1.150
1.2	Từ ngã tư Tổ dân phố 4 đến giáp đất Trung tâm Văn hoá phường Lương Châu	1.000
1.3	Từ Trung tâm Văn hoá phường vào 300m (giáp đất nhà ông Tuấn)	900
1.4	Từ sau 300m (giáp đất nhà ông Tuấn) đến cầu Đắp	800
1.5	Từ cầu Đắp đến đường K0	750
2	Đường vào đồi Giếng Rán đến hết đất nhà bà Thu Thi	900
3	Đường rẽ vào tổ dân phố 3 đến đất khu Ao Đàm	
3.1	Vào 100m	700
3.2	Từ sau 100m đến đất khu Ao Đàm	600
*	Xã Bá Xuyên	
4	Km9/H5 + 30 (Đi La Cảnh 1)	
4.1	Vào 100m	550
4.2	Sau 100m đến 560m (Ngã ba Ngàn Mây)	500
5	Km9/H2 + 70 (Đi xóm Chùa) vào 100m	550
6	Km9/H2 + 60 (Đi xóm Đờ, đi La Đàng) vào 100m	550
7	Km8 + H7/30 (Đi Na Chùa)	
7.1	Vào 200m	550
7.2	Từ sau 200m đến Nhà văn hoá Na Chùa	500
8	Km6/H1 + 50 (Đi xóm Chũng Na -Nhà văn hoá)	

8.1	Vào 300m	500
8.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	450
9	Km6 + 00 (Đi Ao Cang) (từ nhà ông Bể đến nhà ông Đức) vào 100m	500
10	Km7/H6 + 40 (Đi xóm La Giang) vào 100m	500
11	Km6/H3 + 10 qua Nghiêm đi Lý Nhân vào 100m	400
12	Km9/H5 + 30 (Xứ Đào đi xóm Chùa) (Đường Bầu)	
12.1	Vào 200m	550
12.2	Từ sau 200m đến hết đường bê tông	500
13	Km9 + 90 (Đường rẽ phía nam xóm Bãi Hát)	
13.1	Vào 200m	600
13.2	Từ sau 200m đến Nhà văn hoá xóm Bãi Hát	550
14	Km8/H3 + 50 (Đường rẽ phía bắc đi xóm Bãi Hát)	
14.1	Vào 200m	550
14.2	Từ sau 200m đến Nhà văn hoá	500
15	Đường Thịnh Đức đi Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền núi (từ hết đất thành phố Thái Nguyên đến đập tràn)	600
VIII	ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (ĐƯỜNG QL3 ĐI 209)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến qua Ngã tư Xuân Thành 100m	6.000
2	Qua ngã tư Xuân Thành 100m đến đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Mới	4.200
3	Từ đường rẽ vào Tổ dân phố Tân Mới đến cổng Trung đoàn 209	4.450
4	Từ cổng Trung đoàn 209 mới đến cầu Thống Nhất (đường đất)	1.700
5	Từ cầu Thống Nhất đến đường rẽ Trung tâm sát hạch lái xe của Trường Cao đẳng Việt Đức (đường đất)	1.200
6	Từ đường rẽ Trung tâm sát hạch lái xe của Trường Cao đẳng Việt Đức đến bờ sông (đường đất)	1.150
B	Trục phụ - Được tính từ sau lô 1	
*	Bên phường Phố Cò	
1	Đường rẽ vào tổ dân phố Tân Mới - Ngõ số 15	
1.1	Từ đường rẽ tổ dân phố Tân Mới đến ngã ba đầu tiên	1.500
1.1a	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông Bình	1.000
1.1b	Từ ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông Ngừ	1.100
1.1c	Từ hết đất nhà ông Ngừ đến đường rẽ Tiểu đoàn 9 - E 209	900
1.2	Đường chia lô (lô 2, lô 3) - KDC cổng Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	2.700
2	Đường rẽ vào tổ dân phố Thành Ưng, vào 250m	750
3	Đường rẽ vào Trung tâm sát hạch lái xe Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, vào 250m	700
*	Bên phường Cải Đan	
4	Đường rẽ vào tổ dân phố Xuân Gáo đến hết khu dân cư mới (gần Trường Tiểu học Cải Đan) - Ngõ số 4	2.250

5	Đường rẽ vào tổ dân phố Xuân Gáo vào khu ông Măng 50m - Ngõ số 6	1.250
6	Đường rẽ tổ dân phố Nguyên Gon - Ngõ số 1	
6.1	Vào đến hết KDC quy hoạch	3.500
6.1a	Đường phân lô khu B đường Thống Nhất	3.000
6.2	Từ hết KDC quy hoạch vào đến kênh Núi Cốc	2.000
7	Đường rẽ cạnh Ngân hàng Đầu tư - Ngõ số 9 vào 80m	4.000
7.1	Đường phân lô khu A đường Thống Nhất	3.500
*	Bên phường Thắng Lợi	
8	Đường rẽ vào tổ dân phố Hợp Thành vào 100m - Ngõ số 14	1.700
9	Đường rẽ vào Trường Mầm non Việt Đức, vào 200m	2.000
10	Đường rẽ phía đông Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đến giáp đất ông Hòa - Ngõ số 18	3.000
11	Đường rẽ phía tây Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức vào 150m - Ngõ số 20	1.700
12	Đường rẽ vào tổ dân phố Ứng (cạnh nhà ông Ca) - Ngõ số 22	
12.1	Vào 70m	1.700
12.2	Từ sau 70m đến 200m	1.150
12.3	Từ sau 200m đến giáp đất nhà ông Sinh	900
13	Đường rẽ (Cạnh nhà ông Vụ) đi tổ dân phố Bến Vượng đến Cầu Ứng	800
14	Đường rẽ phía Đông Nhà văn hóa tổ dân phố Kè, vào 300m	750
IX	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ VINH SƠN	
1	Đường trung tâm xã Vinh Sơn đi cầu treo Sông Công	
1.1	Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	800
1.2	Từ cách ngã tư 100m đến 250m	650
1.3	Từ cách ngã tư 250m đến cầu treo Sông Công	550
2	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi xã Bình Sơn	
2.1	Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến hết núi Măn	1.500
2.2	Từ hết núi Măn đến đường rẽ Nhà văn hoá Bờ Lờ	1.000
2.3	Từ đường rẽ Nhà văn hoá Bờ Lờ đến giáp đất xã Bình Sơn	850
3	Đường trung tâm UBND xã Vinh Sơn đi hồ Núc Nác	
3.1	Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 100m	1.000
3.2	Từ cách ngã tư 100m đến 150m	850
3.3	Từ cách ngã tư 150m đến cầu Tân Sơn	700
4	Trục đường Vinh Sơn - Thu Quang - Minh Đức	
4.1	Từ ngã tư trung tâm xã Vinh Sơn đến 150m	1.100
4.2	Từ 150m đi tiếp 250m	900
5	Đường từ cầu cứng đến Ngã 3 núi Măn	2.000
X	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CỦA XÃ BÌNH SƠN	

1	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi UBND xã Vinh Sơn	
1.1	Từ cổng UBND xã Bình Sơn + 200m	1.700
1.2	Từ sau 200m đến 300m	1.350
1.3	Từ sau 300m đến 400m	1.150
1.4	Từ sau 400m đến giáp đất xã Vinh Sơn	800
2	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Ghềnh Chè, Linh Sơn	
2.1	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến 200m	1.700
2.2	Từ cách cổng UBND xã Bình Sơn 200m đi về phía Linh Sơn đến hết KDC quy hoạch	1.350
2.3	Các đường nhánh trong KDC quy hoạch	1.250
2.4	Từ hết KDC quy hoạch đi đến hết đất nhà văn hóa xóm Bá Vân 5	900
2.5	Từ nhà văn hóa Bá Vân 5 đi tiếp đến giáp đất xã Phúc Thuận - Phổ Yên	600
2.6	Đường đi Kim Long- đoạn ngã 3 rẽ Linh Sơn 1 đến hết Linh Sơn 1	450
2.7	Từ cách cổng UBND xã Bình Sơn 200m đi về phía Ghềnh Chè 200m	1.350
2.8	Từ sau 200m tiếp theo đến đường bê tông rẽ xóm Bá Vân 1	800
2.9	Từ đường bê tông rẽ xóm Bá Vân 1 đến cách ngã ba Bá Vân 2 100m	600
2.10	Từ ngã ba Bá Vân 2 đi về các phía 100m	800
2.11	Từ cách ngã ba Bá Vân 2 - 100m đi đến Ghềnh Chè	600
3	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đi Trung tâm Nghiên cứu phát triển chăn nuôi miền núi	
3.1	Từ cổng UBND xã Bình Sơn đến cổng chợ cũ	1.700
3.2	Từ cổng chợ cũ đến ngã 3 Cầu treo Bá Vân	1.350
3.3	Từ ngã ba cầu treo Bá Vân đi hướng ngầm đến giáp đất Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi	800

II. Trường hợp đất ở nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định giá chi tiết trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Tân Quang, Bá Xuyên, Vinh Sơn	350	320	290	260
Xã: Bình Sơn	290	260	230	230

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1 điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 03

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHỔ YÊN GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

I. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ SỐ 3: (HÀ NỘI - THÁI NGUYÊN)	
I	Trục chính	
1	Từ đầu cầu Đa Phúc đến đường bê tông vào xóm Thượng, Thuận Thành (Km33 + 400 - Km35 + 475)	5.500
2	Từ đường bê tông vào xóm Thượng, Thuận Thành đến cách đường rẽ vào UBND xã Trung Thành 150m (Km35 + 475 - Km37 + 270)	4.500
3	Từ cách đường rẽ vào UBND xã Trung Thành 150m đến giáp đất nhà ông Luân lớp (Km37 + 270 – Km37 + 957)	5.000
4	Từ đất thổ cư nhà ông Luân lớp đến giáp đất Nam Tiến (Km37 + 957 - Km40 + 240)	5.500
5	Từ đất Nam Tiến đến đường rẽ vào Trung tâm Chính trị (Km40 + 240 - Km41 + 486)	6.000
6	Từ đường rẽ vào Trung tâm Chính trị đến giáp đất thị trấn Ba Hàng (Km41 + 486 - Km42 + 268)	6.500
7	Từ đất thị trấn Ba Hàng đến đường rẽ vào Viện 91 (Km42 + 268 - Km42 + 700)	9.500
8	Từ đường rẽ vào Viện 91 đến đường rẽ trường Tiểu học Ba Hàng (Km42 + 700 - Km42 + 845)	12.500
9	Từ đường rẽ trường TH Ba Hàng đến đường rẽ vào trường Đỗ Cận (Km42 + 845 - Km43 + 45)	15.000
10	Từ đường rẽ vào trường Đỗ Cận đến đoạn cách Ngã tư Ba Hàng 100m (Km43 + 45 - Km43 + 350)	13.000
11	Ngã tư Ba Hàng + 100m về hai hướng HN - TN (Km43 + 350 - Km43 + 550)	11.000
12	Từ cách Nhã tư 100m đến đường rẽ chợ Ba Hàng cũ (Km43 + 550 - Km43 + 705)	9.500
13	Từ đường rẽ chợ Ba Hàng cũ đến hết đất thị trấn Ba Hàng (Km43 + 705 - Km44 + 208)	8.000
14	Từ giáp đất thị trấn Ba Hàng đến đường rẽ Xí nghiệp xi măng Đồng Tiến (Km44 + 208 - Km44 + 982)	6.000
15	Từ đường rẽ Xí nghiệp xi măng Đồng Tiến đến giáp đất Sông Công (Km44 + 982 - Km45 + 950)	5.000
16	Từ nhà bà Bình đến giáp đất nhà máy cám Trư Đại (Km47 - Km47 + 250)	5.500
17	Từ giáp đất Sông Công đến giáp đất thành phố Thái Nguyên (Km50 - Km51 + 230)	5.000
II	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến giáp đất Phú Bình	3.000
2	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Thư xóm Giếng xã Hồng Tiến	

2.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	1.600
2.2	Từ đường sắt đến nhà ông Thư	1.200
2.3	Từ nhà ông Thư đến đường Tỉnh lộ 266	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Hiệp Đồng xã Hồng Tiến (Vào 500m)	1.200
4	Từ Quốc lộ 3 đến đò Tên lửa xóm Đài xã Đắc Sơn	800
5	Từ Quốc lộ 3 qua trạm điện đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến	1.400
6	Từ Quốc lộ 3 đến nhà văn hoá xóm Đông Sinh xã Hồng Tiến (Đoạn đi qua xóm Đông Sinh)	1.300
6.1	Nhà văn hóa xóm Đông Sinh đi xóm Chùa (Nhà văn hóa + 1km)	800
7	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà văn hoá xóm Ấm xã Hồng Tiến	1.500
8	Từ Quốc lộ 3 đến cổng trào trong xóm Đài xã Đắc Sơn	1.700
9	Từ Quốc lộ 3 đến cổng xí nghiệp Xi măng Đồng Tiến	2.000
10	Từ Quốc lộ 3 qua xóm Quán Vã đến kênh Núi Cốc	700
11	Từ Quốc lộ 3 sau VT1, 2 nhánh xóm Thành Lập đến kho thuốc sâu cũ khu Quán Vã	600
12	Từ Quốc lộ 3 sau VT1 đến Nhà văn hóa Tiểu khu 2 + 50m	2.000
13	Từ Quốc lộ 3 (Cạnh nhà ông Thích thôn Thành Lập) đến đường 261 đi Phú Bình	
13.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Nhà văn hoá thôn Thành Lập	3.000
13.2	Từ giáp đất Nhà văn hoá thôn Thành Lập đến đường 261 đi Phú Bình (cổng nhà ông Vạn)	2.000
14	Từ Quốc lộ 3 (Đường rẽ chợ cũ) đến giáp đất Đồng Tiến (Nhà ông Kiên tiểu khu 3)	
14.1	Từ Quốc lộ 3 (Đường rẽ chợ cũ) đến ngã 3 (nhà ông Lưu)	3.500
14.2	Từ ngã 3 (nhà ông Lưu) đến giáp đất Đồng Tiến (nhà ông Kiên tiểu khu 3)	2.500
15	Từ Quốc lộ 3 đi trường Mầm non Sơn Ca đến hết đất nhà bà Bình (Tiểu khu 4)	3.500
16	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm Y tế huyện	6.000
17	Từ Quốc lộ 3 qua cổng trường THCS Đỗ Cận đến đường Ba Hàng – Tiên Phong	6.000
18	Từ Quốc lộ 3 đến cổng trường Tiểu học Ba Hàng	6.000
19	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính Bệnh viện Quân Y 91	
19.1	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc + 100m	6.500
19.2	Từ bờ kênh Núi Cốc + 100m đến cổng Bệnh viện Quân Y 91	5.000
19.3	Từ nhà hàng 91 đi qua nhà ông Tâm sản xuất gạch đến giáp địa phận xã Nam Tiến	2.000
20	Từ Quốc lộ 3 đi thôn Kim Thái (Vào 200m)	4.500

21	Từ Quốc lộ 3 đi nút giao Yên Bình	
21.1	Từ Quốc lộ 3 vào 150m	4.000
21.2	Từ Quốc lộ 3 + 150m đến nút giao Yên Bình	3.000
22	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm Chính trị huyện Phở Yên	2.000
23	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính UBND xã Nam Tiến + 100m	
23.1	Từ Quốc lộ 3 đến kênh Núi Cốc	2.500
23.2	Từ kênh núi cốc đến cổng chính UBND xã Nam Tiến + 100m	2.000
24	Từ Quốc lộ 3 đến trường Tiểu học 1 Nam Tiến	2.000
25	Từ Quốc lộ 3 đi UBND xã Tân Hương	
25.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất thổ cư nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương	3.000
25.2	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Lợi Thuận xã Tân Hương đến đường sắt	2.500
25.3	Từ đường sắt đến hết đất trạm xá xã Tân Hương	2.300
25.4	Từ giáp đất Trạm xá xã Tân Hương đến cổng UBND xã Tân Hương + 100m đi về 2 tuyến	2.600
25.5	Từ thổ cư ông Phúc (xóm Tân Long 3) đến hết đất ông Hào (xóm Đông)	1.000
26	Nhánh của trục phụ Quốc lộ 3 đi UBND xã Tân Hương	
26.1	Từ Trạm xá xã đến cổng trường cấp I, II xã Tân Hương	1.200
26.2	Từ cổng UBND xã + 100m đến thổ cư ông Việt (xóm Hương Đình 2)	800
26.3	Từ thổ cư ông Phúc (xóm Tân Long 3) đến thổ cư ông Cường (xóm Tân Trung)	1.600
26.4	Từ thổ cư ông Cường (xóm Tân Trung) đi Cẩm Na đến giáp đất xã Đông Cao	800
27	Từ Quốc lộ 3 đến nhà ông Đại	1.200
28	Từ nhà ông Đại đến cầu treo Bến Vạn + 100m	800
29	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chính K602	2.500
30	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Sơn	
30.1	Từ Quốc lộ 3 đến bờ kênh Núi Cốc	2.500
30.2	Từ bờ kênh Núi Cốc đến Cầu Sơn	1.500
31	Từ Quốc lộ 3 qua UBND xã Đông Cao đến đê Chã	
31.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt	3.500
31.2	Từ đường sắt đến chân đê Chã	2.500
32	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà văn hóa thôn Thanh Hoa xã Trung Thành	2.000
33	Nhánh trục phụ từ Quốc lộ 3 đến đê Chã	
33.1	Từ đường sắt qua cổng trường Xây lắp điện cũ đến hết đất Trung Thành	

-	Từ đường sắt đến Bãi sỏi	1.200
-	Từ Bãi sỏi đến giáp đất Tân Phú	1.600
33.2	Từ Trạm xá xã Đông Cao đến giáp đất xã Tân Hương	1.000
34	Từ Quốc lộ 3 (đường rẽ xóm Cẩm Trà) đến kênh Núi Cốc	1.000
35	Từ Quốc lộ 3 đến chân đê Tứ Thịnh	
35.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng chợ Thanh Xuyên + 50m	3.000
35.2	Từ cổng chợ Thanh Xuyên + 50m đến + 200m	2.500
35.3	Từ cổng chợ Thanh Xuyên + 250m đến chân đê Tứ Thịnh	1.500
36	Từ Quốc lộ 3 (Công ty Sữa) đến cống Táo	
36.1	Từ Quốc lộ 3 đến đường sắt Hà Thái	2.000
36.2	Từ đường sắt Hà Thái đến cống Táo	1.000
37	Từ Quốc lộ 3 đến cống Sư đoàn 312	3.000
38	Từ Quốc lộ 3 đi đền Đồng Thụ đến đê Chã	800
39	Từ Quốc lộ 3 (Núi Sáo) đến Đường Ngâm	2.000
40	Từ Quốc lộ 3 đoạn qua UBND xã Thuận Thành cũ đến cống Táo	
40.1	Từ Quốc lộ 3 đến cống UBND xã Thuận Thành cũ	1.900
40.2	Từ cống UBND xã Thuận Thành đến đường sắt Hà Thái	1.600
40.3	Từ đường sắt Hà Thái đến cống Táo Thuận Thành	800
B	CÁC TUYẾN TỈNH LỘ	
I	Đường Tỉnh lộ Phổ Yên đi Phú Bình (ĐT261)	
	Trục chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến ngã 3 Xe Trâu	5.500
2	Từ ngã 3 Xe Trâu đến đường sắt	4.500
3	Từ đường sắt đến hết chợ Hồng Tiến	5.000
4	Từ giáp đất chợ Hồng Tiến đến hết đất ở nhà ông Tiêu	4.000
5	Từ giáp đất ở nhà ông Tiêu đến cầu Rẽo	3.500
6	Từ cầu Rẽo đến đường rẽ cống Thượng	3.000
7	Từ đường rẽ cống Thượng đến kênh giữa Núi Cốc	1.500
8	Từ kênh giữa Núi Cốc đến giáp đất Phú Bình	800
	Trục phụ	
1	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu đến nhà ông Trung Trạm	
1.1	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu + 120m	5.000
1.2	Từ ngã 3 dốc Xe Trâu + 120m đến ngã 3 (nhà ông Trung Trạm)	4.500
2	Từ ngã 3 Vòng Bi đến cống nhà máy Vòng Bi	3.000

3	Từ đường 261 (nhà ông Luật Hậu) đi xóm Đồng Quang đến đầu cầu Đồng Tâm	800
II	Đường 261 đi Phúc Thuận Đại Từ	
	Trục chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất thị trấn Ba Hàng	6.000
2	Từ giáp đất Thị trấn Ba Hàng đến hết đất Khu dân cư VIF	5.000
3	Từ hết đất Khu dân cư VIF đến cầu Trâu II	4.000
4	Từ cầu Trâu II đến cách ngã 3 Giếng Đồn + 100m	2.500
5	Từ cách ngã 3 Giếng Đồn + 100m đến cầu Đăm	1.700
6	Từ cầu Đăm đến giáp đất Minh Đức	900
7	Từ đất Minh Đức đến cách cổng UBND xã Minh Đức 150m	800
8	Từ cổng UBND xã Minh Đức + 150m về 2 phía	1.700
9	Từ cổng UBND xã Minh Đức + 150m đến hết địa phận xã Minh Đức	1.200
10	Từ địa phận xã Minh Đức đến hết Hạt giao thông số 5	1.300
11	Từ Hạt giao thông số 5 đến cách cổng chính chợ Bắc Sơn 50m	2.600
12	Cổng chính chợ Bắc Sơn + 50m về hai phía (Đường 261)	3.500
13	Từ cách cổng chính chợ Bắc Sơn 50m đến đường rẽ UBND thị trấn Bắc Sơn + 300m đi Phúc Thuận	2.500
14	Cách đường rẽ UBND thị trấn Bắc sơn 300m đến cách cổng chợ Phúc Thuận 50m	2.000
15	Cổng chợ Phúc Thuận + 50m về 2 phía	2.000
16	Từ cách cổng chợ Phúc Thuận 50m đến cây đa Bến Đông + 200m	1.500
17	Cách cây đa Bến Đông + 200m đến cầu số 1	1.000
18	Từ cầu số 1 đến hết đất Phúc Thuận giáp đất Đại Từ	700
	Trục phụ	
1	Từ đường 261 (nhà ông Vy) qua Nhà văn hoá thôn Yên Ninh đến kênh Núi Cốc	1.200
2	Từ đường 261 (nhà ông Uyển Cần) đến ngã 3 (nhà ông Lưu Tiểu khu 3)	1.600
3	Nhánh rẽ cạnh nhà ông Kiên đến kênh mương Núi Cốc	800
4	Từ đường 261 (Cạnh nhà ông Bình) đến ngã 3 (nhà ông Luyến Tiểu khu 3)	1.500
5	Từ đường 261 (Cạnh nhà ông Dân thôn Yên Ninh) qua thôn Yên Ninh đến gặp đường nhựa đi Bệnh viện Quân Y 91	1.500
6	Từ đường 261 đến cổng chính Bệnh viện Quân y 91 (đi qua cổng phụ Bệnh viện 91)	600
7	Từ đường 261 đến hồ Suối Lạnh	
7.1	Từ đường 261 + 100m	1.500

7.2	Qua 100m đến cầu Nhái	1.000
7.3	Từ cầu Nhái đến hết đất thổ cư nhà ông Phúc xóm Thượng Vụ	700
7.4	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Phúc xóm Thượng Vụ đến cầu Lai xã Thành Công	800
7.5	Từ cầu Lai đến cách ngã 3 chợ Long Thành 50m	1.500
7.6	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m về 3 phía	2.000
7.7	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến Gò Tròn	1.500
7.8	Từ Gò Tròn đến Gò Đồn	1.000
7.9	Từ Gò Đồn đến cách chân đập hồ Suối Lạnh 300m	800
7.10	Cách chân đập hồ Suối Lạnh 300m đến chân đập	1.000
8	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi xóm Nhe xã Thành Công	
8.1	Từ Trung tâm Thương nghiệp đi xóm 3 thị trấn Bắc Sơn (Vào 500m)	2.000
8.2	Từ Trung tâm Thương nghiệp + 500m đến đập tràn Bến Cao	600
8.3	Từ qua đập tràn Bến Cao đến thổ cư nhà ông Hoàng Văn Công xóm Nhe xã Thành Công	450
9	Từ Trung tâm Thương nghiệp đến cổng trường THPT Bắc Sơn	2.000
10	Từ ngã 3 UBND thị trấn Bắc Sơn đến trạm biến thế Công ty Chè Bắc Sơn	1.200
11	Từ ngã 3 chợ Phúc Thuận đi Quân Cay (Vào 200m)	700
12	Từ Ngã 3 chợ Phúc Thuận đi xóm Chăng (Vào 200m)	700
13	Từ đường rẽ đi Phúc Tân đến đập tràn	500
14	Từ đập tràn đến hết đất trường Tiểu Học 2 Phúc Thuận	450
15	Từ ngã tư Đức Phú đi đập tràn Trung Năng (đường đi Thái Nguyên)	500
16	Từ đập tràn Trung Năng đi ngã tư xóm 6 xã Phúc Thuận	450
	Các nhánh của trục phụ từ Giếng Đồn đến hồ Suối Lạnh	
1	Từ ngã 3 Bến Nhái đi xã Vạn Phái	
1.1	Từ ngã 3 Bến Nhái đến cách UBND xã Vạn Phái 200m	600
1.2	Từ Trung tâm UBND xã Vạn Phái + 200m về các phía	1.000
2	Từ ngã 3 nhà ông Quang Chiến đến cổng trường Tiểu học 2 xã Thành Công	700
3	Từ ngã 3 Gò Đồn đến cách ngã 3 làng Đanh + 50m	500
4	Từ cổng làng Đanh + 50m về 2 phía	700
5	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến đỉnh đèo Nhe (hết địa phận xã Thành Công)	
5.1	Từ ngã 3 chợ Long Thành + 50m đến cổng trường THCS xã Thành Công	1.500
5.2	Từ cổng trường THCS Thành Công đến hết đất thổ cư nhà ông Toàn xóm Xuân Dương	800

5.3	Từ nhà ông Toàn xóm Xuân Dương đến đỉnh đèo Nhe (hết địa phận xã Thành Công)	450
6	Đoạn từ giáp đất Bắc Sơn – Sóc Sơn – Hà Nội đi qua nhà máy gạch Hồng Trang đến hết đất thổ cư nhà ông Lưu Văn Hai xóm Ao Sen xã Thành Công	450
III	Từ Quốc lộ 3 đi Tiên Phong	
	Trục chính	
1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đường sắt	8.000
2	Từ đường sắt đến cách đường Quốc lộ 3 mới 100m	6.000
3	Từ ngã 3 kho dự trữ C203 đến ngã 3 Cao Vương	
3.1	Từ ngã 3 kho dự trữ C203 + 200m	4.500
3.2	Từ ngã 3 kho dự trữ C203 + 200m đến hết khu Tái định cư Thanh Xuân	3.000
3.3	Từ hết khu Tái định cư Thanh Xuân đến ngã 3 Cao Vương	2.500
4	Từ ngã 3 Cao Vương đến giáp đất Tiên Phong	2.000
5	Từ cầu Tiên Phong đến hết đất thổ cư nhà ông Hà Trọng Đại	1.200
6	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Hà Trọng Đại qua chợ Cầu Gồ đến hết đất thổ cư nhà ông Đào Văn Tiến	1.500
7	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Đào Văn Tiến đến ngã tư Nguyễn Hậu + 100m	1.000
8	Từ ngã tư Nguyễn Hậu + 100m đến bến đò Thù Lâm	800
	Trục phụ	
1	Từ đường đi Tiên Phong (giáp đất ông Thoại) đến đường nhựa đi vào nhà máy Z131	
1.1	Từ đường đi Tiên Phong (giáp đất ông Thoại) đến nhà ông Bằng thôn Đại Phong	2.400
1.2	Từ nhà ông Bằng (thôn Đại Phong) qua thôn Đại Phong đến đường nhựa đi vào nhà máy Z131	2.000
2	Từ đường đi Tiên Phong (cạnh nhà Ngân Dân) đến nhà Hợp Xuân	5.000
3	Nhánh từ ngã 3 cổng nhà bà Vân (thôn Kim Thái) đến hết đất nhà bà Sơn (thôn Kim Thái)	3.200
4	Từ đường đi Tiên Phong đến sau ga Phổ Yên (nhà ông Thắng thuê)	4.500
5	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Đính Màu) đến nhà khách Z131	
5.1	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Đính Màu) đến cổng chính Z131	5.000
5.2	Từ cổng chính Z131 đến nhà khách Z131	3.500
6	Từ đường đi Tiên Phong (nhà ông Cường Chanh) đến cổng trường Tiểu học Đồng Tiến	4.000

7	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 C203) đến cổng xưởng vật liệu nổ Z131	
7.1	Từ ngã 3 C203 vào 100m	3.500
7.2	Từ ngã 3 C203 + 100m đến cổng xưởng vật liệu nổ Z131	2.500
8	Từ đường đi Tiên Phong (Nhà ông Quán) đến thổ cư ông Năng xóm Tân Long 2	1.000
9	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 Cao Vương) đến Km0 đê Chã	1.000
10	Từ biển di tích lịch sử bà Lưu Thị Phận Cổ Pháp - Hào Sơn đến giếng làng Yên Trung	700
11	Từ giáp đất thổ cư nhà ông Hoàng Văn Bình - Đại Tân đến đập tràn Bình Tiến	500
12	Từ đường đi Tiên Phong (trạm điện Trung Quân) qua ngã 5 Giã Thù đến ngã 5 Cầu Gô	700
13	Từ đường đi Tiên Phong đi thôn Giã Trung	
13.1	Từ đường đi Tiên Phong + 100m	1.000
13.2	Sau 100m đến hết đất ở nhà ông Dương Văn Huy - Giã Trung	600
14	Từ ngã 5 Cầu Gô + 100m qua đình Xuân Trù đến đình Thù Lâm	600
15	Từ hồ Giã Trung đến ngã 3 xóm Đồng Thượng	500
16	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 nhà ông Đào Văn Tiến) đến chân đê Yên Trung (cổng Bò Đái)	
16.1	Từ đường đi Tiên Phong (ngã 3 nhà ông Đào Văn Tiến) đến cổng trường Tiểu học Tiên Phong 2	1.000
16.2	Từ cổng trường Tiểu học Tiên Phong 2 đến chân đê Yên Trung (cổng Bò Đái)	800
17	Từ ngã tư Nguyễn Hậu + 100m đến đình làng Nguyễn Hậu	500
18	Từ cổng trường Tiểu học Tiên Phong 2 đến trạm điện Hào Sơn	600
C	CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ	
1	Khu tái định cư xóm Xây xã Thuận Thành (Đường rộng 7,5m)	1.000
2	Khu tái định cư xóm Đình xã Tân Phú (Đường rộng 7,5m)	500
3	Khu tái định cư xóm Yên Gia xã Tân Phú (Đường rộng 7,5m)	500
4	Khu tái định cư xóm Trại xã Tân Phú (Đường rộng 7,5m)	500
5	Khu tái định cư xóm Tân Long 1, xóm Tân Long 2 xã Tân Hương (Đường rộng 7,5m)	700
6	Khu tái định cư xóm Sứ, xóm Ao Đình xã Tân Hương (Đường rộng 7,5m)	1.000
7	Khu dân cư tập trung xóm Sơn Trung thị trấn Bắc Sơn (Đường rộng 3,5m - 5,0m)	600
8	Khu tái định cư khối Đồng Tâm thị trấn Bãi Bông (Đường rộng 7,5m)	2.000
9	Khu tái định cư xóm An Bình, xóm Thái Bình xã Đồng Tiến (Đường rộng 7,5m)	2.000

10	Khu tái định cư xã Nam Tiến (Đường rộng 7,5m)	1.500
11	Khu tái định cư xã Hồng Tiến (Khu tái định cư KCN Yên Bình)	2.000

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Đông Tiến, Hồng Tiến, Nam Tiến, Tân Hương, Tân Phú, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành	450	420	390	360
Xã: Minh Đức, Phúc Thuận	420	390	360	330
Xã: Thành Công, Vạn Phái, Phúc Tân	390	360	330	300

Ghi chú:

1. Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1 điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

2. Trường hợp đất ở đô thị tại thị trấn Ba Hàng, thị trấn Bãi Bông và thị trấn Bắc Sơn chưa được quy định chi tiết trong bảng giá trên, khi xác định giá đất áp dụng điểm 2, mục II, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất, mức tối thiểu không được thấp hơn giá đất tại bảng giá đất ở nông thôn trên.

PHỤ LỤC SỐ 04

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHÚ BÌNH GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
I	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 37	
1	Từ giáp đất Hiệp Hoà đến cách ngã tư cầu Ca 200m	2.500
2	Cách ngã tư cầu Ca 200m đến qua ngã tư cầu Ca 500m	3.500
3	Từ cách ngã tư cầu Ca 500m đến cầu Chợ Đồn	2.000
4	Từ cầu Chợ Đồn đến hết đất xã Kha Sơn	3.500
5	Từ giáp đất xã Kha Sơn đến cách cổng Công an huyện 200m	4.000
6	Từ cách cổng Công an huyện 200m đến cổng Công an huyện	5.500
7	Từ cổng Công an huyện đến giáp đất Ngân hàng Chính sách xã hội	8.000
8	Từ đất Ngân hàng Chính sách (đường vào Nhà văn hóa Tổ 2) đến cầu Bằng chợ Úc Sơn (+) 300m đi Thái Nguyên	12.000
9	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 300m đến qua cổng Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đi Thái Nguyên	7.000
10	Từ cách cổng Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đến hết đất thị trấn Hương Sơn	5.000
11	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đến ngã ba đường mới (đường rẽ cầu Mây địa phận xã Xuân Phương)	3.000
12	Từ ngã ba đường mới đến cầu Mây (hết đất Xuân Phương)	5.000

13	Từ đầu cầu Mây (+) 200m đi Thái Nguyên	2.500
14	Từ cách đầu cầu Mây 200m đến ngã ba đường rẽ vào xóm Chiến 1	2.000
15	Từ ngã ba đường rẽ xóm Chiến 1 đến ngã ba đường rẽ vào xóm Soi 1	2.200
16	Từ ngã ba đường rẽ xóm Soi 1 đến kênh qua đường rẽ vào xóm Đô	3.000
17	Từ giáp kênh qua đường rẽ vào xóm Đô đến ngã ba đường rẽ vào nghĩa trang Vườn Giếng	2.200
18	Từ ngã ba đường rẽ vào nghĩa trang Vườn Giếng đến hết đất xã Nhả Lộng	1.800
19	Từ giáp đất xã Nhả Lộng đến đường rẽ xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy	2.800
20	Từ đường rẽ xóm Thuần Pháp đến đường rẽ vào trường Tiểu học xã Diềm Thụy	4.000
21	Từ đường rẽ vào trường Tiểu học Diềm Thụy đến giáp đất xã Thượng Đình	3.000
22	Từ giáp đất xã Diềm Thụy đến đường rẽ vào trường Tiểu học xã Thượng Đình	2.500
23	Từ đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Thượng Đình đến giáp đất thành phố Thái Nguyên	2.800
II	THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN	
1	Từ Quốc lộ 37 (Công ty Xổ số Thái Nguyên) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.500
2	Từ Quốc lộ 37 (đường vào Huyện ủy) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.500
3	Từ Quốc lộ 37 (Bưu điện) đến hết đất Phòng Giáo dục	3.500
4	Từ Quốc lộ 37 (Viện Kiểm sát cũ) đến gặp đường từ Trạm thuế cũ đi ngã ba cầu Vườn Nhanh.	3.500
5	Từ Quốc lộ 37 (Hiệu thuốc Phú Bình) đi tổ dân phố Hoà Bình	
5.1	Từ Quốc lộ 37 đi đường mới Khu dân cư số 1 đến bờ sông Đào	5.000
5.2	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m đi cổng làng tổ dân phố Hoà Bình	3.000
5.3	Từ cách Quốc lộ 37 (100m) đến ngã 3 tổ dân phố Hoà Bình (nhà ông Liệu)	2.000
6	Từ Quốc lộ 37 đi Trường THCS thị trấn Hương Sơn (đường đi tổ dân phố La Sơn) đến cầu Vườn Nhanh	
6.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 80m đến ngã tư vào đình chùa La sơn	2.000
6.2	Từ cách Quốc lộ 37 (80m) đến ngã tư vào đình La Sơn	1.500
6.3	Từ cầu Vườn Nhanh (sau UBND huyện) đến ngã tư cổng đình chùa La Sơn	2.000
7	Từ Quốc lộ 37 đi tổ dân phố Thơm	
7.1	Từ Quốc lộ 37 đến giáp đất Sân vận động	2.000
7.2	Từ Sân vận động đến ngã ba đi tổ dân phố Thơm	800
8	Từ Quốc lộ 37 đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	
8.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 30m đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	4.000
8.2	Từ cách Quốc lộ 37 (30m) đến cổng Ban Chỉ huy quân sự	3.500
9	Từ cầu Bằng đi xuôi sông Đào đi cầu Thùng – Lương Phú (qua cổng UBND thị trấn Hương Sơn)	
9.1	Từ cầu Bằng đi xuôi sông Đào đến cầu Vòng cũ	5.500
9.2	Từ cầu Vòng cũ đến cổng UBND thị trấn Hương Sơn	4.000

9.3	Từ cổng UBND thị trấn Hương Sơn đến hết đất thị trấn	2.000
10	Từ cầu Vòng cũ đi tổ dân phố Hoà Bình	
10.1	Từ cầu Vòng cũ đến gặp đường nội thị khu dân cư số 1 thị trấn Hương Sơn	2.000
10.2	Từ đường khu dân cư số 1 đến ngã 3 tổ dân phố Hòa Bình	2.000
11	Từ đầu cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ), đi ngược dòng chảy	
11.1	Từ đầu cầu Bằng Úc Sơn (+) 300m	3.500
11.2	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 300m đến 500m	2.500
11.3	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 500m đến cách đầu cầu Đoàn Kết 100m	1.000
11.4	Từ cầu Đoàn Kết đi xuôi, ngược dòng 100m	2.300
11.5	Từ cách đầu cầu Đoàn Kết 100m đi ngược dòng chảy đến hết đất thị trấn Hương Sơn	800
12	Từ cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) đi xuôi dòng chảy 400m	2.500
13	Từ cầu Bằng Úc Sơn đi xã Tân Thành (đường tỉnh 269B)	
13.1	Từ cầu Bằng Úc Sơn (+)100m	7.000
13.2	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 100m đến 400m	5.000
13.3	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 400m đến 600m	4.000
13.4	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 600m đến 1000m	3.000
13.5	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 1000m đến hết đất thị trấn (giáp đất Tân Hòa)	1.500
14	Từ cầu Mỹ Sơn đi ngược, xuôi sông Đào 100m	900
15	Từ ngã ba đình chùa La Sơn đi xã Xuân Phương đến hết đất thị trấn Hương Sơn	800
16	Vị trí đất phía sau giáp đất chợ Úc Sơn từ phía Đông đến phía Bắc chợ (phía Đông giáp bờ sông, phía Bắc cách đường đi xã Tân Thành 20m)	1.500
17	Đường vào khu xử lý rác thải thị trấn Hương Sơn	
17.1	Từ đường Úc Sơn - Tân Thành (+) 200m	1.500
17.2	Từ cách 200m đến ngã ba đình Úc Sơn	800
18	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Mầm non Cụm trung tâm thị trấn Hương Sơn	1.500
19	Từ Quốc lộ 37 đi qua đình Làng Cả đến cổng Dọc	
19.1	Từ Quốc lộ 37 đến kênh N2	1.000
19.2	Từ kênh N2 đến ngã tư cổng Quán	800
19.3	Từ ngã tư cổng Quán đến cổng Dọc	600
20	Từ Quốc lộ 37 (cầu Gô) đi ngã ba Bãi Đình	
20.1	Từ Quốc lộ 37 (cầu Gô) đi ngã tư cổng Quán	1.000
20.2	Từ ngã tư cổng Quán đến ngã ba Bãi Đình	600
21	Từ Quốc lộ 37 đi đến ao Ngàn (Tổ 2)	800
22	Từ Quốc lộ 37 đi đến cổng Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề huyện Phú Bình	1.200
23	Từ Quốc lộ 37 đi vào trong khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình	3.500

24	Từ cầu Đoàn Kết (+) 100m vào tổ dân phố Đoàn Kết	1.900
25	Từ cách cầu Đoàn Kết 100m vào Nhà văn hoá tổ dân phố Đoàn Kết	900
III	XÃ KHA SƠN	
1	Ngã tư cầu Ca đi xã Hà Châu	
1.1	Ngã tư cầu Ca (+) 150m	2.500
1.2	Từ cách ngã tư cầu Ca 150m đến hết đất xã Kha Sơn	1.500
2	Từ ngã tư cầu Ca đi xã Thanh Ninh	
2.1	Từ ngã tư cầu Ca (+) 100m	2.500
2.2	Từ cách ngã tư cầu Ca 100m đến ngã ba xóm Hoà Bình	2.000
2.3	Từ ngã ba xóm Hoà Bình đi xã Thanh Ninh đến hết đất xã Kha Sơn	1.500
3	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn đi xã Lương Phú	
3.1	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m	1.500
3.2	Cách Quốc lộ 37 (200m) đi xã Lương Phú đến hết đất xã Kha Sơn	900
4	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m đi vào Chợ Đồn	2.000
5	Đường trong khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình (khu dân cư trong điểm công nghiệp Kha Sơn)	3.500
6	Đường trong khu dân cư gắn liền với khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình	3.000
IV	XÃ DƯƠNG THÀNH	
1	Từ cầu Đất (+) 200m đi Bưu điện văn hóa xã Dương Thành	1.200
2	Từ Bưu điện văn hoá xã (+) 300m đi xã Thanh Ninh	1.500
3	Từ Bưu điện văn hóa xã đến kênh 4 đường cầu Ca - Lữ Vân (đường tỉnh 261C)	1.000
4	Từ giáp địa giới xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (+) 300m đi xã Thanh Ninh (đường tỉnh 261C)	1.000
5	Các đoạn còn lại của đường cầu Ca - Lữ Vân (đường tỉnh 261C)	800
6	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã Dương Thành đến cống Phầm	
6.1	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã (+) 100m đến kênh 4	550
6.2	Đoạn còn lại đến cống Phầm	450
7	Đường WB3 thuộc địa phận xã Dương Thành	
7.1	Từ giáp địa giới xã Thanh Ninh (+) 700m đi máng Cộc	500
7.2	Cách địa giới xã Thanh Ninh 700m đến cống Sầm	500
7.3	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi máng Cộc	500
7.4	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi cống Sầm	500
7.5	Các đoạn còn lại của đường WB3	450
V	XÃ LƯƠNG PHÚ	
1	Từ đầu cầu Thanh Lang đi 2 phía:	
1.1	Từ cầu Thanh Lang (+) 100m đi xã Tân Đức	1.500
1.2	Từ cầu Thanh Lang (+) 100m đi cầu Thủng	1.500

1.3	Từ cách cầu Thanh Lang 100m đến cầu Thủng	1.000
2	Từ cầu Lang Tà đi xã Kha Sơn	
2.1	Từ cầu Lang Tà (+) 200m đi xã Kha Sơn	1.500
2.2	Từ cách cầu Lang Tà 200m đi xã Kha Sơn đến hết địa phận xã Lương Phú	900
3	Từ cầu Lang Tà đến ngã ba đường vào xóm Phú Hương	1.000
4	Từ cầu Lang Tà đi ngược sông Đào 150m lên cầu Thủng	1.000
5	Từ cầu Lang Tà đi xóm Việt Ninh (theo bờ đê)	
5.1	Từ cầu Lang Tà (+) 200m	1.000
5.2	Từ cách cầu Lang Tà 200m đến 300m	600
6	Từ ngã tư Trạm y tế xã Lương Phú (+) 100m đi xóm Mảng	500
7	Từ ngã ba đường đi Phú Hương đi xã Tân Đức đến hết địa phận xã Lương Phú	500
VI	XÃ ÚC KỲ	
1	Từ ngã ba Quán Nam đi xuôi xã Nga My 200m và đi ngược xã Diềm Thụy 200m (đường tỉnh lộ 266)	800
2	Từ cách ngã ba Quán Nam 200m đi xuôi xã Nga My và đi ngược xã Diềm Thụy (đường tỉnh lộ 266) đến hết đất xã Úc Kỳ	700
VII	XÃ NGA MY	
1	Từ cổng chợ Quán Chè đi xuôi, đi ngược đê đến hết địa phận xã Nga My (đường tỉnh lộ 266)	
1.1	Từ cổng chợ Quán Chè đi xuôi, đi ngược đê 200m	1.000
1.2	Từ cách cổng chợ Quán Chè 200m đi xuôi, đi ngược đê hết địa phận xã Nga My	800
2	Từ ngã ba đường tỉnh lộ 266 đến Kho Quán, xã Nga My	600
3	Từ ngã ba chợ Quán Chè đến hết đất trụ sở mới của UBND xã Nga My	650
VIII	XÃ HÀ CHÂU	
1	Đê Hà Châu	
1.1	Từ giáp đất xã Nga My đến hết đất ông Mai (thửa đất số 35 tờ 10 bản đồ địa chính số 10 xã Hà Châu)	800
1.2	Từ đất ông Bé (thửa đất số 76 tờ bản đồ địa chính số 10 xã Hà Châu - ngã ba vào xóm Ngói) đến Kè số 1 xã Hà Châu	1.500
1.3	Từ Kè số 1 đến Hạt quản lý đê	1.200
1.4	Từ Hạt quản lý đê hết đất Hà Châu (giáp đất Phở Yên)	1.000
2	Từ dốc vào UBND xã đến ngã tư xóm Hương Chúc rẽ phải, rẽ trái 50m	800
3	Từ dốc đê Hà Trạch đến đình Hà Trạch	600
IX	XÃ TÂN HÒA	
1	Từ ngã tư Trung tâm xã đi Thanh Lương, đi xóm Ngò, đi xóm Trụ Sở và đi xóm Hân	
1.1	Từ ngã tư Trung tâm xã đến cổng Trường Tiểu học xã Tân Hòa	700
1.2	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Ngò đến cổng qua đường (thuộc địa phận xóm Vực Giăng)	500

1.3	Từ ngã tư Trung tâm xã (+) 100m đi xóm Trạ Sờ	500
1.4	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Hân đến trạm bơm	500
2	Từ cầu Thanh Lang (+) 500m đi UBND xã	500
3	Đường tỉnh lộ 269b từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đi xã Tân Thành	
3.1	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đi xã Tân Thành + 200m	800
3.2	Từ ngã ba xóm Giàn + 200m đi thị trấn Hương Sơn, đi xã Tân Thành	700
3.3	Các đoạn còn lại	600
4	Từ ngã tư xóm Trạ Sờ (+) 200m đi xã Tân Thành	400
5	Từ ngã tư xóm Trạ Sờ đi UBND xã đến hết đất nhà ông Khánh	400
X	XÃ TÂN THÀNH	
1	Từ cầu ông Tanh qua cổng UBND xã đến cầu Suối Giữa. (Đường tỉnh lộ 269b)	1.000
2	Từ cầu ông Tanh đi huyện Phú Bình qua ngã tư La Lễ 100m (Đường tỉnh lộ 269b)	800
3	Từ cầu Suối Giữa (+) 400m đi xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ. (Đường tỉnh lộ 269b)	800
4	Từ ngã ba Trung tâm xã (+) 300m đi xóm Đồng Bón	500
5	Từ ngã tư La Lễ (+) 100m đi xóm Vo	400
6	Từ ngã tư La Lễ đến bờ đập Kim Đĩnh	400
7	Từ trạm điện cầu Muối (+300m) đi vào xã Hợp Tiến	400
8	Từ ngã ba Na Bì (+) 300m đi vào đình Na Bì	400
9	Từ trạm điện cầu Muối đến trạm điện đồng Bầu 2 (200m)	400
XI	XÃ TÂN KIM	
1	Từ cổng UBND xã (+) 300m đi xã Tân Khánh	800
2	Từ cách cổng UBND xã 300m đi xã Tân Khánh đến hết địa phận xã Tân Kim	600
3	Từ cổng UBND xã đến đường rẽ Bệnh viện Phong	850
4	Từ đường rẽ Bệnh viện Phong đi cầu Mây đến hết đất xã Tân Kim	650
5	Từ ngã 3 xóm Mỏn Hạ (+)150m đi Kim Đĩnh	500
6	Từ cách ngã 3 Mỏn Hạ 150m đến ngã tư Kim Đĩnh	400
7	Từ ngã tư Kim Đĩnh đi xóm Thòng Bong (200m), đi Trại giếng (200m), đi Núi Chùa (200m)	400
8	Từ cổng UBND xã đến cổng Trường Tiểu học	700
9	Từ cổng Trường Tiểu học đến dốc gành làng Châu	500
10	Từ dốc gành làng Châu đi Đèo Khê hết đất xã Tân Kim	450
XII	XÃ TÂN KHÁNH	
1	Từ ngã ba Trung Tâm đi xã Bảo Lý đến đường rẽ vào xóm Kim Bằng	1.500
2	Từ đường rẽ xóm Kim Bằng đến cầu Đồng Tiến	1.000

3	Từ ngã ba xóm Đồng Tiến đi xã Tân Kim, đi xã Bảo Lý (hết địa phận xã Tân Khánh), đi đến cầu Đồng Tiến	450
4	Từ ngã ba Trung Tâm đi đến Trường THCS Tân Khánh	1.500
5	Từ cổng Trường THCS Tân Khánh đến ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng	600
6	Từ ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng đến cầu Trà Tước	450
7	Từ ngã ba trung tâm đi ngã ba đường rẽ xóm La Tú	
7.1	Từ ngã ba Trung Tâm đi xóm La Tú đến đường rẽ vào cổng chợ	1.500
7.2	Từ đường rẽ vào cổng chợ đến ngã ba đường rẽ xóm La Tú (đường từ ngã ba Trung tâm xã đi La Tú)	1.000
8	Từ ngã ba đường rẽ trạm y tế xã (+) 80m đi Trạm Y tế	1.000
9	Từ Ngã ba La Tú đi Trại Cau đến cổng nhà bà Phong (hết thửa đất số 447 tờ bản đồ địa chính số 21 xã Tân Khánh)	600
XIII	XÃ TÂN ĐỨC	
1	Từ đầu cầu Bằng đi ngược, xuôi 100m hai bờ sông Đào	1.200
2	Từ cổng chính của chợ (+) 200m đi xóm Diễn	1.500
3	Từ cổng chính của chợ đi xóm Ngoài	
3.1	Từ cổng chính của chợ (+) 200m	1.200
3.2	Cách cổng chính chợ 200m đến 300m	800
4	Từ cổng chính chợ đến đầu cầu Bằng	1.500
5	Từ ngã ba xóm Ngoài đi Nhà văn hóa xóm Ngọc Lý	
5.1	Từ ngã ba xóm Ngoài (+) 200m	600
5.2	Từ qua 200m đến Nhà Văn hoá xóm Ngọc Lý	500
6	Từ cách đầu cầu Bằng 100m đi Lữ Vân, đi xã Lương Phú đến hết đất xã Tân Đức	500
7	Từ ngã ba Nhà văn hóa xóm Quấn đi xã Tân Hòa; đi xóm Viên; đi xã Tiến Thắng, Yên Thế, Bắc Giang	
7.1	Từ ngã ba Nhà văn hóa xóm Quấn (+) 200m đi các phía trên.	400
7.2	Từ cách ngã ba Nhà văn hóa xóm Quấn 200m đi xã Tân Hòa, đi xóm Viên, đi xã Tiến Thắng (huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang)	350
8	Từ ngã ba xóm Ngọc Lý đi đến Nhà văn hóa xóm Tân Ngọc	350
9	Từ đầu cầu Vòng đi xóm Lệnh, đi xóm Quại đến giáp đất xã Thanh Ninh	400
XIV	XÃ XUÂN PHƯƠNG	
1	Từ cổng trường THCS xã Xuân Phương đến cổng Na Oan	1.500
2	Từ cổng trường THCS xã Xuân Phương đi cầu Cống	1.200
3	Từ ngã ba UBND xã đến chợ Đình	800
4	Từ cổng Na Oan đến gặp Quốc lộ 37	
4.1	Từ cổng Na Oan đến cổng Ao Phán đường rẽ vào xóm Tân Sơn 8	1.200
4.2	Từ cổng Ao Phán đường rẽ vào xóm Tân Sơn 8 đến Quốc Lộ 37	1.500

5	Từ cầu Bằng gốc đa đi xã Tân Kim hết địa phận xã Xuân Phương	
5.1	Từ cầu Bằng gốc đa đến cầu Núi Cao	1.200
5.2	Từ cầu Núi Cao đi hết địa phận xã Xuân Phương	800
6	Từ ngã ba đường Quốc lộ 37 đến gốc đa cầu Mây cũ	3.000
7	Từ gốc đa cầu Mây đi Bảo Lý đến hết đất Xuân Phương	3.500
8	Từ gốc đa cầu Mây đi bến phà cầu Mây cũ	2.000
XV	XÃ NHẢ LỘNG	
1	Đất phía sau giáp đất chợ Cầu	1.000
2	Từ Quốc lộ 37 (đi qua cổng Nhà Thờ) đến ngã ba xóm Náng, xóm Xúm	600
XVI	XÃ ĐIỀM THỤY	
1	Từ ngã tư Diềm Thụy đi Quốc lộ 3 đến giáp đất Phổ Yên (đường tỉnh lộ 266)	2.500
2	Từ ngã tư Diềm Thụy đến gặp đường tỉnh lộ 261 đi huyện Phổ Yên (ngã 3 Núi Căng)	1.500
3	Đường tỉnh lộ 266: Từ ngã ba Núi Căng đi xuôi đến hết đất xã Diềm Thụy	800
4	Từ Quốc lộ 37 đi qua Trường Tiểu học xã Diềm Thụy đến gặp đường tỉnh lộ 266	
4.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 500m	1.000
4.2	Đoạn còn lại	800
5	Đường tỉnh lộ 261: Từ ngã ba Núi Căng đi Phổ Yên đến hết đất Diềm Thụy	800
XVII	XÃ THƯỢNG ĐÌNH	
1	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m đi vào UBND xã	700
2	Từ cổng Trường Tiểu học xã Thượng Đình (+) 150m đi hai phía	700
3	Từ cổng trường Quân sự Quân Khu I đi QL 3	
3.1	Từ cổng số 2 trường Quân sự Quân Khu I + 300m	600
3.2	Từ sau 300m đến hết đất xã Thượng Đình	500
XVIII	XÃ BẢO LÝ	
1	Từ cổng Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp (+) 200m đi UBND xã Bảo Lý	1.800
2	Từ cầu Vạn Giã (+) 200m đi ngược UBND xã Bảo Lý; Từ cầu Vạn Giã (+) 200m đi xuôi cầu Mây	1.000
3	Từ cầu Bằng Bảo Lý đi xuôi 200m; đi ngược xã Đào Xá 300m	1.500
4	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến ngã ba xóm Thượng	
4.1	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến cổng Trường Mầm non	1.500
4.2	Từ cổng Trường Mầm non đến ngã ba xóm Thượng	800
5.	Từ ngã ba phố Quyền đi ngược xã Tân Khánh 100m, đi xuôi UBND xã Bảo Lý 100m	600
6	Từ cầu Cổ Dạ đi xuôi UBND xã 200m, đi ngược xã Đào Xá 200m	700
XIX	XÃ ĐÀO XÁ	
1	Đường bờ đê sông Đào (đường nhựa cầu Mây - Đồng Liên, địa phận xã Đào Xá)	

1.1	Từ ngã ba kè Lũ Yên đi xuôi, đi ngược 200m	1.000
1.2	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi xuôi xã Bảo Lý đến 800m	800
1.3	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi ngược dòng chảy đến 300m	600
1.4	Từ đầu cầu Vòng xóm Dãy đi ngược, đi xuôi sông 200m	500
1.5	Các đoạn còn lại thuộc xã Đào Xá	450
1.6	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 1000m đi xuôi đến cầu Cứng xóm Đoàn Kết	550
2	Từ đầu kè Lũ Yên đi xã Bàn Đạt đến ngã ba đường đi xã Tân Khánh	550
XX	XÃ THANH NINH	
1	Từ cổng UBND xã đi cầu Ca đến hết địa phận xã Thanh Ninh	2.000
2	Từ cổng UBND xã đi xã Dương Thành	
2.1	Từ cổng UBND xã đến ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong	2.000
2.2	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong đến cổng Trường cấp I, II xã Thanh Ninh	1.800
2.3	Từ cổng Trường cấp I, II xã Thanh Ninh đến giáp đất Dương Thành	1.600
3	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong đi xã Lương Phú (đường liên xã Thanh Ninh - Lương Phú)	
3.1	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong (+) 100m	1.500
3.2	Từ cách ngã ba đường rẽ xóm Tiền Phong 100m đến 300m	1.200
3.3	Đoạn còn lại đi xã Lương Phú	500
4	Từ cổng UBND xã đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình (đường liên xã Thanh Ninh - Dương Thành)	
4.1	Từ cổng UBND xã (+) 100m	1.200
4.2	Từ cách cổng UBND xã 100m đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình	600
5	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m đi xã Tân Đức	500
6	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m đi cầu Đất	500
7	Từ trạm biến áp trung tâm đến cổng Trường mầm non xã Thanh Ninh	1.000
XXI	XÃ ĐỒNG LIÊN	
1	Đoạn đường bờ đê sông Đào địa phận xã Đồng Liên	
1.1	Từ đầu cầu Trắng (Đồng Vỹ) đi xuôi, đi ngược dòng công Đào 100m	500
1.2	Từ cổng UBND xã Đồng Liên đi xuôi và đi ngược dòng sông Đào 100m	800
1.3	Từ kè Đá Gân đi xuôi và đi ngược dòng sông Đào 100m	1.000
1.4	Các đoạn còn lại	500
2	Từ bờ đê sông Đào đi đến đầu cầu treo Đồng Liên - Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	500
3	Đoạn từ đầu cầu Bằng Trung tâm xã Đồng Liên (+) 200m đi xã Bàn Đạt	600
XXII	XÃ BÀN ĐẠT	
1	Từ cổng UBND xã Bàn Đạt đi xuôi xóm Bàn Đạt 200m	600
2	Từ cách cổng UBND xã 200m đến cầu Cuồng, xóm Tân Minh	400

3	Từ cổng UBND xã đến ngã ba Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng	500
4	Từ cầu Trắng (+) 200m đi xóm Đồng Vỹ	400
5	Từ cách cầu Trắng 200m đến Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng, đi xóm Việt Long	350

2. Giá đất ở tại thị trấn Hương Sơn chưa được quy định chi tiết trong bảng giá trên, thì được áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn: Hương Sơn	500	450	400	350

Tiêu chí phân loại đất cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $\geq 3,5m$;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) $\geq 2,0m$;
- Cách chợ, trung tâm thị trấn, trường học, Khu công nghiệp TNG, Quốc lộ 37, không quá 200m, có đường vào $\geq 2m$.

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng $\geq 2,5m$;
- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có (mặt) đường rộng nhỏ hơn 2,5m, nhưng $\geq 2,0m$;
- Cách chợ, trung tâm thị trấn, trường học, Khu công nghiệp TNG, Quốc lộ 37, không quá 200m, có đường vào $< 2m$;
- Cách chợ, trung tâm thị trấn, Quốc lộ 37 qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$;
- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Cách chợ, trung tâm thị trấn, Quốc lộ 37 qua 500m đến 1000m, có đường vào $\geq 2m$;
- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 500m đến 1000m, có đường vào $\geq 2m$.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

3. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Bảo Lý, Đào Xá, Diềm Thuy, Dương Thành, Hà Châu, Kha Sơn, Lương Phú, Nga My, Nhả Lộng, Thanh Ninh, Thượng Đình, Úc Kỳ, Xuân Phương.	450	400	350	300
Các xã: Đồng Liên, Tân Đức.	410	360	310	260
Xã: Tân Khánh.	380	330	280	230

Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân kim, Tân Thành.	350	300	250	200
--	-----	-----	-----	-----

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 05

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 1B	
1	Từ giáp đất xã Cao Ngạn đến cách ngã ba xã Hoá Thượng 200m	2.500
2	Ngã ba xã Hoá Thượng về hai phía (đi cầu Cao Ngạn và đi thị trấn Chùa Hang) 200m	3.000
3	Từ ngã ba xã Hóa Thượng đến cổng La Gianh	3.000
4	Từ cổng La Gianh đến Km 7 + 150	2.000
5	Từ Km 7 + 150m đến Km 8	1.500
6	Từ Km 8 đến qua cổng UBND xã Hóa Trung 100m	800
7	Cách cổng UBND xã Hóa Trung 100m đến Km9 + 500m	600
8	Từ Km9 + 500m đến Km12	500
9	Từ Km 12 đến Km 12 + 300m	1.000
10	Từ Km 12 + 300m đến đến Km 13	1.500
11	Từ Km 13 đến cầu Đồng Thu	2.000
12	Từ cầu Đồng Thu đến cổng trung tâm dạy nghề trại Phú Sơn 4	1.500
13	Từ cổng trung tâm dạy nghề trại Phú Sơn 4 đến hết đất xã Quang Sơn	800
B	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B CŨ	

1	Từ cổng HTX Cờ Hồng (giáp đất xã Đồng Bẩm) đến cổng Bà Thành	5.000
2	Từ hết đất cổng Bà Thành đến hiệu thuốc Đồng Hỷ	6.000
3	Từ giáp đất hiệu thuốc Đồng Hỷ đến hết đất kiốt xăng (gần Trạm vật tư nông nghiệp huyện Đồng Hỷ)	5.000
4	Từ giáp đất kiốt xăng (gần Trạm vật tư Nông nghiệp) đến đường rẽ vào Bộ Tư lệnh QKI	4.500
5	Từ đường rẽ vào Bộ Tư lệnh Quân khu I đến đường rẽ vào lữ đoàn 575	3.500
6	Từ đường rẽ vào lữ đoàn 575 đến cách ngã ba xã Hoà Thượng 200m	3.000
C	TRỤC ĐƯỜNG 269	
1	Từ đường tròn Chùa Hang đến Cầu Đò	5.000
2	Từ Cầu đò đến hết đất kiốt xăng DN Đồng Tâm	3.500
3	Từ giáp đất kiốt xăng DN Đồng Tâm đến cầu Linh Nham	2.500
4	Từ cầu Linh Nham đi Linh Sơn 100m	1.000
5	Từ cách cầu Linh Nham 100m đến ngã ba đường đi cầu treo Bến Oánh (giáp Trường Quân sự)	700
6	Từ ngã ba đường đi cầu treo Bến Oánh (giáp Trường Quân sự) đến qua UBND xã Linh Sơn 100m	900
7	Cách UBND xã Linh Sơn 100m đến cầu Ngòi Chèo	500
8	Từ cầu Ngòi Chèo đến cách chợ Nam Hoà 200m	900
9	Chợ Nam Hoà 200m về 2 phía	1.800
10	Từ cách chợ Nam Hoà 200m đến cầu Thác Lạc	900
11	Từ cầu Thác Lạc đến đường tàu quặng	1.200
12	Từ đường tàu quặng đến ngã ba Bách Hoá	2000
13	Từ ngã ba Bách Hoá đến cầu Đọi chờ	1.500
14	Từ cầu Đọi Chờ đến đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi	600

15	Từ đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi đến cầu Đă	500
16	Từ cầu Đă đến cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m	500
17	Từ cổng UBND xã Hợp Tiến + 500m về hai phía	600
18	Từ cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m đi Bắc Giang (hết đất xã Hợp Tiến)	500
D	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CÒN LẠI CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN	
I	THỊ TRẤN CHÙA HANG	
1	Trục đường Thanh niên (từ QL1B cũ đi hết đường thanh niên gặp đường 379)	3.000
1.1	Từ đường Thanh niên nối công trình phục vụ lễ hội Chùa hang (ngõ số 2)	1.500
1.2	Từ đường Thanh niên nối công trình phục vụ lễ hội Chùa hang (ngõ số 4)	1.500
1.3	Các tuyến rẽ từ đường Thanh niên vào 100m đã được đổ bê tông	1.200
2	Từ trục đường QL1B cũ nối với đường 269 đoạn cạnh đường tròn tiểu công viên	5.000
-	Các nhánh rẽ trên trục đường từ QL1B cũ nối đường 269 (đoạn cạnh tiểu đường tròn công viên) vào 100m đã được đổ bê tông có nền đường rộng $\geq 2,5m$	1.500
3	Từ trục đường QL1B cũ nối với đường 269 đoạn cạnh chợ Chùa Hang	5.000
-	Các nhánh rẽ trên trục đường từ QL1B cũ nối đường 269 (đoạn cạnh chợ Chùa Hang) vào 100m đã được đổ bê tông có nền đường rộng $\geq 2,5m$	1.500
4	Các tuyến rẽ từ trục QL1B cũ	
4.1	Từ QL1B cũ đi trạm xá Đồng Bầm (đến hết đất thị trấn)	2.000
4.2	Trục đường từ QL1B cũ đến khu dân cư tập thể Lâm sản	
-	Từ QL1B cũ đến cổng Trung tâm dạy nghề huyện	2.000
-	Từ cổng Trung tâm dạy nghề huyện vào hết đường quy hoạch của khu dân cư tập thể Lâm sản (trục chính)	1.500
4.3	Từ QL1B cũ đi Trường THCS Đồng Bầm (lối rẽ đối diện đường Thanh niên)	1.500

4.4	Từ QL1B cũ đến hết Núi Phấn (lối rẽ đối diện đường vào khu Trung tâm Văn hoá Chùa Hang)	1.500
4.5	Từ QL1B cũ đến giáp đất sân bay Đồng Bầm (lối rẽ đối diện lò vôi)	
-	Đoạn đường đổ bê tông	1.500
-	Đoạn đường chưa đổ bê tông	1.000
4.6	Đường QL1B cũ rẽ cạnh chi cục Thuế gặp đường 379	
-	Từ QL1B cũ vào 100m	2.000
-	Sau 100m đến cách đường 379 100m	1.000
4.7	Các tuyến đường rẽ còn lại từ QL1B cũ vào 100m (đã được đổ bê tông có mặt đường rộng $\geq 3\text{m}$)	1.500
5	Trục đường 379 (từ đường tròn Chùa Hang đến đường tròn Núi Voi)	
5.1	Từ đường tròn Chùa Hang đến đường rẽ vào Chùa Hang	5.000
5.2	Từ đường rẽ vào Chùa Hang đến đường lối rẽ đường Thanh Niên	3.000
5.3	Từ lối rẽ đường Thanh Niên đến cách đường tròn Núi Voi 100m	2.500
5.4	Đường tròn Núi Voi + 100m về các phía (Cao Ngạn, Chùa Hang, Núi Cỏi)	3.000
6	Các nhánh rẽ từ đường 379	
6.1	Từ đường 379 đến cổng Chùa Hang	3.000
6.2	Các tuyến đường rẽ còn lại từ đường 379 vào 100m (đã được đổ bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$)	1.000
7	Qua đường tròn Núi Voi 100m đi hết đất Núi Cỏi	1.000
8	Qua đường tròn Núi Voi 100m đi Công ty CP Xi măng Cao ngạn (hết đất thị trấn)	
8.1	Qua đường tròn Núi Voi 100m đi tiếp 100m	2.000
8.2	Cách đường tròn Núi Voi 200m đi Công ty CP Xi măng Cao Ngạn (đến hết đất thị trấn)	1.000
9	Đường Hữu nghị thị trấn Chùa Hang (toàn tuyến)	1.500

10	Đường tròn Núi Voi rẽ vào Trạm xá Núi voi	1.200
11	Trục đường rẽ từ đường tròn Chùa Hang vào 100m đi nghĩa trang ấp Thái	1.500
12	Các tuyến đường rẽ còn lại từ đường 269 vào 100m (đã được đổ bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$)	1.500
13	Các đường trong khu quy hoạch Lâm trường Đồng Phú (sau nhà văn hoá tổ 2, 3)	1.200
14	Các đường trong khu quy hoạch Mỏ đá Núi voi	1.000
15	Các tuyến đường rẽ trên trục đường từ QL1B cũ đi khu tập thể Lâm sản	
15.1	Các nhánh rẽ trên trục đường từ QL1B cũ đến cổng trung tâm dạy nghề huyện vào 200m	1.200
15.2	Các đường nhánh còn lại trong khu quy hoạch dân cư tổ 5 (khu Đá xẻ)	1.000
16	Các trục đường bê tông, nhựa còn lại thuộc thị trấn Chùa Hang	800
17	Các trục đường còn lại chưa bê tông, nhựa thuộc thị trấn Chùa Hang	500
II	XÃ HOÁ THƯỢNG	
1	Các tuyến đường rẽ từ trục QL1B	
1.1	Các tuyến đường rẽ từ QL1B cũ vào 200m về phía hai bên đường (tính từ đường rẽ đối diện cổng Trường PTTH đến đường rẽ vào nhà văn hóa xóm Hưng Thái) có mặt đường bê tông hoặc nhựa rộng $\geq 2,5\text{m}$	1.000
1.2	Đường rẽ QL 1B cũ ngõ rẽ cạnh huyện đội (địa phận xã Hóa Thượng)	800
1.3	Từ QL 1B cũ đến nhà văn hóa xóm Hưng Thái	1.000
-	Từ nhà văn hóa xóm Hưng Thái đến ngã tư giáp đất chùa Hang	600
1.4	Từ QL1B cũ đến Trường Mầm Non Quân khu I	
-	Từ QL1B cũ đến trạm 88 cũ	1.500
-	Từ trạm 88 cũ đến Trường Mầm non Quân khu I	1.000
1.5	QL1B cũ đến ngã 3 (đường giáp nhà ông Hoàng Sinh)	1.200

1.6	Từ QL1B cũ đến bệnh xá 43 (đường giáp XN may 20)	1.200
1.7	Từ QL1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 400m) đi vào Núi Kháo	800
1.8	Từ QL1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 500m) đi vào đồi Pháo cũ	800
1.9	Từ QL1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 600m) đi vào Núi Cái	800
1.10	QL1B cũ đến cổng chính BTL QKI	2.000
1.11	Đường rẽ trực đường từ QL1B cũ đến cổng Quân khu I (đường vào cổng Quân khu I cũ)	1.200
1.12	Từ QL1B cũ vào 100m (đoạn Km4 + 900m) đi vào xóm Đồng Thái (đoạn giáp Trường THCS nối với đường vào lữ đoàn 575)	800
1.13	Từ QL1B cũ đi lữ đoàn 575 (hết địa phận xã Hoá Thượng)	1.000
1.14	Từ QL1B cũ đến cổng trạm nước sạch	700
1.15	Từ QL1B cũ đến lò vôi Nha Trang	1.000
1.16	Từ QL1B cũ đến đồi chùa và đến hết dốc nhà ông Thiêm	1.000
2	Các tuyến đường rẽ từ trực đường 269	
2.1	Trục từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (đường vào nhà Ông Luật) đến hết xóm Ấp Thái	
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái vào 200m (đường vào nhà ông Luật)	1.200
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái vào 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	800
2.2	Từ đường 269 vào 200m (đi nhà thờ họ đạo ấp Thái)	900
2.3	Trục từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiôt xăng) đến hết đất xóm Ấp Thái	
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiôt xăng) vào 200m	900
-	Từ đường 269 đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiôt xăng) vào 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	700
2.4	Từ đường 269 đến giáp đất đồi bệnh viện cũ	1.000
2.5	Trục từ đường 269 đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) đến hết đất xóm Tân Thái	
-	Từ đường 269 đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) vào 200m	800

-	Từ đường 269 đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) vào 200m đến hết đất Tân Thái	500
2.6	Từ đường 269 đi khu dân cư xóm Tân Thái 200m (đối diện đường rẽ vào NVH xóm Tân Thái)	600
2.7	Từ đường 269 đến cổng trại chăn nuôi Tân Thái	800
3	Tuyến đường rẽ từ trục QL1B mới đi nhà văn hóa xóm Sơn Cầu	
3.1	Từ QL1B mới đến NVH xóm Sơn Cầu	1.000
3.2	Từ nhà văn hóa xóm Sơn Cầu đến đường 359 (cũ)	400
4	Trục từ ngã ba Km7 QL1B đi Trung đoàn 601 - Gốc Vối	
4.1	Từ ngã ba Km7 QL1B đến ngã tư Gò Cao (rẽ đi Minh Lập)	1.000
4.2	Từ ngã tư Gò Cao đi Gốc Vối (hết địa phận xã Hoá Thượng)	500
5	Các tuyến rẽ từ trục ngã ba Km7 QL1B đi Gốc Vối	
5.1	Trục từ ngã ba Hòa Bình đi Cầu Mơn	
-	Từ ngã ba (đường đi Hoà Bình) + 100m	900
-	Từ cách ngã ba (đường đi Hoà Bình) 100m đến đỉnh dốc Văn Hữu	600
-	Từ đỉnh dốc Văn Hữu đến cầu Mơn	500
5.2	Trục từ ngã tư Gò Cao đi Minh Lập (hết địa phận xã Hoá Thượng)	400
6	Các tuyến đường trong khu quy hoạch QK I	
6.1	Khu trạm phòng dịch E 651	1.000
6.2	Khu xí nghiệp may 20 (khu trong tuyến giáp đường nhà ông Hoàng Sính)	800
6.3	Khu Công ty Việt Bắc cũ	600
6.4	Khu Cục Hậu Cần	600
6.5	Khu Cổng gác số 3	600
7	Đường tránh Chùa Hang (Đường QL 1B nối đường 269)	
7.1	Từ QL 1B cũ rẽ vào 150m	2.000
7.2	Từ cách QL 1B cũ 150m đến cách đường 269 150m	1.000

7.3	Từ đường 269 rẽ vào 150m	1.500
III	XÃ HÓA TRUNG	
1	Đường rẽ từ QL1B đi trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu (địa phận xã Hóa Trung)	800
2	Đường rẽ từ QL1B (giáp đất Hóa Thượng) đến cổng Lữ đoàn 575	600
3	Các tuyến đường rẽ từ QL1B vào 200m	
3.1	Đoạn từ Km7 đến cổng UBND xã Hoá Trung	
-	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	300
-	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 3m$	250
3.2	Đoạn từ cổng UBND xã Hoá Trung đến Km12	
-	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
-	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 3m$	220
IV	XÃ QUANG SƠN	
1	Từ QL1B đi xã Tân Long (đường 135) đến hết địa phận xã Quang Sơn	400
2	Từ QL1B qua UBND xã Quang Sơn đến Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.500
3	Từ QL1B vào xóm Đồng Thu I đến cổng trường Tiểu học Quang Sơn	350
4	Từ QL 1B vào xóm Viên Ván đi Mỏ đá La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	350
5	Trục đường nhựa từ đường 135 xóm Na Oai đi đến Trường Tiểu học xã Quang Sơn	400
6	Từ đường nhựa xóm Na Oai đi Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	350
7	Từ Trường THPT Trần Quốc Tuấn đến cổng Trường Tiểu học xã Quang Sơn	400
8	Từ đường nhựa xóm Xuân Quang I vào xóm Na Lay đi xã Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	250
9	Trục đường từ xóm Viên Ván vào xóm Đồng Chuồng đi xã La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	200
V	THỊ TRẤN SÔNG CẦU	

1	Từ QL1B đến đường tròn thị trấn Sông Cầu	
1.1	Từ giáp đất xã Hóa Trung đến cách cổng trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu 100m	600
1.2	Từ cách cổng trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu 100m đến ngã tư đường tròn Thị trấn Sông Cầu	800
2	Từ ngã tư đường tròn Thị trấn đến bình phong xóm Liên cơ đi xóm 9	600
3	Từ ngã tư đường tròn Thị trấn đến chân đồi cây trám xóm Tân Tiến	500
4	Từ chân đồi cây trám xóm Tân Tiến đến hết đường nhựa xóm 5	300
5	Từ ngã tư đường tròn thị trấn + 100m đi Trung tâm Văn hoá thể thao thị trấn	400
6	Từ bình phong xóm Liên cơ đi xóm 4 đến QL1B	500
7	Từ bình phong xóm Liên cơ đến đỉnh dốc đồi cây giang	350
8	Từ bình phong xóm 4 đi xóm La Mao đến ngã ba xóm 9	300
9	Từ đồi cây giang đến cầu treo xóm 7	300
10	Từ ngã ba trạm y tế đến trạm bơm	350
11	Từ ngã ba trạm y tế đến cổng Trường THCS	400
12	Các tuyến đường rẽ bê tông, nhựa từ đường chính vào 300m có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	300
13	Các trục đường bê tông, nhựa còn lại mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
14	Các trục còn lại chưa bê tông hoặc nhựa thuộc thị trấn Sông Cầu có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	200
VI	XÃ LINH SƠN	
1	Đường 269 đến cầu treo Bến Oánh (cả 2 nhánh)	800
2	Từ ngã ba Hùng Vương đến cầu phao Ngọc Lâm	300

3	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	250
4	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m đường đất có mặt đường rộng $\geq 3,0\text{m}$	200
5	Các trục đường trong khu tái định cư số 1	400
6	Các trục đường trong khu tái định cư số 4	600
VII	XÃ NAM HOÀ	
1	Từ đường 269 đi xã Huống Thượng (hết địa phận xã Nam Hòa)	500
2	Từ đường 269 đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Nam Hòa)	500
3	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	250
4	Các đường rẽ từ đường 269 vào 200m đường đất có mặt đường rộng $\geq 3,0\text{m}$	200
VIII	THỊ TRẤN TRẠI CAU	
1	Từ đường 269 vào cổng UBND xã Tân Lợi	500
2	Từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau	1.000
3	Từ ga 48 đến ngầm xã Cây Thị	400
4	Từ cổng mỏ sắt Trại Cau đến nhà văn hóa số 7, 8	600
5	Các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m	
5.1	Từ cầu Thác Lạc đến điểm đầu đường đô thị Trại Cau	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$)	450
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3\text{m}$)	350
5.2	Từ điểm đầu đường đô thị Trại Cau đến cầu Đợi Chờ	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$)	500

-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3\text{m}$)	400
5.3	Từ cầu Đọi Chờ đến cầu Đă	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$)	400
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3\text{m}$)	300
6	Các tuyến đường rẽ trên đoạn đường từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau vào 200m	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$)	400
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3\text{m}$)	300
7	Đường tránh thị trấn Trại Cau	500
8	Các trục đường trong khu TĐC mỏ tầng sâu Núi Quặng	
-	Đường trục chính từ ĐT 269 đi vào	600
-	Các nhánh rẽ từ trục chính	400
IX	XÃ TÂN LỢI	
1	Các tuyến rẽ từ đường 269 vào 200m	
1.1	Đường bê tông hoặc nhựa mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	220
1.2	Đường chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,0\text{m}$)	200
2	Từ UBND xã Tân Lợi đi Phú Bình đến hết đất xã Tân Lợi	300
X	XÃ HỢP TIẾN	
1	Từ cách UBND xã Hợp Tiến + 500m đi Tân Thành, Phú Bình	600
2	Cách UBND xã Hợp Tiến 500m đi Tân Thành, Phú Bình đến hết đất Hợp Tiến	300
3	Từ đường 269 đi hồ cặp kè (đường bê tông)	200
4	Từ đường 269 đi xóm Đèo Hanh vào 200m	200
5	Từ đường 269 qua chợ Hợp Tiến 50m (đường nhựa)	600
6	Từ cách chợ Hợp Tiến 50m đến ga Hợp Tiến	500
XI	XÃ CÂY THỊ	

1	Từ giáp đất Trại Cau đến cổng UBND xã Cây Thị	400
2	Từ cổng UBND xã Cây Thị đến cống Khe Tuyền I	350
3	Từ cống Khe Tuyền I đến ngầm tràn đền Ông Thị	300
4	Từ ngầm tràn đền Ông Thị đến chân dốc Cổng Trời (đường đi xã Văn Hân)	250
XII	XÃ HÒA BÌNH	
1	Cổng chợ Hòa Bình + 200m về ba phía	800
2	Qua cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Văn Lăng	300
3	Cách cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Tân Long	400
4	Cách cổng chợ Hòa Bình 200m đến giáp cầu phố Hích	450
5	Từ cầu phố Hích đến giáp đất xã Minh Lập	350
XIII	XÃ MINH LẬP	
1	Từ Cổng chợ Trại Cài + 200m về hai phía	800
2	Từ cách cổng chính chợ Trại Cài 200m đi Cầu Mơn (hết đất xã Minh Lập)	400
3	Từ Ngã ba xóm Sông Cầu đến nhà văn hóa xóm Sông Cầu	250
4	Từ ngã tư chợ Trại Cài đi xã Hòa Bình (hết đất xã Minh Lập)	400
5	Từ ngã tư Chợ Trại Cài đến ngã ba Cà Phê 2	400
6	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến bến đò Cà Phê 2 (Toàn Thắng)	300
7	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến Cổng làng Cà Phê 2	350
8	Từ cổng làng Cà Phê 2 qua UBND xã đến giáp đất xã Hoá Thượng	400
9	Từ đường Hoá Thượng - Hoà Bình rẽ đến NVH xóm Hang Ne	200
10	Từ cổng UBND xã Minh Lập + 200m đi xóm Ao Sơn	200
11	Từ ngã ba xóm Na Ca đến ngã ba Trường THCS Minh Lập	300
12	Từ ngã ba gốc đa đi Tân Lập (hết đất xã Minh Lập)	300
13	Từ ngã ba xóm Đoàn Kết + 200m đi làng Chu, Theo Cày	200
14	Từ ngã ba xóm Cầu Mơn 2 + 200m đi La Đà	200

15	Từ ngầm Cà Phê vào 200m đi Đồng Sẻ	200
16	Từ ngã ba xóm Bà Đanh vào 200m đi xóm Bà Đanh 1 + 2	300
XIV	XÃ KHE MO	
1	Trục đường từ cầu Linh Nham đi Đèo Khế gặp đường QL1B	
1.1	Từ cầu Linh Nham + 100m đi về phía Khe Mo	700
1.2	Cách cầu Linh Nham 100m đến giáp kiốt xăng dầu Bắc Thái	500
1.3	Từ đất kiốt xăng dầu Bắc Thái đến cầu xi măng Khe Mo	600
1.4	Từ cầu xi măng Khe Mo đi Đèo Khế gặp đường QL1B (hết địa phận xã Khe Mo)	300
2	Đường Khe Mo đi xã Văn Hán	
2.1	Ngã ba chợ Khe Mo + 100m đường đi xã Văn Hán	600
2.2	Cách ngã ba chợ Khe Mo 100m đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Khe Mo)	250
2.3	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Hải Hà) đến Cầu Sắt	200
2.4	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Ao Rôm II) đến D1 lữ đoàn 575	200
XV	XÃ VĂN HÁN	
1	Tuyến Khe Mo - Đèo Nhâu	
1.1	Từ giáp đất Khe Mo đến cách chợ Văn Hán 100m	250
1.2	Đoạn từ cổng chợ Văn Hán đi về 2 phía 50m	800
1.3	Đoạn từ cách cổng chợ Văn Hán 50m đi tiếp 50m	400
1.4	Đoạn từ Ngã ba Phả Lý đến cột điện phân tuyến Phả Lý - Thái Hưng	300
1.5	Đoạn từ cột điện phân tuyến Phả Lý - Thái Hưng đến suối Cầu Mai	200
1.6	Đoạn từ suối Cầu Mai đến chân Đèo Nhâu	200
2	Tuyến ngã ba Phả Lý đi Thịnh Đức	
2.1	Đoạn từ Ngã ba xóm Phả Lý đến trạm biến thế xóm Phả Lý	600

2.2	Đoạn từ trạm biến thế xóm Phả Lý đến xóm Thịnh Đức 1	200
3	Tuyến Vân Hoà đi xã Nam Hoà	
3.1	Đoạn từ ngã ba xóm Vân Hoà đến ngã ba đường rẽ xóm La Cùm	300
3.2	Đoạn ngã ba xóm La Cùm đi xã Nam Hoà (hết đất xã Văn Hán)	200
XVI	XÃ HUỐNG THƯỢNG	
1	Cầu treo xã Huống Thượng đến ngã tư xóm Hóc	800
2	Từ ngã tư xóm Hóc đến giáp đất xã Nam Hoà	600
3	Từ ngã tư xóm Hóc đến Cầu treo xóm Sộp	200
4	Từ Cầu phao xóm Huống Trung đến đội 18 xóm Huống Trung (đường đi sang xã Linh Sơn)	200
5	Từ cổng làng xóm Trám đi xóm Huống Trung (toàn tuyến)	200
6	Từ cầu treo Huống Thượng đi xóm Cậy (toàn tuyến)	200
7	Từ cổng làng xóm Bầu đến nhà văn hoá xóm Bầu	200
8	Từ UBND xã Huống Thượng đi Trường Dạy nghề QKI (hết đất xã Huống Thượng)	200
XVII	XÃ VĂN LĂNG	
1	Từ cầu treo Khe Tiên đi xã Hòa Bình (hết đất xã Văn Lăng)	
1.1	Từ giáp đất xã Hòa Bình đi cầu treo Văn Lăng	300
1.2	Từ cầu treo Văn Lăng đi ngã ba Văn Lăng	250
1.3	Ngã ba Văn Lăng đi cầu treo Khe Tiên	500
1.4	Từ cầu treo Khe Tiên đi hết xóm Liên Phương	200
1.5	Ngã ba Văn Lăng đi hết đất Trường THCS Văn Lăng	300
1.6	Từ hết đất Trường THCS Văn Lăng đến giáp đất xã Phú Đô (Phú Lương)	200

XVIII	XÃ TÂN LONG	
1	Từ cổng UBND xã đến cầu tràn Làng Mới	600
2	Từ cổng UBND xã đến đường rẽ vào trạm biển áp xóm Làng Mới	600
3	Từ đường rẽ vào Trạm biển áp xóm Làng Mới đến giáp đất xã Quang Sơn	350
4	Từ cầu tràn liên hợp xóm Làng Mới đến giáp đất xã Hòa Bình	350
5	Từ ngã ba cầu tràn đến Đài tưởng niệm xã Tân Long	300
6	Từ Đài tưởng niệm xã Tân Long đến cầu tràn liên hợp xóm Đồng Mây	200
7	Từ cầu tràn liên hợp xóm Đồng Mây đến ngã ba Nhà văn hóa xóm Làng Giếng	250
8	Từ ngã ba xóm Luông đi xã Quang Sơn	300

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Xã: Hóa Thượng	260	240	220	200
Các xã: Quang Sơn, Linh Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Huống Thượng, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	190	170	150	130
Các xã: Văn Hán, Văn Lãng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	170	150	130	110

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1 điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 06

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐẠI TỪ GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 37	
I	Trục đường chính từ giáp đất huyện Phú Lương đến đèo Khế giáp đất huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	

1	Từ giáp đất huyện Phú Lương đến đường rẽ vào UBND xã Cù Vân	1.100
2	Từ đường rẽ UBND xã Cù Vân đến cầu Rùm xã Cù Vân	2.000
3	Từ cầu Rùm xã Cù Vân đến cầu Khe Lạnh	1.700
4	Từ cầu Khe Lạnh đến đường tàu cắt ngang Xóm 11 xã Hà Thượng	5.000
5	Từ đường tàu cắt ngang Xóm 11 xã Hà Thượng đến Km số 17 + 200m Thái Nguyên - Đại Từ	3.000
6	Từ Km số 17+ 200m Thái Nguyên - Đại Từ đến cầu suối Cát	3.500
7	Từ nhà ông Hùng (dốc Đình) đến hết Kiốt xăng dầu cũ	2.000
8	Từ kiốt xăng dầu cũ đến cầu Đầm Phủ	3.000
9	Từ cầu Đầm Phủ đến đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	3.500
10	Từ đường rẽ vào Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Huy Ngạc	4.500
11	Từ đầu cầu Huy Ngạc đến đường rẽ xóm Táo thị trấn Hùng Sơn	7.000
12	Từ đường rẽ xóm Táo thị trấn Hùng Sơn đến cổng Cầu Bò	7.500
13	Từ cổng Cầu Bò đến kiốt xăng số 19 (đối diện nghĩa trang thị trấn Đại Từ cũ)	8.000
14	Từ kiốt xăng số 19 (đối diện nghĩa trang thị trấn Đại Từ cũ) đến đường rẽ vào xóm Gò	6.500
15	Từ đường rẽ vào xóm Gò đến cầu Đen	5.000
16	Từ cầu Đen đến trạm biến áp xã Tiên Hội	4.000
17	Từ trạm biến áp xã Tiên Hội đến đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội	4.300
18	Từ đường rẽ vào nghĩa trang xã Tiên Hội đến cầu Suối Long	3.500
19	Từ cầu Suối Long đến đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc Đỏ)	3.500
20	Từ đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc đỏ) đến cầu Điệp	2.500
21	Từ cầu Điệp đến hết đất xã Tiên Hội (giáp đất xã Bản ngoại)	1.500

22	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến cống Tiêu Ba Giăng	2.000
23	Từ cống tiêu Ba Giăng đến đường rẽ vào xã La Bằng	1.300
24	Từ đường rẽ vào xã La Bằng đến hết đất xã Bản Ngoại	1.000
25	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến cách ngã ba Khuôn Ngàn 150m (về phía xã Bản Ngoại)	1.500
26	Từ cách Ngã ba Khuôn Ngàn 150m (về phía xã Bản Ngoại) đến qua đường tàu cắt ngang 100m	2.500
27	Từ qua đường tàu cắt ngang 100m đến đỉnh Dốc Mon	1.500
28	Từ đỉnh Dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng) đến qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m	2.500
29	Từ qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m đến cầu Trà (hết đất xã Phú Xuyên)	1.800
30	Từ cầu Trà đến cầu Tây xã Yên Lãng	1.500
31	Từ cầu Tây xã Yên Lãng đến ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc	1.800
32	Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Tiền Đốc đến cổng Trường Tiểu học Yên Lãng 1	2.500
33	Từ cổng Trường Tiểu học Yên Lãng 1 đến qua kiốt xăng Yên Lãng 300m	1.500
34	Từ qua kiốt xăng Yên Lãng 300m đến hết đất xã Yên Lãng (giáp đất huyện Sơn Dương - Tuyên Quang)	450
II	Trục phụ Quốc lộ 37	
1	Từ Quốc lộ 37 đi vào xã An Khánh	
1.1	Từ Quốc lộ 37 đến cầu Suối Huyền (hết đất xã Cù Vân)	800
1.2	Từ cầu Suối Huyền (giáp đất xã Cù Vân) đến đường rẽ Trại giống lúa An Khánh	650
1.3	Từ đường rẽ Trại giống lúa An Khánh đến Trường THCS xã An Khánh	500
1.4	Từ ngã 3 Làng Ngò xã An Khánh đến cầu Bà Yểng (hết đất xã An Khánh)	
1.4.1	Từ Trường THCS xã An Khánh đến cầu Xạc Bi	700
1.4.2	Từ cầu Xạc Bi đến ngã tư xóm Tân Tiến	750

1.4.3	Từ ngã tư xóm Tân Tiến đến cầu Bà Yểng (hết đất xã An Khánh)	750
1.5	Đường Cù Vân - An Khánh	
1.5.1	Từ ngã ba (Trung tâm giống thủy sản Thái Nguyên - đường rẽ vào đường Cù Vân - An Khánh đoạn bổ sung) đến cầu xóm Đát	400
1.5.2	Từ cầu xóm Đát đến cầu Đồng Khuôn	500
1.5.3	Từ cầu Đồng Khuôn đến ngã ba xóm Đầm (<i>tiếp giáp đường Cù Vân - An Khánh giai đoạn 1</i>)	600
1.5.4	Từ ngã ba trạm bơm xóm Đồng Sầm đến ngã ba đường rẽ vào trường Tiểu học xã An Khánh	400
2	Từ Quốc lộ 37 vào Kho K9 xã Cù Vân	
2.1	Từ Quốc lộ 37 vào 100m	1.000
2.2	Qua 100m đến 300m	800
2.3	Qua 300m đến cổng kho K9	500
2.4	Từ cổng kho K9 đến ngã ba bảng tin Xóm 12 + 13 xã Cù Vân	300
3	Từ Quốc Lộ 37 đi vào Mỏ than Phấn Mễ	
3.1	Từ Quốc Lộ 37 đến nhà cân mỏ than Phấn Mễ	2.000
3.2	Từ nhà cân mỏ than Phấn Mễ đến hết đất xã Hà Thượng	1.000
3.3	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến giáp đất vành đai M3 - BLC	600
3.4	Từ giáp đất vành đai M3 - BLC đến cầu Đát Ma (giáp đất huyện Phú Lương)	500
4	Từ Quốc Lộ 37 vào đến nhà văn hóa Xóm 13, và lô 2, lô 3 khu quy hoạch Văn phòng Mỏ than Làng Cẩm	2.000
5	Từ Quốc Lộ 37 vào hết đường bê tông Xóm 5 xã Hà Thượng	1.700
6	Từ Quốc Lộ 37 vào đến cầu Cau Xóm 9 xã Hà Thượng	1.000
7	Từ Quốc Lộ 37 vào Trường Tiểu học xã Hà Thượng	1.000
8	Từ Quốc Lộ 37 vào Kho Muối xã Hà Thượng (Xóm 6 + Xóm 7)	
8.1	Từ Quốc Lộ 37 vào tới đường tàu cắt ngang (bao gồm khu quy hoạch dân cư xóm 6 + 7)	1.000

8.2	Từ đường tàu cắt ngang đến cổng Kho Muối	500
9	Từ Quốc Lộ 37 (đường mỏ Thiếc) đi qua UBND xã Phục Linh sang xã Tân Linh	
9.1	Từ Quốc Lộ 37 vào đến hết đất xã Hà Thượng	500
9.2	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến qua cổng UBND xã Phục Linh 200m (đường đi Tân Linh)	550
9.3	Từ qua cổng UBND xã Phục Linh 200m đến ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh	400
9.4	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh đến giáp đất xã Tân Linh (hết đất xã Phục Linh)	500
9.5	Từ ngã ba xóm Soi đến cầu Sung	400
9.6	Từ ngã ba xóm Khuôn 3 đến trạm điện số 35	350
9.7	Từ ngã ba xóm Mận (đi qua cổng kho KV3) đến hết đất xã Phục Linh giáp đất xã Hà Thượng	500
10	Từ Quốc lộ 37 vào xã Tân Linh đi Phục Linh	
10.1	Từ đỉnh dốc Đá đến cách ngã ba cầu Suối Bột 150m	500
10.2	Từ ngã ba cầu Suối Bột + 150m về ba phía	700
10.3	Qua ngã ba cầu Suối Bột 150m đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phục Linh)	600
10.4	Qua ngã ba cầu Suối Bột 150m đến cầu Vực Xanh xã Tân Linh	600
10.5	Từ cầu Vực Xanh xã Tân Linh đến cổng UBND xã Tân Linh + 350m	1.000
10.6	Qua cổng UBND xã Tân Linh 350m đến ngã ba Kiến Linh	700
10.7	Từ ngã ba Kiến Linh đến cổng Xóm 6, xã Tân Linh	1.000
10.8	Từ cổng Xóm 6, xã Tân Linh đến cách ngã tư Thái Linh 150m	600
10.9	Từ cách ngã tư Thái Linh 150m đến cầu bê tông Xóm 3, xã Tân Linh	800
10.10	Từ cầu bê tông Xóm 3, xã Tân Linh đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phú Lạc)	500
11	Từ Quốc Lộ 37 đi qua Trường THCS thị trấn Hùng Sơn đến giáp đường đi xóm Đồng Cả	1.800

12	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất nhà ông Nguyễn xóm Xuân Đài	
12.1	Từ Quốc Lộ 37 đến nhà ông Thâu (ngã tư đường bê tông Xóm 18)	1.500
12.2	Từ hết đất nhà ông Thâu (ngã tư đường bê tông Xóm 18) đến ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy	1.000
12.3	Từ ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy đến hết đất ở nhà ông Nguyễn xóm Xuân Đài	800
13	Từ Quốc Lộ 37 vào xóm Táo thị trấn Hùng Sơn	
13.1	Từ Quốc Lộ 37 đến đường Nam Sông Công	2.500
13.2	Trục đường Nam Sông Công	3.500
13.3	Nhánh đường Nam Sông Công - Đoạn từ Đường Nam Sông Công đến hết đất nhà ông Trường	1.000
14	Từ Quốc Lộ 37 đến cổng Trường PTTH Đại Từ	3.000
15	Từ Quốc lộ 37 vào 100m (nhà ông Lưu) Xóm 4 thị trấn Hùng Sơn (đối diện đường rẽ vào Trường PTTH Đại Từ)	1.200
16	Đất ở thuộc lô 2 sau bến xe khách Đại Từ	2.000
17	Từ Quốc Lộ 37 vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Trung tâm Y tế Đại Từ	
17.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường rẽ Trường Mầm non thị trấn Hùng Sơn	5.500
17.2	Từ đường rẽ Trường Mầm non thị trấn Hùng Sơn đến ngã tư đường vào cổng phụ trường THPT Đại Từ	3.500
17.3	Từ ngã tư đường vào cổng phụ trường THPT Đại Từ đến giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	3.000
17.4	Từ đường 261(cầu Gò Sơn) đến cổng phụ trường THPT Đại Từ	2.200
18	Từ Quốc lộ 37 (cạnh trạm điện) vào đến hết đất nhà ông Dương Đình Từ	2.000
19	Từ Quốc lộ 37 (đoạn ngã ba Bưu điện huyện Đại Từ đi khỏi đoàn thể) ra đường Quốc lộ 37 đối diện đường đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	2.000
20	Từ Quốc lộ 37 (cầu Tây Phố Mới) đến cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ	2.500
21	Từ Quốc lộ 37 (đối diện Ngân hàng nông nghiệp huyện Đại Từ) vào đến nhà ông Tâm	2.000
22	Từ Quốc lộ 37 vào đến cổng UBND huyện Đại Từ	3.000

23	Đường từ Quốc lộ 37 (ngã ba Bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
23.1	Từ Quốc lộ 37 (ngã 3 Bách Hoá) đến cầu Thông	4.000
23.2	Từ cầu Thông đến hết đất khu di tích 27/7	3.000
23.3	Từ hết đất khu di tích 27/7 đến đường rẽ xóm Gò	1.700
23.4	Từ đường rẽ xóm Gò đến hết đất thị trấn Hùng Sơn	1.200
23.5	Từ giáp đất thị trấn Hùng Sơn đến đường rẽ Nhà văn hoá xóm Hoà Bình, xã Khôi Kỳ	800
23.6	Từ đường rẽ Nhà văn hoá xóm Hoà Bình đến đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thuỷ	700
23.7	Từ đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thuỷ đến cầu Đức Long xã Khôi Kỳ	550
23.8	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến UBND xã Mỹ Yên + 200m	
23.8.1	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn)	400
23.8.2	Từ trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn) đến UBND xã Mỹ Yên + 200m	600
23.9	Từ UBND xã Mỹ Yên + 200m đến giáp đất xã Văn Yên	400
24	Các nhánh của trục đường từ QL 37 (ngã ba bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
24.1	Tuyến nối từ đường Đại Từ - Mỹ Yên đến đường Phố Mới	2.000
24.2	Từ trục đường vào đến cổng Trung tâm Chính trị (+) 50m	1.500
24.3	Từ giáp đất 27 tháng 7 đến cổng Trường PTTH cũ	600
24.4	Từ nhà văn hoá xóm 11 thị trấn Hùng Sơn đến tiếp giáp đường vào Trường THPT cũ	600
24.5	Đường bê tông từ giáp đất nhà ông Thuỷ đến UBND xã Khôi Kỳ	300
24.6	Từ trạm điện số 2 xã Khôi Kỳ đến ngã ba Nhà văn hoá xóm Gò Miều (tiếp giáp đường 5 xã)	250
24.7	Từ ngã ba (giáp nhà ông Lê Bá Đông - xóm Đức Long) đến trạm điện số 2 xã Khôi Kỳ	300

24.8	Từ tràn 2 (tiếp giáp đất xã Mỹ Yên) đến tràn 7 giáp đất xã Hoàng Nông (đường 5 xã)	300
24.9	Từ ngã tư (ông Hoà) đến ngã ba tràn Na Giai	
24.9.1	Từ ngã tư (ông Hoà) + 500m	350
24.9.2	Qua ngã tư (ông Hoà) + 500m đến ngã ba Tràn Na Giai	300
24.9.3	Từ trạm điện Na Hang đến giáp đất xã Khôi Kỳ	250
25	Từ Quốc lộ 37 vào Nhà máy nước	
25.1	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất nhà máy nước	2.500
25.2	Từ hết đất nhà máy nước đến giáp bờ sông	600
26	Từ Quốc lộ 37 vào trường Tiểu học Hùng Sơn I	
26.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất ô P7 (khu tái định cư Hùng Sơn III)	3.500
26.2	Từ hết đất ô P7 (khu tái định cư Hùng Sơn III) đến hết đất nhà ông Đàm	1.500
26.3	Từ đến hết đất nhà ông Đàm - đến trường Tiểu học Hùng Sơn I	1.800
27	Từ Quốc lộ 37 vào khu tái định cư Hùng Sơn III	
27.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất ô M4	3.500
27.2	Từ ô N9 đến ô A1	2.500
27.3	Các tuyến đường còn lại trong khu quy hoạch tái định cư Hùng Sơn III	2.000
28	Từ Quốc lộ 37 đến nhà văn hoá xóm Phố Dầu xã Tiên Hội	1.200
29	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Tiểu học xã Tiên Hội	1.200
30	Từ Quốc lộ 37 (Dốc Đỏ) vào xã Hoàng Nông	
30.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội	800
30.2	Từ hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội đến hết đất xã Tiên Hội	700
30.3	Từ Quốc lộ 37 vào 150m (đường bê tông xóm Đại Quyết)	600
30.4	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông	500

30.5	Từ ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông đến Trạm kiểm lâm Hoàng Nông	600
30.6	Từ Trạm kiểm lâm Hoàng Nông đến đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông	500
30.7	Từ đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông đến cống qua đường (giáp nhà ông Ngôn)	350
30.8	UBND xã Hoàng Nông (+, -) 200m về hai phía	350
31	Nhánh của tuyến đường liên xã Tiên Hội - Hoàng Nông	
31.1	Từ trạm điện số 3 xã Hoàng Nông đến cầu tràn số 7 (giáp đất xã Khôi Kỳ) - Tuyến đường 5 xã	350
31.2	Từ trạm điện số 2 xã Hoàng Nông đến giáp đất xã La Bằng (tuyến đường 5 xã)	350
32	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến cầu treo xã Phú Lạc	
32.1	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến đường rẽ đi cầu Treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh)	600
32.2	Từ đường rẽ đi cầu Treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến cầu treo xã Phú Lạc	300
33	Từ đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp xã Phú Thịnh)	400
34	Từ Quốc lộ 37 (cổng Trạm Y tế) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	
34.1	Từ Quốc lộ 37 (cổng Trạm Y tế) đến ngã tư xóm Phố xã Bản Ngoại	300
34.2	Từ ngã tư xóm Phố xã Bản Ngoại đi Đàm Bàng hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	250
35	Từ Quốc lộ 37 đến khu di tích lịch sử xóm Đàm Mua xã Bản Ngoại	300
36	Từ ngã ba nhà ông Việt xóm Đàm Bàng đến hết đất xã Bản Ngoại giáp xã Tân Linh	200
37	Từ giáp đất nhà ông Thi (xóm Na Mạn) đi xóm Cao Khản giáp xã Tiên Hội	200

38	Từ cổng tiêu Ba Giăng đi xã Tiên Hội - Hoàng Nông đến hết đất xã Bản Ngoại (đường liên xã Bản Ngoại - Tiên Hội - Hoàng Nông)	300
39	Từ ngã 3 (nối Quốc lộ 37 đi di tích Đầm Mua) đến hết đất Bản Ngoại và hết đất xã Hoàng Nông)	300
40	Từ Quốc Lộ 37 đi vào xã La Bằng	
40.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết xã Bản Ngoại (giáp đất xã La Bằng)	600
40.2	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến trạm biển áp xóm Lau Sau	300
40.3	Từ trạm biển áp xóm Lau Sau đến cổng trường Mầm non xã La Bằng	350
40.4	Từ cổng trường Mầm non xã La Bằng đến ngã ba cây Si + 100m (đi Phú Xuyên) + 100m đi xóm Rừng Vần	800
40.5	Từ ngã ba cây Si + 100m (đường đi xã Phú Xuyên) đến hết đất xã La Bằng	350
40.6	Từ ngã ba cây Si + 100m đến Trạm biển áp xóm Rừng Vần	350
40.7	Từ trạm biển áp xóm Rừng Vần đến đường rẽ xóm Tiến Thành xã La Bằng	250
40.8	Từ đường rẽ xóm Tiến Thành xã La Bằng đến Đập Kẹm xã La Bằng	220
40.9	Nhánh của trục đường từ QL 37 đi xã La Bằng	
40.9.1	Từ trục đường đến khu di tích thành lập Đảng (xã La Bằng)	300
40.9.2	Giáp đất xã Hoàng Nông đến cầu Trần Non Bẹ	220
41	Từ Quốc lộ 37 (Dốc Mon) đến hết đất xã Phú Xuyên (giáp xã La Bằng)	700
42	Từ Quốc Lộ 37 vào trạm Y tế cũ xã Phú Xuyên	400
43	Từ Quốc Lộ 37 (cây Đa đôi) vào UBND xã Na Mao	
43.1	Từ Quốc lộ 37 (cây Đa đôi) đi xã Na Mao, vào 200m	600
43.2	Từ cách Quốc lộ 37 vào 200m đến UBND xã Na Mao	300
43.3	Từ UBND xã Na Mao đến ngã tư (giáp đường Na Mao - Phú Cường - Đức Lương)	350

44	Từ Quốc lộ 37 (Đường đi Tượng đài thanh niên xung phong) đến hết đất xã Yên Lãng	
44.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường đi Tượng đài thanh niên xung phong	400
44.2	Từ đường đi Tượng đài thanh niên xung phong đến hết đất xã Yên Lãng	300
44.3	Từ Quốc lộ 37 (đường Nguyễn Huệ) đến ngã tư xóm Giữa xã Yên Lãng	500
45	Từ Quốc lộ 37 đến nhà Văn hoá xóm Khuôn Nanh	250
46	Từ Quốc Lộ 37 đi vào Mỏ than Núi Hồng xã Yên Lãng	
46.1	Từ Quốc lộ 37 (từ ngã ba Chợ Yên Lãng) đến hết đất chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Yên Lãng	2.200
46.2	Từ giáp đất chi nhánh Ngân hàng đến cổng văn phòng Mỏ than Núi Hồng	1.800
46.3	Từ cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng đến đường rẽ vào Bàn Cân	750
46.4	Từ đường rẽ vào Bàn Cân đến núi đá Vôi (xóm cây Hồng)	450
46.5	Nhánh từ cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng đến tập thể Mỏ (Khu B)	350
B	TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	Đường 270 (Từ quốc Lộ 37 đi Hồ Núi Cốc)	
1	Từ Quốc Lộ 37 vào 300m	1.500
2	Cách Quốc Lộ 37 300m đến hết đất thị trấn Hùng Sơn giáp xã Tân Thái	1.000
3	Từ giáp đất thị trấn Hùng Sơn đến cổng qua đường nhà ông Năm Thuý	800
4	Từ cổng qua đường nhà ông Năm Thuý đến Suối Lạc	1.100
5	Từ Suối Lạc đến cổng qua đường Đầm ông Cầu	1.600
6	Từ cổng qua đường Đầm ông Cầu đến cổng qua đường nhà ông Ninh xóm Gốc Mít	3.000

7	Từ cổng qua đường nhà ông Ninh xóm Góc Mít đến hết đất xã Tân Thái	2.000
II	Đường 261 (ngã ba Bưu điện huyện Đại Từ đi Quân Chu)	
1	Từ Quốc Lộ 37 đến đường rẽ (hết đất nhà ông Ngô Duy Khang)	8.000
2	Từ đường rẽ (hết đất nhà ông Ngô Duy Khang) đến cầu Gò Son	5.500
3	Từ cầu Gò Son đến ngã 3 sân vận động	3.000
4	Từ ngã 3 sân vận động đến cầu Suối Tám	3.500
5	Từ cầu suối Tám đến cầu Cỏ Trâu	3.300
6	Từ cầu Cỏ Trâu đến hết đất xã Bình Thuận	2.200
7	Từ giáp đất xã Bình Thuận đến cầu Đầu xã Lục Ba (Km 3 + 600)	1.300
8	Từ cầu Đầu xã Lục Ba (Km3 + 600) đến đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm Đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300)	2.000
9	Từ đường rẽ vào nghĩa địa Gò Chùa xóm đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300) đến đường rẽ vào xóm Gò Lớn xã Lục Ba (Km5 + 500)	1.400
10	Từ đường rẽ vào xóm Gò Lớn (Km5 + 500) đến hết đất xã Lục Ba (Km7 + 100)	1.000
11	Từ giáp đất xã Lục Ba đến đường rẽ vào xã Vạn Thọ	700
12	Từ đường rẽ vào xã Vạn Thọ đến cầu treo (xóm Cả xã Ký Phú)	1.000
13	Từ cầu Treo (xóm Cả xã Ký Phú) đến hết đất xã Ký Phú	700
14	Từ giáp đất xã Ký Phú đến đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Trung Nhạng	400
15	Từ đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Trung Nhạng đến Đồng Đàm Tranh, xóm Nông Trường	450
16	Từ Đồng Đàm Tranh, xóm Nông Trường đến ngàm tràn 3 Gò (hết đất xã Cát Nê)	400
17	Từ Ngàm tràn 3 Gò đến đường rẽ UBND xã Quân Chu	350

18	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu đến hết đất trường THCS xã Quân Chu	600
19	Từ hết đất trường THCS xã Quân Chu đến đường rẽ Xóm 2 thị trấn Quân Chu	600
20	Từ đường rẽ Xóm 2 thị trấn Quân Chu đến cổng trường Tiểu học thị trấn Quân Chu	350
21	Từ cổng trường Tiểu học thị trấn Quân Chu đến cầu suối Đồi	500
22	Từ cầu suối Đồi đến cầu suối Liêng xã Quân Chu	400
III	Trục phụ đường 261	
1	Từ cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ đến cổng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ	3.500
2	Từ trục đường 261 đến cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	3.500
3	Từ cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ đến nhà Khí tượng cũ	2.000
4	Các đường còn lại trong quy hoạch dân cư Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1.000
5	Từ đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ đến Trung tâm y Tế Đại Từ	2.000
6	Từ đường 261 vào Trường THPT cũ (xóm Phú Thịnh thị trấn Hùng Sơn)	
6.1	Từ đường 261 vào 100m	1.200
6.2	Từ đường 261 vào 100m đến giáp sân thể thao Trường PTTH cũ	800
7	Từ đường 261 vào 300m (đi xóm Bình Xuân) xã Bình Thuận	600
8	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Trại) xã Bình Thuận	500
9	Từ đường 261 vào 350m đi Trường Mầm non, Tiểu học Bình Thuận	600
10	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Chùa) xã Bình Thuận	500
11	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thanh Phong) xã Bình Thuận	400
12	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thuận Phong) xã Bình Thuận	400
13	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Tiến Thành) xã Bình Thuận	500

14	Từ đường 261 vào 350m đến nhà văn hoá xóm Thuận Phong	400
15	Từ đường 261 đi Trường THSC xã Lục Ba	
15.1	Từ đường 261 vào đến Trường THCS Lục Ba	600
15.2	Từ giáp đất Trường THCS đến ngã ba ông Ky xóm Thành Lập	300
15.3	Từ giáp đất Trường THCS đến Trạm biến áp xóm Văn Thanh	300
15.4	Từ đường 261 đến ngã ba nhà ông Úy (đường đi xóm Gò Lớn)	300
15.5	Từ đường 261 đến ngã tư nhà ông Huỳnh	300
16	Từ đường 261 vào xã Vạn Thọ	
16.1	Từ đường 261 vào đến cầu treo xã Vạn Thọ	500
16.2	Từ tràn Vạn Thọ đến trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m	300
16.3	Từ Trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m đến cầu Vai Say	250
16.4	Nhánh của trục đường ĐT 261 vào xã Vạn Thọ	
16.4.1	Từ đường trục xã (trạm điện Xóm 5) vào 100m	210
16.4.2	Từ đường trục xã vào 100m (đường vào Xóm 6)	210
17	Từ đường 261 vào xã Văn Yên	
17.1	Từ đường 261 đến ngã tư Gò Quếch	400
17.2	Từ ngã tư Gò Quếch đến đường vào Trường Mầm non xã Văn Yên	500
17.3	Từ đường vào Trường Mầm non xã Văn Yên đến Nhà văn hoá xóm Cầu Găng	400
17.4	Từ Nhà văn hoá xóm Cầu Găng đến hết đất xã Văn Yên (giáp đất xã Mỹ Yên)	350
18	Nhánh của trục phụ (đường ĐT 261 vào xã Văn Yên)	
18.1	Từ đường trục xã đến Chùa Già	300

18.2	Từ đường rẽ Trường Tiểu học đến Trường Mầm non	300
19	Từ đường 261 vào đến giáp hồ Gò Miếu xã Ký Phú	500
20	Từ đường ĐT 261 (sau nhà ông Sơn Cảnh) + 120m – vào xóm Đạn 1, xã Ký Phú	500
21	Từ đường ĐT 261 (nhà ông Cầu Uyên) đường bê tông xóm Soi xã Ký Phú đến Ngã ba đường rẽ sang xã Vạn Thọ (giáp nhà ông Trần Văn Thức)	500
22	Từ đường 261 đến UBND xã Quân Chu	250
23	Từ đường 261 (ngã 3 rẽ Xóm 2) đến suối Xóm 2	200
24	Từ đường 261 (ngã ba rẽ xóm Chiêm) đến ngã ba (nhà ông Nhâm) +100m	250
IV	Đường 264 từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Minh Tiến	
1	Từ Quốc Lộ 37 (ngã ba Khuôn Ngàn) đến hết đất xã Phú Xuyên	3.000
2	Từ giáp đất xã Phú Xuyên đến hết đất Trường THPT Nguyễn Huệ	2.500
3	Từ hết đất Trường THPT Nguyễn Huệ đến hết đất Trường THCS xã Phú Thịnh	700
4	Từ giáp đất Trường THCS xã Phú Thịnh đến cầu tràn Phú Minh	450
5	Từ cầu tràn Phú Minh đến ngã ba Phú Minh	800
6	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp đất xã Phú Cường)	450
7	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 800m	
7.1	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 200m (trước cửa nhà ông Ước)	500
7.2	Từ Km5 + 200m trước cửa nhà ông Ước đến Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ)	600
8	Từ Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ) đến Km 6 (thổ cư nhà ông Quyền)	500
9	Từ Km6 (thổ cư nhà ông Quyền) đến Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng)	600
10	Từ Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng) đến Km8 + 300m	450
11	Từ Km 8 + 300m đến hết đất xã Phú Cường (Km 8 + 900)	300

12	Từ giáp đất xã Phú Cường đến đầm Thắm Mỏ xã Minh Tiến	400
13	Từ đầm Thắm Mỏ xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	
13.1	Từ hết đầm Thắm Mỏ đến cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến	600
13.2	Từ cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	800
14	Từ Trạm bơm điện xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất huyện Định Hoá)	400
15	Trục phụ 264	
15.1	Nhánh từ ngã ba chợ cũ xã Minh Tiến đến trạm điện Xóm 8 xã Minh Tiến	700
15.2	Từ trạm điện Xóm 8 xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất xã Phúc Lương)	250
15.3	Từ ngã ba (giáp nhà ông Khiên) đến cầu treo sắt (đường vào trạm y tế xã Minh Tiến)	500
15.4	Từ cầu sắt (đường rẽ vào xóm Lưu Quang) đến Nhà văn hoá Xóm 1 Lưu Quang xã Minh Tiến	250
V	Đường 263 Từ ngã ba Phú Minh - Đi huyện Đại Từ	
1	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp xã Phú Lạc)	350
2	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Đức Lương)	600
3	Từ ngã ba Chợ Trung tâm xã Phú Lạc đến cầu Đá xóm cây Nhừ	500
4	Từ cầu Đá xóm Cây Nhừ đến hết đất xã Phú Lạc (giáp đất xã Tân Linh)	400
5	Từ cầu Đá xóm cây Nhừ xã Phú Lạc đi xóm Phương Nam 2, xóm Phương Nam 3 đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Bản Ngoại)	300
6	Từ ngã ba trung tâm xóm Na Hoàn đến cầu treo Làng Vòng xã Phú Lạc	300
7	Từ giáp đất xã Phú Lạc đến cách UBND xã Đức Lương 200m	250
8	Từ UBND xã Đức Lương + 200m về 2 phía	400
9	Từ UBND xã Đức Lương 200m đến ngầm cầu Tuất xã Phúc Lương	200
10	Từ ngầm cầu Tuất đến hết khu quy hoạch (giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương)	350

11	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương đến cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m	250
12	Từ cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m đến ngã ba đường đi cầu Đá Dài	300
13	Từ ngã ba đi cầu Đá Dài đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất huyện Phú Lương)	250
C	TUYẾN ĐƯỜNG NA MAO – PHÚ CƯỜNG – ĐỨC LƯƠNG	
1	Từ cầu Trần xóm Đồng Ôm xã Yên Lãng đến hết đất xã Na Mao (tiếp giáp đất xã Phú Cường)	250
2	Từ giáp đất xã Na Mao đến bờ Sông Công xã Phú Cường	300
3	Từ tiếp giáp đường ĐT 264 đến ngã ba xóm Na Quýt xã Phú Cường (trước cửa nhà ông Hoàng Văn Đường)	400
4	Từ ngã ba xóm Na Quýt xã Phú Cường (trước cửa nhà ông Hoàng Văn Đường) đến Km số 6 (trước cửa nhà ông Chư)	300
5	Km số 6 (trước cửa nhà ông Chư) đến hết đất xã Phú Cường (giáp đất xã Đức Lương)	200
6	Từ hết đất xã Phú Cường đến đường ĐT 263 (thuộc xã Đức Lương)	200
D	TUYẾN ĐƯỜNG PHÚC LƯƠNG – MINH TIẾN	
1	Từ ngã ba Mặt Giăng đến cầu Đồng Lốc xóm Bắc Máng	250
2	Từ cầu Đồng Lốc đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất xã Minh Tiến)	200
Đ	TUYẾN ĐƯỜNG PHÚ CƯỜNG – MINH TIẾN	
1	Từ giáp đường DT264 đến cầu Trần xóm Chiềng xã Phú Cường	300
2	Từ cầu Trần xóm Chiềng xã Phú Cường đến hết đường bê tông xóm Chiềng (cổng nhà ông Thịnh)	250
E	TUYẾN ĐƯỜNG NA MAO – PHÚ CƯỜNG	
1	Từ đầu cầu treo xóm Đèo đến cách trạm điện xóm Đèo 50m (về phía cầu treo xóm Đèo) xã Phú Cường	250
2	Từ cách trạm điện xóm Đèo 50m (về phía cầu treo xóm Đèo) xã Phú Cường đến cầu Đàm Vuông giáp xã Na Mao	300
3	Từ cầu Đàm Vuông xã Na Mao đến ngã tư ông Trần Đoàn Thắng	250

2. Giá đất ở nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Kỳ Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	210	190	170	150
Các xã: Bần Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phúc Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng	190	170	150	130
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	170	150	130	110

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 07

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHÚ LƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ	
I	QUỐC LỘ 3 (Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến hết đất xã Yên Ninh)	
1	Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến Km76 + 500	4.500
2	Từ Km76 + 500 đến Km77 + 500	3.800
3	Từ Km77 + 500 đến Km78 + 200 (hết đất Sơn Cẩm)	3.200
4	Từ Km78 + 200 đến Km79 + 400	2.300
5	Từ Km79 + 400 đến Km80	2.700
6	Từ Km80 đến Km81+ 600	2.000
7	Từ Km81 + 600 đến Km83 + 300 (Cầu Giang Tiên)	1.700
8	Từ Km83 + 300 (Cầu Giang Tiên) đến Km83 + 600	2.000
9	Từ Km83 + 600 đến Km85	2.500
10	Từ Km85 đến Km85 + 660 (hết đất Giang Tiên)	2.000
11	Từ Km85 + 660 đến Km86 + 500 (cổng nghĩa trang liệt sỹ xã Phấn Mễ)	2.500
12	Từ Km86 + 500 đến Km87 + 600 (đường vào Nhà văn hóa xóm Phố Giá)	2.000
13	Từ Km87 + 600 (đường vào Nhà văn hóa xóm Phố Giá) đến Km88 + 700	2000

14	Từ Km88 + 700 đến Km89 + 400	2.500
15	Từ Km89 + 400 đến Km90 (cổng bệnh viện Đa khoa huyện)	3.300
16	Từ Km90 (cổng bệnh viện Đa khoa huyện) đến Km91 + 200	5.000
17	Từ Km91 + 200 đến Km91 + 500	3.800
18	Từ Km91 + 500 đến Km92 + 450 (cổng Huyện Đội)	3.200
19	Từ Km92 + 450 đến Km93 + 100 (hết đất thị trấn Đu)	2.500
20	Từ Km93 + 100 đến Km96	2.500
21	Từ Km96 đến Km96 + 800 (hết đất Động Đạt)	1.500
22	Từ Km96 + 800 (hết đất Động Đạt) đến Km97 + 500	1.000
23	Từ Km97 + 500 đến Km99 (khu chợ xã Yên Đổ)	1.800
24	Từ Km99 (khu chợ xã Yên Đổ) đến Km99 + 900	700
25	Từ Km99 + 900 đến Km100 + 100 (Ngã ba cây số 31)	1.200
26	Từ Km100 + 100 (Ngã ba cây số 31) đến Km104 + 700 (Giáp đất Yên Ninh)	700
27	Từ Km104 + 700 (Giáp đất Yên Ninh) đến Km108 + 300	385
28	Từ Km108 + 300 đến Km110 + 400 (Cầu Suối Bén)	440
29	Từ Km110 + 400 (Cầu Suối Bén) đến Km112	660
30	Từ Km112 đến Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc)	440
31	Từ Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc) đến Km113 + 200	660
32	Km113 + 200 đến Km113 + 800 (hết đất Yên Ninh)	1.000
	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 3	
1	Từ quốc lộ 3 (Km76 + 300) đi cầu Bến Giềng đến cổng cũ Trường Đào tạo mỏ, xã Sơn Cầm	
1.1	Từ Quốc lộ 3 (Km76 + 300) + 100 vào hết đất chợ Gốc Bàng.	3.200
1.2	Sau 100m đến ngã ba sau UBND xã Sơn Cầm	2.000
1.3	Từ ngã ba sau UBND xã Sơn Cầm đến cầu Bến Giềng.	1.500
1.4	Từ ngã ba sau UBND xã Sơn Cầm đến cổng Trường Đào tạo mỏ	1.500
1.5	Nhánh rẽ từ ngã ba cổng Trường Đào tạo mỏ đến giáp bờ Sông (Cầu treo cũ)	1.000
1.6	Từ ngã 3 gần Cầu treo cũ đến cổng cũ Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	500
2	Từ Quốc lộ 3 (Km76 + 600) (trạm kiểm soát lâm sản) đến ngã ba đường rẽ Bến Giềng (ngã ba sau UBND xã Sơn Cầm)	2.000
3	Đường Quốc lộ 3 cũ (đoạn nắn đường Quốc lộ 3)	3.200
4	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Trắng 2 (đường đi trại giam Phú Sơn 4)	

4.1	Từ Quốc lộ 3 + 450m (đến cầu Trắng 1)	2.200
4.2	Từ cầu Trắng 1 đến ngã 3 xi măng	2.000
4.3	Từ ngã 3 xi măng đến cầu Trắng 2	1.700
5	Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học Sơn Cẩm I	2.200
6	Từ Quốc lộ 3 vào 150m đi kho gạo cũ	1.500
7	Từ Quốc lộ 3 đi Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	
7.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200m	550
7.2	Sau 200m đến Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	330
8	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi làng Ngói (xã Cổ Lũng)	
8.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
8.2	Sau 150m đến 500m	350
9	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi làng Phan (xã Cổ Lũng)	
9.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
9.2	Sau 150m đến 500m	350
10	Trục đường từ Quốc lộ 3 + 200m đi Đình Cháy (xã Cổ Lũng)	550
11	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Tân Long, xóm Bờ Đậu (xã Cổ Lũng)	
11.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
11.2	Sau 150m đến 500m	350
12	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên (địa phận xã Cổ Lũng)	1.100
13	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên (địa phận thị trấn Giang Tiên)	1.100
14	Từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên	
14.1	Từ Quốc lộ 3 + 300m	700
14.2	Sau 300m đến đường rẽ Nhà văn hóa tiểu khu Giang Long	400
14.3	Từ đường rẽ Nhà văn hóa tiểu khu Giang Long đến cầu Đất Ma	300
15	Từ Quốc lộ 3 đi Bãi Bông	
15.1	Từ Quốc lộ 3 đến 100m	1.100
15.2	Sau 100m đến 300m đi Bãi Bông	400
16	Từ Quốc lộ 3 rẽ đi Văn phòng mỏ than Phấn Mễ (hết đất Giang Tiên)	1.200
17	Từ Quốc lộ 3 đến bãi than 3 mỏ than Phấn Mễ	800
18	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi khu hầm lò Mỏ Phấn Mễ	300
19	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi Tân Bình (Vô Tranh)	
19.1	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà văn hóa xóm Mỹ Khánh	800
19.2	Từ Nhà văn hóa xóm Mỹ Khánh đến đầm Thiều nhi	600

20	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trường Tiểu học Phấn Mễ 1	400
21	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương.	2.000
22	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương + 500m đi Thọ Lâm	1.100
23	Từ Quốc lộ 3 đến cổng phòng Giáo dục huyện Phú Lương	2.200
24	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất khu dân cư Ngân hàng, Thương nghiệp	2.200
25	Từ Quốc lộ 3 + 250m đi Thọ Lâm (ngã ba)	1.600
26	Từ Quốc lộ 3 đến giáp đường đi Yên Lạc	
26.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.700
26.2	Từ cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đến giáp đường đi Yên Lạc	1.500
27	Từ Quốc lộ 3 đi Trường Tiểu học thị trấn Đu	
27.1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trường Tiểu học thị trấn Đu	1.600
27.2	Từ cổng Trường Tiểu học thị trấn Đu đến hết đường bê tông	1.000
28	Từ Quốc lộ 3 vào cổng Huyện đội Phú Lương	1.200
29	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Gốc Vải (hai hướng)	250
30	Đường từ Quốc lộ 3 đi kho K87B	
30.1	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Phố Trào	600
30.2	Từ hết địa phận xóm phố Trào đến hết địa phận xóm Kẽm	300
30.3	Từ hết địa phận xóm Kẽm đến Cầu Khe Nác	250
30.4	Từ Cầu Khe Nác đến hết đất Yên Đỗ	300
31	Từ Quốc lộ 3 + 300m đi xóm Bắc Bé (Yên Ninh)	330
32	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi đền Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	550
II	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B (Đoạn từ Quốc lộ 3 đến cầu Cao Ngạn)	
1	Từ ngã tư Quốc lộ 3 đến 1.000m	3.500
3	Sau 1.000m đến cầu Cao Ngạn	2.800
III	QUỐC LỘ 37 (Từ ngã ba bờ Đạu đến hết đất xã Cổ Lũng)	
1	Từ Ngã ba Bờ Đạu đến 100m	2.000
2	Sau 100m đến 500m	1.700

3	Sau 500m đến cầu Lò Bát	1.000
4	Từ Cầu Lò Bát đến hết đất xã Cổ Lũng (giáp đất Đại từ)	900
B	CÁC TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	TRỤC ĐƯỜNG 263 (Từ quốc lộ 3 đến hết đất xã Ôn Lương)	
1	Từ Km0 đến Cầu Tràn	1.700
2	Từ cầu Tràn đến Km1 + 300 (lối rẽ đi Cổ Cò)	1.200
3	Từ Km1 + 300 đến Km1 + 700 (hết đất thị trấn Đu)	1.000
4	Từ Km1 + 700 đến Km1 + 900 (hết đất Động Đạt)	1.000
5	Từ Km1 + 900 đến Km3	300
6	Từ Km3 đến Km4	370
7	Từ Km4 đến Km5 + 500	210
8	Từ Km5 + 500 đến Km6 + 800 (hết đất Phú Lý)	240
9	Từ Km6 + 800 đến Km7 + 300	240
10	Từ Km7 + 300 đến Km7 + 800 (cầu Bến Gió)	800
11	Từ Km7 + 800 đến ngã tư Ôn Lương	880
12	Từ ngã tư Ôn Lương + 100m đi Phú Lạc	880
13	Từ cách ngã tư Ôn Lương 100m đến ngã ba rẽ Nhà văn hóa xóm Xuân Trường, xã Ôn Lương	660
14	Từ ngã ba đường rẽ Nhà văn hóa xóm Xuân Trường, xã Ôn Lương đến hết đất Ôn Lương	550
II	TRỤC ĐƯỜNG 268 (Từ quốc lộ 3 đến giáp đất huyện Định Hóa)	
1	Từ Km0 đến Km0 + 100	1.100
2	Từ Km0 + 100 đến Km2	300
3	Từ Km2 đến Km2 + 400	400
4	Từ Km2 + 400 đến giáp đất Định Hoá	300
C	CÁC TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
I	Tuyến Đường Sơn Cẩm - Vô Tranh	
1	Từ cầu Bến Giềng đến ngã ba Quang Trung 2	700

2	Từ ngã ba Quang Trung 2 đến hết sân bóng xóm Hiệp Lực	500
3	Từ giáp sân bóng xóm Hiệp Lực đến ngã ba xóm Thanh Trà 1	400
4	Từ ngã ba xóm Thanh Trà 1 đến cầu Khe Húng (giáp đất Vô Tranh)	300
II	Tuyến đường Sơn Cẩm đi xã Phúc Hà (Thành phố Thái Nguyên) và xã An Khánh (huyện Đại Từ)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến gặp đường sắt	3.300
2	Từ đường sắt đến ngã ba rẽ trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên	2.700
3	Từ ngã ba rẽ trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên đến ngã tư Chợ mỏ cũ	2.200
4	Từ ngã tư chợ mỏ cũ + 200m đi 3 phía	1.700
5	Từ cách ngã tư chợ mỏ cũ 200m đến cầu Sắt (đi xã An Khánh)	1.000
6	Từ cách ngã tư chợ mỏ cũ 200m đến cầu Treo (đi xã Phúc Hà)	1.000
7	Từ cách ngã tư chợ mỏ cũ 200m đến cầu Mười Thước (đi phường Tân Long)	1.000
III	Từ Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn gặp Quốc lộ 3	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Lồng Bồng (hết đất Giang Tiên)	1.200
2	Từ cầu Lồng Bồng đến Km0 + 650m	650
3	Từ Km0 + 650m đến Km2	450
4	Từ Km2 đến Km4 + 700m (giáp đất Tức Tranh)	300
5	Từ Km4 + 700 đến Km5 (Đầm Ao Xanh)	320
6	Từ Kmsố 5 đến Km5 + 200m (hết cánh đồng Ao Xanh)	370
7	Từ Km5 + 200 đến Km6 + 100m (Cầu Đồng Chùa, xã Tức Tranh)	650
8	Km6 + 100 đến Km7 + 300m (Xí nghiệp Chè)	750
9	Từ Km7 + 300 đến Km7 + 600 (Cầu Trần)	400
10	Từ Km7 + 600 đến Km8 + 200m (hết đất Tức Tranh)	350
11	Từ Km8 + 200m đến Km9 + 300 (ngã ba đường rẽ xóm Khe Vàng 1)	200
12	Từ Km9 + 300 đến Km11 + 300 (ngã ba đường rẽ xóm Cúc Lùng)	280
13	Từ Km11 + 300 đến Km12 + 500 (ngã ba đường rẽ đi xã Văn Lãng)	220
14	Từ Km12 + 500 đến Km15 + 300 (Cầu tràn Phú Đô 2)	210
15	Từ Km15 + 300 đến Km16 + 600 (giáp xã Yên Lạc)	200
16	Từ Km16 + 600 (giáp đất Phú Đô) đến Km17 + 800	250

17	Từ Km17 + 800 đến Km18 + 300	300
18	Từ Km18 + 300 đến hết đất Yên Lạc	250
19	Từ giáp Yên Lạc đến gặp Quốc lộ 3	
19.1	Từ giáp đất Yên Lạc đến ngã ba rẽ vườn ươm (dự án 661)	500
19.2	Từ ngã ba rẽ vườn ươm (dự án 661) đến cổng nhà máy chè	600
19.3	Từ cổng nhà máy chè đến gặp Quốc lộ 3	800
IV	Trục đường Phấn Mễ - Tức Tranh	
1	Từ Quốc lộ 3 + 100m đi dốc Ông Thọ	300
2	Sau 100m đến dốc Ông Thọ (đi Tức Tranh)	200
3	Từ Đỉnh dốc Ông Thọ đến Nhà văn hóa xóm Bãi Bằng	230
4	Từ Nhà văn hóa xóm Bãi Bằng đến Cầu Trắng	300
5	Từ Cầu Trắng đến NVH xóm Đồng Hút	300
6	Từ NVH xóm Đồng Hút đến ngã ba gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	450
V	Trục đường từ Quốc lộ 3 (Phấn Mễ) - Cầu Làng Giang - đến Cầu treo Làng Cọ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trường THCS Phấn Mễ 1	900
2	Từ cổng Trường THCS Phấn Mễ 1 đến qua ngã tư Làng Bò 100m đi Làng Giang	450
3	Từ cách ngã tư Làng Bò 100m đến cách cầu Làng Giang 200m	230
4	Từ cách cầu Làng Giang 200m đến khu quy hoạch dân cư cầu Làng Giang	250
5	Từ khu Quy hoạch dân cư cầu Làng Giang đến Cầu treo Làng Cọ (giáp thị trấn Đu)	230
VI	Trục đường từ Quốc lộ 3 (thị trấn Đu) đi Làng Cọ	
1	Từ đường Quốc lộ 3 đến hết đất Tái định cư	1.700
2	Từ hết đất Tái định cư đến Cầu treo Làng Cọ	1.350
VII	Trục đường Đu - Yên Lạc	
1	Từ Bưu điện Phú Lương + 250m (đến ngã ba)	2.000
2	Từ ngã ba đến hết đất thị trấn Đu (giáp xã Động Đạt)	1.350
3	Từ giáp đất thị trấn Đu đến Km1	1.000
4	Từ Km1 đến Km3	800
5	Từ Km3 đến hết đất Động Đạt	500

6	Từ giáp đất Động Đạt đến cách UBND xã Yên Lạc 200m	300
7	Trung tâm UBND xã Yên Lạc + 200m đi 2 phía	350
8	Cách UBND xã 200m đến gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi phần	300
VIII	Trục đường liên xã Tức Tranh - Yên Lạc - Yên Đổ	
1	Từ cổng làng xóm Yên Thủy 4 đến hết đất xóm Yên Thủy 4	230
2	Từ hết đất xóm Yên Thủy 4 đến Cầu Ông Mạch	210
3	Từ Cầu Ông Mạch đến Nhà văn hoá xóm Yên Thủy 2 + 100m	230
4	Từ Nhà văn hoá xóm Yên Thủy 2 + 100m đến Cầu Yên Thủy 1	210
5	Từ Cầu Yên Thủy 1 đến Trung tâm UBND xã	300
6	Từ ngã 3 giáp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phần đến cổng làng Đồng Xiền	250
7	Từ cổng làng Đồng Xiền đến cách nhà văn hoá xóm Đẩu 100m	210
8	Từ cách Nhà văn hoá xóm Đẩu 100m đến hết đất xóm Đẩu	230
9	Từ hết đất xóm Đẩu đến cầu Khe Lin	210
10	Từ cầu Khe Lin đến cách chợ xóm Ó 300m	250
11	Từ chợ xóm Ó + 300m đi 2 phía	300
12	Từ cách chợ xóm Ó 300m đến hết đất Yên Lạc	300
IX	Tuyến đường liên xã xóm Đồng Bòng - Yên Lạc đi xóm Quyết Thắng - Tức Tranh	
1	Từ ngã 3 Viện Tân - Na Mụ - Đồng Bòng đến Nhà văn hóa xóm Đồng Bòng + 100m	230
2	Từ Nhà văn hóa xóm Đồng Bòng + 100m đến hết đất Yên Lạc (giáp Đồng Tiến - Tức Tranh)	210
X	Trục đường Quốc lộ 3- Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến	
1	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Tràn (đi Yên trạch)	230
2	Từ cầu Tràn đến hết đất Yên Ninh	200
3	Từ cổng Trường THCS xã Yên Trạch + 100m đi Yên Ninh, từ cổng Trường THCS + 250m đi Phú Tiến	230
4	Từ cách cổng Trường THCS 250m đến qua đường rẽ cổng chợ Yên Trạch 100m hướng đi Phú Tiến	190

5	Từ ngã 3 rẽ Bản Héo + 50m đi Yên Ninh, từ ngã 3 rẽ Bản Héo + 100m đi Phú Tiến	190
6	Các đoạn còn lại của trục đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (thuộc địa phận xã Yên Trạch)	180
XI	Trục đường Phủ Lý – ATK Hợp Thành	
1	Từ ngã ba chợ Hợp Thành đến ngã ba Phú Thành	440
2	Từ ngã 3 Phú Thành đến Bưu điện văn hóa xã	250
3	Từ Bưu điện Văn hóa xã đến cách ngã ba đình Làng Mới 100m	210
4	Từ ngã 3 đình Làng Mới + 100m về 3 phía	250
5	Từ ngã 3 đình Làng Mới + 100m đi xóm làng Mon (đến giáp đất Phủ Lý)	210
6	Từ Cầu Na Lậu đến cống Na Nhạp	220
7	Từ cống Na Nhạp đến hết đất Phủ Lý	210
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC	
I	XÃ SƠN CẨM	
1	Đường trong khu tái định cư xã Sơn Cẩm	3.600
2	Đoạn Từ ngã ba cống Trường Tiểu học Tân Long đến cống cũ trường Cao đẳng Công nghiệp	1.800
3	Đoạn Từ ngã ba cống Trường tiểu học Tân Long + 200m đi xí nghiệp gạch Tân Long	1.200
4	Từ ngã ba Văn phòng mỏ đến cống Trường PTTH Khánh Hoà	2.000
5	Nhánh rẽ Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên	
5.1	Từ ngã ba rẽ Trại tạm giam đi 200m về phía Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên	700
5.2	Từ 200m đến Trại tạm giam Công an Tỉnh	500
II	THỊ TRẤN GIANG TIÊN	
1	Đất khu dân cư trong chợ Giang Tiên	1.700
2	Các trục đường liên phố, tiểu khu khác chưa kể tên	
2.1	Đường đầu nối với đường từ Quốc lộ 3 đi cầu Đát Ma Giang Tiên, đến hết khu di tích Bazuka.	500
2.2	Từ bãi than 3 mỏ than Phấn Mễ rẽ hai phía đến hết đất thị trấn Giang Tiên	300
2.3	Các đường bê tông có đầu nối với Quốc lộ 3 vào 150m.	600
2.4	Các đoạn đường bê tông đầu nối với Quốc lộ 3 còn lại sau 150m.	270

2.5	Đường bê tông (không đầu nối với Quốc lộ 3)	270
2.6	Đường đất	240
III	THỊ TRẤN ĐU	
1	Các trục đường thuộc thị trấn Đu chưa kể tên	
1.1	Đường bê tông (có đầu nối với Quốc lộ 3):	
-	Đường bê tông (Km88 + 50 rẽ trái đi xóm Hoa 1, xã Phấn Mễ) đến hết đất thị trấn Đu.	240
-	Đường bê tông (Km89 + 700) rẽ trái vào tiểu khu Cầu Trắng, đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km89 + 810) rẽ trái vào tiểu khu Cầu Trắng, vào 250m.	900
-	Đường bê tông (Km90 + 50) (cạnh phía Nam Bệnh viện Đa khoa huyện) vào 150m	700
-	Đường bê tông (Km90 + 250) (cạnh điện lực Phú Lương) vào 250m.	900
-	Đường bê tông (Km90 + 500) rẽ trái vào tiểu khu Cầu Trắng và tiểu khu Thái An đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km90 + 550) vào đến Nhà văn hóa tiểu khu Thái An	900
-	Đường bê tông (Km91 + 50) vào đầu nối với đường Đu - Yên Lạc	1.500
-	Đường bê tông (Km91 + 580) (đường vào Nhà máy nước) đến hết đất thị trấn Đu	1.500
-	Đường bê tông (Km91 + 690) (đường vào Đền Liệt sỹ) vào đến hết đường bê tông.	1.500
-	Đường bê tông (Km91 + 850) (giáp Hạt giao thông Quốc lộ 3) vào đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km91 + 950) rẽ phải vào tiểu khu Lê Hồng Phong vào đến hết đường bê tông.	1.500
-	Đường bê tông (Km92 + 230) rẽ phải vào tiểu khu Lê Hồng Phong đến hết đường bê tông.	900
-	Đường bê tông (Km92 + 780) vào tiểu khu Dương Tự Minh đến hết đường bê tông	900
1.2	Đường bê tông (có đầu nối với đường 263):	230
-	Đường bê tông (Km0 + 550 rẽ trái đi xóm Làng Chảo, xã Động Đạt) vào	230

	đến hết đường bê tông.	
-	Đường bê tông (Km0 + 650 rẽ trái từ tiểu khu Tân Lập đi tiểu khu Cây Châm) vào đến hết đường bê tông.	230
-	Đường bê tông (Km0 + 950 rẽ trái đi xóm Đồng Nghè, xã Động Đạt) đến hết đất thị trấn Đu.	230
1.3	Đường bê tông còn lại:	
-	Đường bê tông (trừ các đoạn thuộc các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phấn Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính)	750
-	Đường bê tông (đoạn thuộc các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phấn Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính)	220
1.4	Đường đất	
*	Đường đất (trừ các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phấn Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính)	
-	Đường rộng $\geq 3,5m$	600
-	Đường rộng $< 3,5m$	500
*	Đường đất (thuộc các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phấn Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính)	
-	Đường rộng $\geq 3,5m$	210
-	Đường rộng $< 3,5m$	200
IV	XÃ YÊN ĐỒ	
1	Đường quy hoạch dân cư sau Chợ Trào, Yên Đồ	450
2	Đường nối đường tỉnh lộ 263 với Tỉnh lộ 268	220
V	XÃ ÔN LƯƠNG	
1	Nhánh rẽ từ trục đường tỉnh lộ 263 đi xã Ôn Lương	
1.1	Từ đường 263 đến hết đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba)	750
1.2	Từ giáp đất UBND xã + 100m đi 2 nhánh	650
2	Đường làng nghề xã Ôn Lương	
2.1	Từ ngã ba xóm Thâm Đông đi Nhà văn hóa xóm Đàm Rum	380
2.2	Đoạn đường còn lại thuộc đường làng nghề xã Ôn Lương	300
2.3	Đoạn từ Nhà văn hóa xóm Na Tũn đến Nhánh 3 đường làng nghề	220
3	Nhánh rẽ từ trục đường 263 + 200m đi trạm Y tế xã Ôn Lương	700

4	Đường du lịch làng nghề hồ Na Mạt	
4.1	Từ trục đường 263 + 150m đi xóm Na Pặng	500
4.2	Từ ngã ba xóm Thâm Đông + 100m đi hồ Na Mạt	400
4.3	Từ cách ngã ba xóm Thâm Đông 100m đến Hồ Na Mạt	350
5	Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gậy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị	400
6	Đường bê tông nối " Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gậy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị "	220
7	Từ đầu nối đường 263 (Km8 + 780) (xóm Khau Lai) đến ngã ba sau trạm y tế	250
8	Từ đường 263 (Km9 + 300) qua Nhà văn hóa xóm Xuân Trường nối đường 263 (Km9 + 900)	220
VI	XÃ HỢP THÀNH	
1	Từ ngã ba làng Mon đến Nhà văn hóa Khuôn Lân + 400 (hết đường nhựa)	210
2	Tuyến bê tông liên xóm Kết Tiến Thành (đường nối đường Tỉnh lộ 263 với đường Phủ Lý – ATK Hợp Thành)	200
3	Tuyến trục B Phú Thành đến Làng Mới	220
4	Từ ngã 3 Đình Làng Mới + 100m đến giáp xóm Hàm Rồng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	210
VII	XÃ VÔ TRANH	
1	Từ ngã ba Bình Long + 100m đi UBND xã Vô tranh	450
2	Trục đường từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đi xóm Toàn Thắng	
2.1	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m	350
2.2	Từ cách ngã ba chợ cũ 300m đến cầu Xoan Đào đi xóm Toàn Thắng	250
2.3	Từ cầu Xoan Đào đến ngã ba đường rẽ đi xóm Thống Nhất	300
3	Trục đường từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đến đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
3.1	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m	350
3.2	Từ cách ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn 100m	250
4	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đi trại giam Phú Sơn 4	
4.1	Từ ngã ba chợ cũ + 400m	400
4.2	Từ cách ngã ba chợ cũ 400m đến Cổng phân trại K4 - Phú Sơn 4	250
5	Từ cách ngã ba chợ cũ 400m đến cầu Húng (giáp xã Sơn Cẩm)	250

6	Từ ngã ba Trường học xóm Thống Nhất 4 đến phân trại K3 - Phú Sơn 4	250
7	Từ ngã tư xóm Tân Bình 3 + 150m đi 3 phía (trừ phía đi xóm Tân Bình 4)	300
VIII	XÃ TỨC TRANH	
1	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Tiến (từ ngã ba chợ Tức Tranh đi xóm Đồng Tiến)	
1.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 200m đi xóm Đồng Tiến	450
1.2	Từ sau 200m đến hết đường bê tông	250
2	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Lòng (từ Nhà máy Chè đi xóm Đồng Lòng)	
2.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 300m đi xóm Đồng Lòng	350
2.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	250
3	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Minh Hợp	
3.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Minh Hợp	250
3.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	210
4	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Thâm Găng	
4.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 300m đi xóm Thâm Găng	250
4.2	Từ sau 300 đến hết đường bê tông	210
	XÃ PHÚ ĐÔ	
1.1	Đường bê tông (đầu nối với đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đoạn Km10 + 400) vào đến hết Trường THCS Phú Đô (đi xóm Ao Cống)	220
1.2	Đường bê tông giáp cổng UBND xã Phú Đô đến cổng Làng nghề chè Phú Nam 1	220

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	220	200	180	160
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Tức Tranh, Yên Đỗ	200	180	160	140
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phú Lý, Yên Lạc	175	155	135	115

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 08

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐỊNH HOÁ GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
I	TRỤC ĐƯỜNG 268	
1	XÃ PHÚ TIẾN	
1.1	Từ Km2 + 950 (giáp đất Phú Lương) đến Km3 + 870	300
1.2	Từ Km3 + 870 đến Km4	400
1.3	Từ Km4 đến đầu cầu Đen	500
1.4	Từ đầu Cầu đen đến Km5	700
1.5	Từ Km5 đến Km5 + 120	550
1.6	Từ Km5 + 120 đến Km8 + 820 (giáp đất Bộc Nhiêu)	500
2	XÃ BỘC NHIÊU	
2.1	Từ Km8 + 820 (giáp đất Phú Tiến) đến Km9 + 500	600
3	XÃ TRUNG HỘI	
3.1	Từ Km9 + 500 (giáp đất Bộc Nhiêu) đến Km10 + 900	450
3.2	Từ Km10 + 900 đến Km11 + 600	500
3.3	Từ Km11 + 600 đến Km12 + 200	550
3.4	Từ Km12 + 200 đến Km12 + 400	550
3.5	Từ Km12 + 400 đến Km12 + 630	600
3.6	Từ Km12 + 630 đến Km13 + 30	700
3.7	Từ Km13 + 30 đến Km13 + 270	750
3.8	Từ Km13 + 270 đến Km13 + 500	1.000
3.9	Từ Km13 + 500 đến Km13 + 900	1.800
3.10	Từ Km13 + 900 đến cách Trung tâm ngã ba Quán Vương 50m về phía Phú Tiến (Km14)	2.400
3.11	Trung tâm ngã ba Quán Vương đi các phía 50m	3.600
3.12	Trung tâm ngã ba Quán Vương đi các phía 50m đến Km14 + 200	2.600
3.13	Từ Km14 + 200 đến Km14 + 300	1.800
3.14	Từ Km14 + 300 đến Km14 + 500	1.500
3.15	Từ Km14 + 500 đến Km14 + 800	1.100
3.16	Từ Km14 + 800 đến Km15 + 500	750

3.17	Từ Km15 + 500 đến Km16 + 400 (giáp đất Bảo Cường)	600
4	XÃ BẢO CƯỜNG	
4.1	Từ Km16 + 400 (giáp đất Trung Hội) đến đường rẽ UBND xã Bảo Cường Km16+500 (nhà ông Thao)	700
4.2	Từ đường rẽ Bảo Cường Km16 + 500 đến Km17	1.000
4.3	Từ Km17 đến ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh Km17+400 (nhà ông Sơn)	1.600
4.4	Từ ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh Km17+400 đến cầu Ba Ngạc (Giáp đất Chợ Chu)	2.000
5	THỊ TRẤN CHỢ CHU (Trục đường 268)	
5.1	Từ cầu Ba Ngạc đến đường rẽ vào xóm Thâm Tý, Bảo Cường	2.800
5.2	Từ đường rẽ xóm Thâm Tý, Bảo Cường đến đường rẽ xóm Bãi Á 2	3.600
5.3	Từ đường rẽ xóm Bãi Á 2 đến hết đất trạm Vật tư huyện	4.000
5.4	Từ giáp đất trạm Vật tư đến hết đất chợ Tân Lập	4.500
5.5	Từ giáp đất chợ Tân Lập đến đường rẽ vào Huyện ủy	5.000
5.6	Từ đường rẽ vào Huyện ủy đến cách Ngã tư trung tâm huyện 50m	5.500
5.7	Ngã tư trung tâm huyện + 50m về phía ngã tư Lương thực và về phía hướng đi Thái Nguyên	6.000
5.8	Từ cách ngã tư Trung tâm huyện 50m đến đường rẽ vào Trường PTTH	5.500
5.9	Từ đường rẽ vào Trường PTTH đến đầu Cầu Mới	4.500
5.10	Từ đường đầu Cầu mới đến cách ngã tư Lương thực 50m	4.200
5.11	Ngã tư Lương thực + 50m đi phía xã Kim Sơn và phía đi Thái Nguyên	4.500
5.12	Từ cách ngã tư Lương thực 50m đến hết Cửa hàng xăng dầu số 22	3.500
5.13	Từ Cửa hàng xăng dầu số 22 đến cách ngã ba xóm Nà Lài 50 m	3.000
5.14	Ngã ba Nà Lài + 50m đi các phía	3.000
5.15	Từ cách ngã ba Nà Lài 50m đến đường rẽ vào xóm Nà Lài (đường rẽ vào nhà ông Thịnh)	1.800
5.16	Từ đường rẽ vào xóm Nà Lài đến đường rẽ Ao Nặm Cắm	1.000
5.17	Từ đường rẽ Ao Nặm Cắm đến Km20 + 600 (giáp đất Kim Sơn)	700
6	XÃ KIM SƠN	
6.1	Từ Km20 + 600 (giáp đất Chợ Chu) đến Km24 + 300m	450
6.2	Từ Km24 + 300 đến Km24 + 700 (cách ngã ba Quy Kỳ 50m)	600
6.3	Từ Km24 + 700 đến Km24 + 800	650
6.4	Từ Km24 + 800 đến Km25	400

6.5	Từ Km25 đến Km25 + 300 (giáp đất Quy Kỳ, đường đi Chợ Đồn)	300
7	XÃ QUY KỲ	
7.1	Từ Km25 + 300 đến giáp đất huyện Chợ Đồn	200
II	TRỤC PHỤ ĐƯỜNG 268	
1	XÃ PHÚ TIẾN	
1.1	Đường Phú Tiến - Yên Trạch	
1.1.1	Từ đường 268 rẽ đi Yên Trạch đến cầu Thôn 9 + 100m	300
1.1.2	Từ cầu Thôn 9 + 100m đến giáp đất Yên Trạch	200
1.2	Đường Phú Tiến - Ôn Lương	
1.2.1	Từ đường 268 rẽ đi Ôn Lương đến ngã ba đi thôn 3, thôn 10	300
1.2.2	Từ ngã ba đi thôn 3, thôn 10 đến giáp đất Ôn Lương	200
2	XÃ BẢO CƯỜNG	
2.1	Từ đường 268 + 30m (cạnh nhà ông Thao) đến cách ngã tư trung tâm xã 50m	800
3	THỊ TRẤN CHỢ CHU	
3.1	Từ đường 268 rẽ vào Xóm Bãi Á 2	
3.1.1	Đoạn từ đường 268 rẽ vào xóm Bãi Á 2 đến ngã ba đường rẽ nhà văn hóa xóm Bãi Á 2 (ngõ quán Hoa sữa)	1.000
3.1.2	Đoạn từ đường 268 rẽ vào xóm Bãi Á 2 đến ngã ba đường rẽ nhà văn hóa xóm Bãi Á 2 (ngõ rẽ từ Quán Hiền Hà)	1.000
3.1.3	Đoạn từ giáp đường nhựa 268 rẽ vào xóm Thâm Tý hết đất thị trấn Chợ Chu (giáp đất xã Bảo Cường)	800
3.2	Đường bê tông rẽ vào Huyện ủy	
3.2.1	Từ đường 268 rẽ vào đường bê tông cổng Huyện Ủy	3.500
3.2.2	Nhánh rẽ từ đường bê tông Huyện ủy đến đường rẽ xóm Bãi Á 2 (Đường quanh nhà Thiếu nhi)	2.000
3.2.3	Ngõ rẽ số 62 từ đầu đường bê tông đến hết đất nhà văn hóa phố Tân Lập	1.200
3.2.4	Đoạn từ giáp đất nhà văn hóa phố Tân Lập đến hết đường vào khu dân cư phố Tân Lập	600
3.2.5	Ngõ rẽ số 15 giáp đường bê tông vào huyện ủy đến hết đường vào khu dân cư phố Tân Lập	800
3.3	Đường từ ngã tư trung tâm huyện đến Đài tưởng niệm	
3.3.1	Ngã tư trung tâm huyện đến cổng UBND huyện	5.000
3.3.2	Từ cổng UBND huyện đến giáp Đài tưởng niệm	3.500
3.4	Ngã tư trung tâm huyện đi phố Tân Thành	
3.4.1	Từ Ngã tư trung tâm huyện + 100m	4.000
3.4.2	Cách ngã tư trung tâm huyện 100m đến ngã ba Dốc Châu	3.000

3.5	Từ đường 268 rẽ vào đến xóm Hợp Thành	
3.5.1	Từ đường 268 đến cổng trường PTTH	2.800
3.5.2	Đoạn đường bê tông (từ đường vào trường THPT sang đến đường vào UBND huyện)	2.500
3.5.3	Đoạn giáp đường bê tông vào trường cấp 3 Định Hóa rẽ vào ngõ 110 đi hết đường bê tông khu dân cư phố Trung Thành	1000
3.5.4	Từ cổng trường PTTH đến hết xóm Hợp Thành	1000
3.5.5	Đường bê tông từ giáp xóm Hợp Thành đi xóm Phúc Thành (Đoạn từ hết xóm Hợp Thành đến giáp đập Đồng Phú xóm Phúc Thành)	600
3.6	Đường 268 rẽ vào xóm Ao Sen 100m	1.200
3.7	Đường từ ngã tư Trung Kiên (ngã tư Lương thực cũ) đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện (đường qua UBND thị trấn Chợ Chu)	2.500
3.7.1	Đoạn cổng viện đa khoa huyện + 50m hướng đường bê tông xóm Trung Việt	2.000
3.7.2	Đoạn cổng viện đa khoa huyện + 50m hướng đường bê tông xóm Trung Việt đến giáp đường nhựa 268	500
3.8	Đường ngã tư Lương thực - Chợ Chu - Cầu ba ngọc	
3.8.1	Đường từ ngã tư Trung Kiên (ngã tư Lương thực cũ) cộng 50m	4.000
3.8.2	Cách ngã tư Trung Kiên (ngã tư Lương thực cũ) 50m đến đường rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện	3.000
3.8.3	Đường rẽ vào đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện	2.500
3.8.4	Từ đường rẽ vào Bệnh viện đa khoa huyện + 50m về phía cầu Gốc Găng	2.500
3.8.5	Đoạn còn lại đến đầu cầu Gốc Găng	1.200
3.8.6	Từ cầu Gốc Găng đến cách Nhà văn hóa 3 phố Hòa Bình, Thống nhất, Đoàn Kết 50m	1.800
3.8.7	Từ Nhà văn hóa 3 phố Hòa Bình, Thống nhất, Đoàn Kết + 50m đi các phía	2.000
3.8.8	Các đoạn đường còn lại đi hết các phố Hoà Bình, Thống Nhất, Đoàn Kết	1.800
3.8.9	Từ cách Nhà văn hóa 3 phố Hoà Bình, Thống Nhất, Đoàn Kết 50m đến cách ngã ba Dốc Châu 50m	1.800
3.8.10	Từ cách ngã ba Dốc Châu 50m đi phố Tân Thành đến hạt Kiểm Lâm huyện	2.000
3.8.11	Từ cổng hạt Kiểm Lâm huyện đến giáp đường 268 cầu Ba Ngạc.	1.500
3.9	Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Chu	
3.9.1	Đường rộng $\geq 3,5m$ (từ trục chính vào 150m)	400
3.9.2	Đường rộng $\leq 3,5m$ nhưng lớn hơn 2,5m (từ trục chính vào 150m)	300
4	XÃ KIM SƠN	

4.1	Từ ngã ba Quy Kỳ + 50m (đi chợ Quy Kỳ)	650
4.2	Cách ngã ba Quy Kỳ 50m đến giáp đất Quy Kỳ (đường vào chợ Quy Kỳ)	600
III	ĐƯỜNG 264 (hướng Bình Thành đi Quán Vuông)	
1	XÃ BÌNH THÀNH	
1.1	Từ Km12 + 800 (giáp Đại Từ) đến Km13 + 700	300
1.2	Từ Km13 + 700 đến Km14 + 600	250
1.3	Từ Km14 + 600 đến Km15 + 700	300
1.4	Từ Km15 + 700 đến Km16 + 500	250
1.5	Từ Km16 + 500 đến Km17 + 200	500
1.6	Từ Km17 + 200 đến Km17 + 900	300
1.7	Từ Km17 + 900 đến Km19 + 100	450
1.8	Từ Km19 + 100 đến Km19 + 600 (giáp đất Sơn Phú)	300
2	XÃ SƠN PHÚ	
2.1	Từ Km19 + 600 (giáp đất Bình Thành) đến Km21 + 300	400
2.2	Từ Km21 + 300 đến Km21 + 700	600
2.3	Từ Km21 + 700 đến Km22 + 200	900
2.4	Từ Km22 + 200 đến Km22 + 700	700
2.5	Từ Km22 + 700 đến Km23 + 400 (giáp đất Trung Lương)	500
3	XÃ TRUNG LƯƠNG	
3.1	Từ Km23 + 400 (giáp đất Sơn Phú) đến Km24 + 200	300
3.2	Từ Km24 + 200 đến Km24 + 900	450
3.3	Từ Km24 + 900 đến Km26	600
4	XÃ BÌNH YÊN	
4.1	Từ Km26 đến Km26 + 100	800
4.2	Từ Km26 + 100 đến Km26 + 200	1.200
4.3	Từ Km26 + 200 đến Km26 + 250 (cách ngã ba Bình Yên 50m)	1.800
4.4	Từ Km26 + 250 đến Trung tâm ngã ba Bình Yên	2.200
4.5	Từ Trung tâm ngã ba Bình Yên đến Km26 + 400m (cách ngã ba Bình Yên 100m hướng đi Trung Hội)	2.500
4.6	Từ Km26 + 400 đến Km26 + 600	2.300
4.7	Từ Km26 + 600 đến Km26 + 700	1.500
4.8	Từ Km26 + 700 đến Km26 + 800	1.200
4.9	Từ Km26 + 800 đến Km27 + 200	1.100
5	XÃ TRUNG LƯƠNG (tiếp)	
5.1	Từ Km27 + 200 đến Km28 + 800	1.000

5.2	Từ Km28 + 800 đến Km29 + 300	1.200
5.3	Từ Km29 + 300 đến Km29 + 800 (giáp đất Trung Hội)	1.000
6	XÃ TRUNG HỘI	
6.1	Từ Km29 + 800 (giáp đất Trung Lương) đến Km30 + 400	1.200
6.2	Từ Km30 + 400 đến Km30 + 500	850
6.3	Từ Km30 + 500 đến Km30 + 850	1.200
6.4	Từ Km30 + 850 đến Km30 + 900	1.800
6.5	Từ Km30 + 900 đến Km30 + 950 (cách ngã ba Quán Vuông 50m)	2.300
IV	ĐƯỜNG 264B BÌNH YÊN - PHÚ ĐÌNH	
1	XÃ BÌNH YÊN	
1.1	Từ Km0 (Ngã ba Bình Yên) đến Km0 + 50	2.500
1.2	Từ Km0 + 50 đến Km0 + 100	2.200
1.3	Từ Km0 + 100 đến Km0 + 300	1.400
1.4	Từ Km0 + 300 đến Km0 + 600	800
1.5	Từ Km0 + 600 đến Km 1 + 500	600
1.6	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 900	550
1.7	Từ Km 1 + 900 đến Km2 (Ngã ba Đá Bay)	800
1.8	Từ Km2 (Ngã ba Đá Bay) + 100 về các phía	700
1.9	Từ Km2 + 100 đến Km3 (giáp đất xã Diềm Mặc)	400
2	XÃ DIỀM MẶC	
2.1	Từ Km3 (giáp đất Bình Yên) đến Km4 + 400	350
2.2	Từ Km4 + 400 đến Km4 + 600	350
2.3	Từ Km4 + 600 đến Km4 + 900	400
2.4	Từ Km4 + 900 đến Km5 + 500	850
2.5	Từ Km5 + 500 đến Km5 + 600	650
2.6	Từ Km5 + 600 đến Km5 + 800	550
2.7	Từ Km5 + 800 đến Km5 + 900	500
2.8	Từ Km5 + 900 đến Km6 + 00	400
2.9	Từ Km6 + 00 đến Km6 + 400	350
2.10	Từ Km6 + 400 đến Km6 + 800	300
2.11	Từ Km6 + 800 đến giáp đất xã Phú Đình (Km6 + 900)	300
3	XÃ PHÚ ĐÌNH	
3.1	Từ Km6 + 900 (giáp đất Diềm Mặc) đến Km7 + 100	300
3.2	Từ Km7 + 100 đến Km7 + 200	290

3.3	Từ Km7 + 200 đến đầu cầu Nạ Tiến	330
3.4	Từ đầu cầu Nạ Tiến đến Km7 +750	300
3.5	Từ Km7 +750 đến Km8 +300	340
3.6	Từ Km8 + 300 đến Km8 + 900	400
3.7	Từ Km8 + 900 đến Km9 + 200	500
3.8	Từ Km9 + 200 đến Km9 + 600	1.200
3.9	Từ Km9 + 600 đến Km9 + 900	700
3.10	Từ Km9 + 900 đến Km10 + 150	500
3.11	Từ Km10 +150 đến Km11 + 800	450
3.12	Từ Km11+ 800 đến Km11 + 950	480
3.13	Từ Km11+ 950 đến Km12 + 500	500
3.14	Từ Km12 + 500 đến Km13 + 400	500
3.15	Từ Km13 + 400 đến Km13 + 750 (Ngã ba đi Tuyên Quang)	550
3.16	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100m đi các phía	480
3.17	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100m đi Khuôn Tát (đến cây đa)	300
3.18	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100m đến giáp đất Tuyên Quang	250
V	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Bảo Cường – Đồng Thịnh	
1	Từ đường 268 vào 100m	700
2	Cách đường 268 100m + 150m tiếp theo	600
3	Đoạn còn lại đến cách ngã tư trung tâm xã 50m	700
4	Ngã tư trung tâm xã + 50m về các phía	900
5	Từ ngã tư trung tâm xã Bảo Cường + 50m đến giáp đất Đồng Thịnh	450
6	Từ giáp đất Bảo Cường đến cổng Trường THCS Đồng Thịnh	250
7	Từ cổng Trường THCS đến đập tràn Thác Lầm	350
8	Từ đập tràn Thác Lầm đến ngã ba An Thịnh 1	200
VI	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Chợ Chu – Lam Vỹ	
1	Từ cầu Gốc Sung đến đường rẽ vào Chùa hang + 50m đi vào Phụng Tiến	500
2	Cách đường rẽ chùa hang 50m đến giáp đất Phụng Tiến	400
3	Từ đất Phụng Tiến đến ngã ba cầu tràn Tân Dương	350
4	Từ cầu tràn Tân Dương đến Km2	450
5	Từ Km2 đến ngã ba đường vào xóm 5A, 5B	550
6	Từ ngã ba đường xóm 5A, 5B đến Km3	600
7	Từ Km3 đến Km4	450

8	Từ Km4 đến Km5 (giáp đất Tân Thịnh)	300
9	Từ Km5 (giáp đất Tân Dương) đến cầu Đồng Khiếu	250
10	Từ cầu Đồng Khiếu đến cột điện cao thế 98 đường dây 376	350
11	Cột điện cao thế 98 đường dây 376 đến trạm biến áp trung tâm	450
12	Từ trạm biến áp trung tâm đến cầu tràn Hát Mấy	250
13	Từ cầu tràn Hát Mấy đến giáp đất Lam Vỹ	250
14	Từ đất Lam Vỹ đến Cầu Nghiu	200
15	Từ Cầu Nghiu đến Km9 + 840 (cột điện hạ thế nhà ông Thanh)	300
16	Từ Km9 + 840 (cột điện hạ thế nhà ông Thanh) đến Km10 (cột điện thoại nhà ông Xanh)	800
17	Từ Km10 (cột điện thoại nhà ông Xanh) đến Km10 + 300 (cột hạ thế nhà ông Hiệp)	800
18	Từ Km10 +300 (cột hạ thế nhà ông Hiệp) đến cầu Trung Tâm	500
19	Từ Km10 + 600 (cầu Trung Tâm) đến đường rẽ Trường Tiểu học (Km10+700 - ngã ba Trung Tâm)	300
20	Từ Km10 + 700 (đường rẽ Trường Tiểu học) đến Km14 + 300 (cổng qua đường nhà ông Hoàn)	180
21	Từ Km14 + 300 (cổng qua đường nhà ông Hoàn) đến Km15 (cổng qua đường nhà ông Quý)	200
22	Từ Km15 (cổng qua đường nhà ông Quý) đến giáp đất xã Linh Thông	180
23	Từ ngã ba Trung tâm đến cổng Trường THCS xã Lam Vỹ	400
VII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN XÓM (Từ đầu cầu treo Tân Thịnh đến hết đất Làng Duyên xã Tân Thịnh)	
1	Từ đầu cầu treo đến cột hạ thế trung tâm số 69	180
VIII	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Thanh Định – Bảo Linh	
1	Từ đầm Đá bay đến cột cao thế 473/04 (xóm Khuổi Nghè)	300
2	Từ cột cao thế 473/04 đến cột cao thế 473/07 (xóm Khuổi Nghè)	250
3	Từ cột cao thế 473/07 (xóm Khuổi Nghè) đến cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thẩm Thia)	350
4	Từ cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thẩm Thia) đến cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao	400
5	Từ cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao đến cầu Phươn Thanh Xuân.	350
6	Từ cầu Phươn Thanh Xuân đến ngã ba Văn Lang + 100m hướng đi xã Bảo Linh	350
7	Từ ngã ba Văn Lang + 100m đến cột hạ thế số 5 (xóm Nạ Chèn)	300
8	Từ cột hạ thế số B9 xóm Nạ Chèn đến giáp đất xã Bảo Linh	200
IX	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ	

1	Từ giáp đất Kim Sơn đến qua cổng chợ Quy Kỳ 100m	600
2	Từ qua cổng chợ Quy Kỳ 100m đến cầu tràn Kim Phụng	300
3	Từ cầu tràn Kim Phụng đến giáp trạm Y tế xã Quy kỳ	400
4	Từ Trạm y tế xã Quy Kỳ đến hết cổng trường Mầm non xã Quy Kỳ	500
5	Từ trường Mầm non xã Quy Kỳ đến Km 4 + 200 (giáp đất Linh Thông)	200
6	Từ Km 4 + 200 đến Km 7 + 350	300
7	Từ Km 7 + 350 đến Km 10 + 200	300
8	Từ Km 10 + 200 đến Km 11 (giáp đất Lam Vỹ)	250
X	ĐƯỜNG LIÊN THÔN (xã Linh Thông)	
1	Từ Ngã ba Bản Chang đến cầu Đông Khán	250
2	Từ cầu Đông Khán đến ngã ba Cốc Móc	300
3	Trục đường bê tông Bản Chang - Nà Lá - Nà Chú	200
4	Trục đường bê tông Tân Vàng	200
5	Trục đường nhựa Nà My - Tân Thái - Tân Trào	200
XI	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Phúc Chu - Bảo Linh	
1	Cách ngã ba Nà Lài 50m đến hết đất nhà ông Bạch	900
2	Từ hết đất nhà ông Bạch đến giáp đất Phúc Chu	700
3	Từ Km 0 + 660 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 1 + 130	650
4	Từ Km 1 + 130 đến Km1+ 850	900
5	Từ Km 1 + 850 đến Km 3	550
6	Từ Km 3 đến cầu Nạ Mòn	500
7	Từ cầu Nạ Mòn đến Km 6 (hết đất Phúc Chu)	400
8	Từ Km 6 + 200 đến đường rẽ đi Khuổi Chao	200
9	Từ đường rẽ đi Khuổi Chao đến cầu đập chính	350
10	Từ cầu đập chính đến ngã ba Đồng Rằm	220
11	Từ ngã ba Đồng Rằm đi các phía 50m	250
12	Từ cách ngã ba Đồng Rằm + 50m đến giáp đất Bảo Linh	180
13	Từ giáp đất Định Biên đến cách ngã ba trạm điện số 1 (100m)	200

14	Từ cổng chợ trung tâm Cụm xã Bảo Linh đi Định Biên 50m; Đi UBND xã Bảo Linh 100m	250
15	Cách chợ trung tâm cụm xã 100m đến cách ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh 100m	300
16	Từ ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh về các phía 100m	450
17	Từ ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh đi các phía 40 m	450
18	Từ ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh + 40m đến cách đường rẽ lên chợ Bảo Hoa 177m	250
19	Từ cổng chợ Bảo Hoa đi về UBND xã 177m, về phía xã Thanh Định 107m	300
20	Từ cách cổng chợ Bảo Hoa 107m đến giáp đất xã Thanh Định	300
21	Từ ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh + 40m đến giáp đất Thanh Định	250
22	Cách ngã ba rẽ Trường THCS Bảo Linh 40m đến cổng trường Tiểu học	200
23	Đường vào nhà bia tưởng niệm bộ tổng tham mưu	250
24	Đường từ bưu điện vào nhà văn hóa A Nhì 2	200
25	Đường từ ngã ba rẽ Trường Tiểu học đi bãi cộ A Nhì 1	200
26	Đường bê tông Lãi tràn đi A Nhì 2	200
27	Đường nhánh vào Nà Léch thôn Đồng Uẩn (dài 300m)	250
28	Đường nhánh vào Làng Gày đến chân hồ Làng Gày	250
29	Đường nhánh vào Cặm Quang + 300m	300
XII	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Nà Guồng - Đồng Thịnh	
1	Từ Km 0 đến Km 0 + 500	450
2	Từ Km 0 + 500 (giáp đất Trung Lương) đến Km 1 + 500 (cách chợ 100m)	300
3	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 700	450
4	Từ Km 1 + 700 đến Km2 + 100	300
5	Từ Km2 + 100 đến Km3 + 200 (giáp đất Định Biên)	220
6	Từ Km3 + 200 đến cách ngã ba cầu Vàng Chương 100m	220
7	Từ cách ngã ba cầu Vàng Chương 100m đến đường rẽ xóm Noong Nia	400
8	Từ đường rẽ xóm Noong Nia đến giáp đường liên xã Phúc Chu - Bảo Linh	200
XIII	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Tân Dương - Phượng Tiến – Trung Hội	
1	Từ Km 0 (cầu Trần Tân Dương) đến đường rẽ xóm Pải (nhà ông Việt)	300
2	Từ Đường rẽ xóm Pải đến cách ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến 50m	500
3	Ngã ba trung tâm xã Phượng Tiến + 50m đi các phía	550

4	Từ ngã ba trung tâm xã Phụng Tiến + 50m đến Km4	250
5	Từ Km4 đến Km6 + 400	300
6	Từ Km6 + 400 đến Km9	200
7	Từ Km9 đến giáp đường 268	300
XIV	ĐƯỜNG LIÊN THÔN Xã Phụng Tiến	
1	Đường liên thôn ngã ba Nạ Poọc đi xóm Héo đến hết đường nhựa (Nạ Poọc - Nà Lang - Xóm Héo)	180
2	Từ Ngã ba trung tâm xã + 50m đi xóm Pa Goải, xóm Đình	200
3	Ngã tư xóm Đình đến trạm biển áp xóm Đình	300
XV	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Chợ Chu - Kim Phụng	
1	Từ cột điện số 7 (giáp chợ Chu) đến Trạm biển thể Cạm Phước	300
2	Từ trạm biển thể Cạm Phước đến trạm Y tế xã Kim Phụng	350
3	Từ trạm Y tế xã Kim Phụng đến cầu Bản Mới (cầu liên xã)	400
4	Từ cầu Bản Mới (cầu liên xã) đến cổng trường Tiểu Học	300
5	Từ cổng trường Tiểu Học đến cổng tiêu nước đồng Lác	250
6	Từ cổng tiêu nước đồng Lác đến cầu tràn bản Lác (giáp đất Quy Kỳ)	200
7	Từ cầu Bản Mới (cầu liên xã) đến Đèo Bồn (giáp đất Lam Vỹ)	200
XVI	ĐƯỜNG LIÊN XÃ Bộ Nhiêu – Bình Thành	
1	Từ trục đường 268 rẽ đi Bộ Nhiêu + 50m đến Km4 + 200	300
2	Từ Km4 + 200 đến Km5 + 300	480
3	Từ Km5 + 300 đến Km8 + 400 (giáp xã Bình Thành)	250
4	Từ Km8 + 400 (giáp xã Bộ Nhiêu) đến Km8 + 800 (nhà ông Đào Đình Miện)	220
5	Từ Km8 + 800 (nhà ông Đào Đình Miện) đến Km9 + 300 (nhà ông Hoàng Văn Sơn)	180
6	Từ Km9 + 300 (nhà ông Hoàng Văn Sơn) đến giáp đường 264	220
7	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÓM	
7.1	Từ cầu trung tâm xã + 500m đi hướng xóm Vân Nhiêu	300
7.2	Từ cầu trung tâm xã + 500m đến hết đất Vân Nhiêu	250

7.3	Từ cầu trung tâm xã + 300m đi hướng xóm Đạo 1	300
7.4	Từ cầu trung tâm xã + 300m đi hướng xóm Chú 4	300
XVII	ĐƯỜNG LIÊN THÔN (xã Đồng Thịnh)	
1	Đoạn từ cầu treo xóm Đèo Tọt đến ngã ba trường Mầm Non xã Đồng Thịnh	200
XVIII	Đường Bình Thành – Phú Đình	
1	Từ Đường 264 Km12 + 900 (Rẽ Bình Tiến) đến hết nhà ông Bùi Văn Đạt (Thôn Bình Tiến)	200
2	Từ nhà ông Bùi Văn Đạt (Thôn Bình Tiến) đến hết nhà ông Nguyễn Văn Yên (Thôn Làng Đầm)	180
3	Từ nhà ông Nguyễn Văn Yên (Thôn Làng Đầm) đến hết nhà ông Vũ Văn Hải (Thôn Hồng Thái)	200
4	Từ nhà ông Vũ Văn Hải (Thôn Hồng Thái) đến giáp nhà ông La Công Tuấn (Thôn Bản Là 1)	180
5	Từ nhà ông La Công Tuấn (Thôn Bản Là 1) đến giáp đất Phú Đình	200
XIX	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Sơn Phú – Diềm Mực	
1	Từ đường ĐT 264 đến ngã ba đường rẽ vào thôn Sơn Vinh 2	200
2	Từ ngã ba đường rẽ vào thôn Sơn Vinh 2 đến giáp đất Diềm Mực	180
XX	TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ Sơn Phú – Phú Đình	
1	Từ đường ĐT 264 đến điểm rẽ lên Nhà Văn hoá (Báo Sự Thật tặng)	200
2	Từ điểm rẽ lên Nhà Văn hoá (Báo Sự Thật tặng) đến ngã ba rẽ vào thôn Phú Hội 1, 2	180
XXI	Xung quanh các chợ nông thôn còn lại, ngoài các trục đường đã quy định trên, có đường rộng từ 3m trở lên có mặt tiền bám chợ (chợ thành lập theo quyết định của UBND tỉnh)	300

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Đồng Thịnh, Kim Phụng, Phú Tiến, Phúc Chu, Tân Dương, Trung Hội	190	170	120	80
Các xã: Bảo Linh, Bảo Cường, Bình Yên, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Định Biên, Diềm Mực, Linh Thông, Phú Đình, Tân Thịnh, Thanh Định, Trung Lương, Sơn Phú, Quy Kỳ,	180	150	120	80

Lam Vỹ, Kim Sơn, Phượng Tiến				
------------------------------	--	--	--	--

Ghi chú:

Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.

PHỤ LỤC SỐ 09

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN VÕ NHAÍ GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 57 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TUYẾN QUỐC LỘ 1B	
I	Từ giáp đất Lạng Sơn đến ngã tư thị trấn Đình Cả	
1	Từ giáp đất Lạng sơn Km (100 + 500) đến Km102	300
2	Từ Km102 đến Km102 + 300	450
3	Từ Km102+300 đến Km103	650
4	Từ Km103 đến cầu Vẽ (Km106)	450
5	Từ Km106 (cầu Vẽ) đến Km107 + 150 (cầu Suối Cạn)	1.500
6	Từ Km107 + 150 (cầu Suối Cạn) đến Km107 + 550 (cầu Nà Trang)	3.500
7	Từ Km107 + 550 (cầu Nà Trang) đến Km107 + 750 (ngã tư thị trấn Đình Cả)	4.000
II	Từ ngã tư thị trấn Đình Cả đến giáp đất huyện Đồng Hỷ	
1	Từ Km107 + 750 (ngã tư thị trấn Đình Cả) đến Km108 + 120 (đường rẽ vào trường Tiểu học thị trấn Đình Cả)	5.500
2	Từ Km108 + 120 (đường rẽ vào trường Tiểu học thị trấn Đình Cả) đến Km108 + 700 (cầu Rắn)	4.500
3	Từ Km108 + 700 (cầu Rắn) đến Km109 + 400 (đường rẽ vào Trường THPT Võ Nhai)	3.000
4	Từ Km109 + 400 (đường rẽ vào Trường THPT Võ Nhai) đến Km109 + 900 (cổng trường Tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng)	1.500
5	Từ Km109 + 900 (cổng Trường Tiểu học Đông Bắc xã Lâu Thượng) đến Km111 + 800	700
6	Từ Km111 + 800 đến Km112 + 400 (đường rẽ vào Trường THCS Lâu Thượng)	1.500
7	Từ Km112 + 400 (đường rẽ vào Trường THCS Lâu Thượng) đến Km113 + 500 (đường rẽ vào phân Trường Tiểu học Làng Hang)	500
8	Từ Km113 + 500 (đường rẽ vào phân trường Tiểu học Làng Hang) đến cổng khu công nghiệp Trúc Mai	600

9	Từ cổng khu công nghiệp Trúc Mai đến Km119 + 400	500
10	Từ Km119 + 400 đến Km124 + 100 (Trạm Y tế La Hiên)	600
11	Từ Km124 + 100 (Trạm Y tế La Hiên) đến Km124 + 800 (đường rẽ vào Trường THCS La Hiên)	1.000
12	Từ Km124 + 800 (đường rẽ vào Trường THCS La Hiên) đến Km125 + 80 (đường rẽ vào UBND xã La hiên)	2.000
13	Từ Km125 + 80 (đường rẽ vào UBND xã La hiên) đến Km125+200 (cầu La Hiên)	4.000
14	Từ Km125 + 200 (cầu La Hiên) đến Km126 + 300 (Nhà máy nước khoáng AVA La Hiên)	2.000
15	Từ Km126 + 300 (Nhà máy nước khoáng AVA La Hiên) đến Km128 + 100 (giáp đất huyện Đồng Hỷ)	1.000
	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 1B	
1	Từ Quốc lộ 1B (Km108 + 120) đến cổng Trường Tiểu học thị trấn Đình Cả	2.000
2	Từ Quốc lộ 1B (Km108 + 650) đến cổng bệnh viện Đa khoa huyện Võ Nhai	2.500
3	Từ Quốc lộ 1B (Km109 + 400) đến cổng Trường THPT Võ Nhai	1.500
4	Từ Quốc lộ 1B đến cổng Trung tâm Chính trị Võ Nhai	2.500
B	TUYẾN TỈNH LỘ	
I	ĐƯỜNG ĐÌNH CẢ - BÌNH LONG (ĐT 265)	
1	Từ ngã tư Đình Cả đến cầu Sông Đào	6.000
2	Từ cầu Sông Đào đến cầu Đá Mài	650
3	Từ cầu Đá Mài đến cầu Suối Lũ	300
4	Từ cầu Suối Lũ đến Km7 (cổng Trường Tiểu học Tràng Xá)	400
5	Từ Km7 (cổng Trường Tiểu học Tràng Xá) đến Km8 (cầu Bắc Bén)	600
6	Từ Km8 (cầu Bắc Bén) đến Km8 + 400 (Bưu điện VH xã Tràng Xá)	1.500
7	Từ Km8 + 400 (Bưu điện VH xã Tràng Xá) đến Km10 + 400	1.200
8	Từ Km10 + 400 đến Km10 + 800 (cổng Trường THCS Tràng Xá + 200m về 2 phía)	800
9	Từ Km10 + 800 đến Km13 + 400	300
10	Từ Km13 + 400 đến Km15 + 100	300
11	Từ Km15 + 100 đến Km15 + 500 (cổng chợ Dân Tiến + 200m về 2 phía)	1.200
12	Từ Km15 + 500 đến Km16 + 100	800
13	Từ Km16 + 100 đến Km16 + 500 (cổng Trường THCS Dân Tiến + 200m về 2 phía)	800
14	Từ Km16 + 500 đến Km21 + 100	350
15	Từ Km21 + 100 đến Km21 + 700 (cổng chợ Bình Long + 300m về 2 phía)	800
16	Từ Km21 + 700 đến giáp đất huyện Hữu Lũng - Lạng Sơn	300

	TRỤC PHỤ ĐÌNH CẢ - BÌNH LONG (ĐT 265)	
1	Từ đường ĐT 265 (hiệu thuốc Tràng Xá) đến cổng UBND xã Tràng Xá và đường vào Trạm đa khoa khu vực	1.000
C	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHÁC	
I	ĐƯỜNG TRÀNG XÁ - PHƯƠNG GIAO	
1	Cổng chợ Mũng + 250m về 2 phía	800
2	Các đoạn còn lại của đường Tràng Xá - Dân Tiến - Phương Giao	300
3	Cổng UBND xã Phương Giao + 400m về 2 phía	400
II	ĐƯỜNG ĐÔNG BO XÃ TRÀNG XÁ	
1	Cổng chợ Đông Bo + 200m về hai phía	400
III	ĐƯỜNG LA HIỀN - VŨ CHẤN	
1	Từ Quốc lộ 1B đến Km0 + 150m	2.500
2	Từ Km0 + 150 đến Km 1 (dốc Suối Đất)	1.000
3	Từ Km 1 (dốc Suối Đất) đến Km7 + 600 (đường rẽ vào Trường THPT Trần Phú)	400
4	Từ Km7 + 600 (đường rẽ vào Trường THPT Trần Phú) đến Km8 + 100 (ngã ba Cúc Đường)	1.200
5	Từ Km8 + 100 (ngã ba Cúc Đường) đến cổng trụ sở UBND xã Cúc Đường + 100m	600
6	Từ Km8 + 100 (ngã ba Cúc Đường) + 200m đường đi Thần Sa, Thượng Nung	600
7	Từ cổng trụ sở UBND xã Cúc Đường + 100m đến Km 9 (Trạm Y tế xã Cúc Đường)	550
8	Từ Trạm Y tế xã Cúc Đường đến hết UBND xã Vũ Chấn	180
IV	KHU VỰC CHỢ ĐÌNH CẢ	
1	Từ đường Đình Cả Bình Long (ĐT 265) đến hết đất Trường THCS Đình Cả	3.000
2	Từ đường Đình Cả Bình Long (ĐT 265) vòng ra cổng chợ sau chợ (cổng phía đông)	3.500
3	Từ cổng sau chợ (cổng phía đông) + 150m đường đi Bãi Lai	2.000
4	Đoạn còn lại đường Bãi Lai đến QL 1B	1.800
5	Từ cầu Đình Cả theo đường bê tông rẽ về hai phía	3.500
V	ĐƯỜNG TỪ NGÃ TƯ ĐÌNH CẢ - CÔNG HUYỆN ỦY	
1	Từ ngã tư Đình Cả đến Ban chỉ huy quân sự huyện	3.000
2	Từ Ban chỉ huy quân sự huyện đến cổng Huyện uỷ	2.500

VI	Các vị trí đất nằm trên đường bao quanh chợ Thượng Nung, Liên Minh	350
VII	ĐƯỜNG THƯỢNG NUNG - SẢNG MỘC	
1	Từ qua cổng chợ Thượng Nung 500m đến qua ngã tư nhà Văn hóa xóm Trung Thành 100m	200
	TRỤC PHỤ ĐƯỜNG THƯỢNG NUNG - SẢNG MỘC	
1	Từ đường liên xã Thượng Nung - Sảng Mộc đến cổng Trường THCS Thượng Nung	200
VIII	ĐƯỜNG LIÊN XÃ NGHINH TƯỜNG - SẢNG MỘC	
1	Từ trạm Kiểm lâm Nghinh Tường đến cầu Na Mao	300
	TRỤC PHỤ ĐƯỜNG LIÊN XÃ NGHINH TƯỜNG - SẢNG MỘC	
1	Từ cầu Na Mao đến UBND xã Nghinh Tường	300
IX	CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG BỔ SUNG	
	KHU VỰC THỊ TRẤN ĐÌNH CẢ	
1	Đường bê tông $\geq 3m$ (ngoài các vị trí đã được xác định theo vị trí 1, 2, 3 theo QĐ ban hành giá đất của năm)	300

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong bảng giá trên, thì áp dụng bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, Dân Tiến	160	130	100	80
Các xã: Bình Long, Phương Giao, Liên Minh, Cúc Đường, Thần Sa, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Vũ Chấn	130	100	80	70

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại tiết 2.1, điểm 2, mục I, phần B hướng dẫn áp dụng bảng giá đất.